

**BẢNG ĐIỂM THAM CHIẾU CHUYỂN LỚP ĐẦU HỌC KỲ II
NĂM HỌC: 2025-2026**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1	Đỗ Đức Anh	28/09/2010	10A1	Nam	9.6	9.3	9	7.5	9.3	T	T	9.25	7.5	9	9	8.25	8.973	30
2	Ngô Lan Anh	17/04/2010	10A1	Nữ	9.2	8.9	7.8	7.9	7.5	T	T	8.75	7.75	6.5	8.5	6.5	8.132	72
3	Nguyễn Mai Anh	05/08/2010	10A1	Nữ	9	9.6	7.9	8.9	8.8	T	T	7.75	8	8	9.25	7	8.250	65
4	Nguyễn Ngọc Anh	23/07/2010	10A1	Nữ	8.4	9.1	7.5	9.3	9	T	T	6.5	8.75	8.75	9	6.5	7.633	100
5	Nguyễn Quang Anh	29/12/2010	10A1	Nam	7.9	8.8	8.5	7.7	9.3	T	T	5.5	6	9	8	8	7.537	105
6	Phùng Đình Thế Anh	06/07/2010	10A1	Nam	8.4	9.4	8.7	7.5	8.2	T	T	6.25	6.5	6.75	9.75	8.25	8.308	58
7	Tổng Quốc Bảo	31/03/2010	10A1	Nam	8.5	9.6	7.6	8	8.1	T	T	7.25	6.25	6.25	9.75	6.5	8.053	79
8	Nguyễn Phúc Bình	27/05/2010	10A1	Nam	9.4	9.5	9.3	7.8	8.7	T	T	9	7	7.5	10	8.5	9.237	25
9	Nguyễn Thành Công	31/01/2010	10A1	Nam	9.3	9.3	8.8	7.7	8.4	T	T	8.5	6.75	7.5	9.5	8.25	8.865	34
10	Nguyễn Chí Cường	20/04/2010	10A1	Nam	8.8	9.5	8	7.8	7.8	T	T	7.5	6.75	6.5	10	5.5	7.997	82
11	Hoàng Ngọc Diệp	16/09/2010	10A1	Nữ	9.2	9.4	8.4	8.4	9	T	T	8	8.25	9.25	9.25	7.75	8.533	49
12	Nguyễn Khánh Đoan	29/06/2010	10A1	Nữ	6.7	9.1	7.3	8.1	9	T	T	4.75	7	9	9	5	6.685	162
13	Vũ Văn Đức	23/08/2010	10A1	Nam	9.2	9.1	8.9	7.3	9.1	T	T	8	6.25	9.25	8.75	8.25	8.553	46
14	Nguyễn Ngân Hà	09/01/2010	10A1	Nữ	9	9.1	8.3	8.1	9	T	T	7.75	7.5	8.75	8.5	7	8.065	78
15	Nguyễn Thuý Hằng	03/09/2010	10A1	Nữ	9.5	9.3	8.7	8.2	8.5	T	T	9.25	7.75	8.75	9.5	8.25	9.050	26
16	Trần Trung Hiếu	22/01/2010	10A1	Nam	6.7	9.2	6.1	7.2	6.4	K	T	4.5	6.5	6	9.25	5.75	6.750	159
17	Trần Trung Hiếu	04/09/2010	10A1	Nam	8.9	9.4	7.5	7.3	9	T	T	8	6	8	9.75	6.15	8.157	71
18	Lê Trần Gia Huy	17/03/2010	10A1	Nam	9.7	9.9	9.6	8.9	9.8	T	T	9.1	8.25	9.75	10	9	9.477	10
19	Nguyễn Đức Huy	11/09/2010	10A1	Nam	9.7	9.9	9.7	8.3	9.7	T	T	9.75	8	10	10	10	9.872	3
20	Vương Gia Huy	08/05/2010	10A1	Nam	9.4	9.9	8.6	9	9.3	T	T	9	8	8.5	10	9	9.323	18
21	Nguyễn Thị Hữu	17/06/2010	10A1	Nữ	8.1	9	7.6	8.2	7.9	T	T	6.75	7	6.75	9	6.5	7.662	98
22	Đỗ Minh Khôi	11/10/2010	10A1	Nam	9.3	9	8.6	8.2	9.3	T	T	8.5	8	8.75	8	7.5	8.290	59
23	Đỗ Thanh Lam	15/11/2010	10A1	Nữ	9.3	9.5	9.6	8.4	8.5	T	T	9	7.75	7.5	10	9.75	9.548	7
24	Trịnh Quốc Lâm	19/08/2010	10A1	Nam	9.8	9.6	9.4	8.1	9.3	T	T	9.55	8	9.75	9.25	9	9.367	15
25	Nghiêm Thị Hà Linh	09/12/2010	10A1	Nữ	9.1	9.6	8.7	7.9	9.4	T	T	8.9	8	8.75	9.75	8.25	9.017	27
26	Khổng Vũ Khánh Ly	09/04/2010	10A1	Nữ	9.5	9.6	9.2	8.5	9.2	T	T	9.15	8.25	9.25	10	8.75	9.340	16

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
27	Chu Xuân Mai	11/11/2010	10A1	Nữ	8.8	9.3	8.6	8.5	9.3	T	T	9	8.25	8.25	9.5	8	8.853	36
28	Hoàng Ngọc Minh	18/03/2010	10A1	Nam	9.8	9.5	9.1	8.4	9	T	T	9.75	8	8	10	8.75	9.490	9
29	Phạm Nhật Minh	11/06/2010	10A1	Nam	9.8	9.2	8.6	7.8	9.7	T	T	10	7.75	9.25	9.25	7.25	8.943	31
30	Sái Thu Nga	14/02/2010	10A1	Nữ	9.8	9.6	9.7	8.7	9.8	T	T	9.75	8.5	9.75	10	9.35	9.700	6
31	Nguyễn Khôi Nguyên	14/07/2010	10A1	Nam	9.4	9.7	9.4	8.7	9.1	T	T	8.75	8.25	8.5	9.75	9.25	9.325	17
32	Hàn Tuệ Nhi	01/01/2010	10A1	Nữ	9.8	9.6	9.2	8.7	9.7	T	T	10	8.5	10	10	9.6	9.767	5
33	Nguyễn Văn Phú	28/03/2010	10A1	Nam	9.7	9.4	8.3	8.2	8.9	T	T	9.5	7.5	8.5	9.25	9.25	9.273	21
34	Lê Ngọc Quang	20/01/2010	10A1	Nam	9.4	9.4	9.7	8	8.5	T	T	8.5	8	8.5	9.75	10	9.442	11
35	Lê Thị Như Quỳnh	04/11/2010	10A1	Nữ	9.6	9.6	8.8	8.3	8.4	T	T	9	8	7.75	9.75	9	9.275	20
36	Đinh Xuân Sơn	01/05/2010	10A1	Nam	8.3	9.3	9.1	7.7	6.9	T	T	7.05	7.25	4.75	9.5	8.25	8.457	51
37	Nguyễn Quỳnh Thu	18/09/2010	10A1	Nữ	9.7	9.6	9.4	8.3	9.2	T	T	10	8.25	9.25	10	10	9.870	4
38	Mông Thị Thương	14/11/2010	10A1	Nữ	8.5	9.5	8.1	8.5	9.1	T	T	7.5	7.75	9.5	10	6.75	8.268	62
39	Nguyễn Khánh Thy	03/02/2010	10A1	Nữ	9.2	8.9	8.1	8.4	9.5	T	T	8.5	8	9.5	8.25	7	8.162	70
40	Nguyễn Mạnh Tiên	06/08/2010	10A1	Nam	9.5	9.9	10	8.2	9.6	T	T	9.75	6.75	9.5	10	10	9.882	2
41	Nguyễn Anh Tú	12/11/2010	10A1	Nam	9.2	9.6	8.7	8.7	8.1	T	T	8.5	8	6.75	10	7.75	8.875	33
42	Dương Sơn Tùng	21/05/2010	10A1	Nam	9.8	9.9	9.9	7.5	8.3	T	T	9.75	7.25	8.5	10	10	9.902	1
43	Đỗ Lê Phương Uyên	12/11/2010	10A1	Nữ	8.8	9.4	7.9	8.9	8.7	T	T	7	8.5	8	9.5	7	8.093	75
44	Nguyễn Thành Quốc Việt	11/01/2010	10A1	Nam	8.9	9.4	7.9	7.9	6.7	T	T	9	7.25	7	9.5	8.25	8.862	35
45	Hoàng Hải Yến	02/01/2010	10A1	Nữ	9.4	9.2	8.2	8.1	7.8	T	T	8.75	8.25	9	9.5	7	8.572	45
46	Đỗ Bá Tuấn Anh	16/11/2010	10A2	Nam	8.7	8.6	8.5	8.4	8.8	T	T	7.5	8.25	8.25	8.5	8.25	8.238	66
47	Hoàng Thảo Anh	19/01/2010	10A2	Nữ	9	9.5	9.5	7.8	8.5	T	T	7.75	7.5	7.75	9.75	9	8.983	29
48	Nguyễn Tiến Anh	10/06/2010	10A2	Nam	8.6	7.5	6.5	7.1	8.1	T	T	7.75	6.5	7.5	6	5	6.635	166
49	Ngô Ngọc Gia Bảo	27/06/2010	10A2	Nam	9.1	9.4	9.4	8.7	9.5	T	T	8.65	8	9.75	9.5	9.5	9.242	24
50	Trần Nguyễn Gia Bảo	28/08/2010	10A2	Nam	8.6	8.6	7.7	7.3	8.7	T	T	7	7.25	8.5	9	7.6	7.997	82
51	Vương Gia Bảo	09/02/2010	10A2	Nam	9.1	8.7	8.8	8.5	8.8	T	T	8.5	7.5	8.5	8.25	10	8.902	32
52	Nguyễn Thị Khánh Băng	19/08/2010	10A2	Nữ	8.9	8.9	8.3	8.3	7.1	T	T	7.25	7	6.5	9	8.5	8.385	55
53	Nguyễn Ngô Hà Châu	18/05/2010	10A2	Nữ	8.6	6.9	8	8	7.9	T	T	7.5	6.75	7	6.5	8.5	7.600	101
54	Dương Quỳnh Chi	10/06/2010	10A2	Nữ	8.8	8.1	7.3	8.1	6.4	K	T	8	8	5.75	7.25	6.75	7.553	103
55	Nguyễn Thị Thu Cúc	20/04/2010	10A2	Nữ	7.4	7	6.7	8.4	7.9	K	T	4.5	7.25	7.75	6.25	6.5	6.135	192
56	Đỗ Mạnh Cường	23/05/2010	10A2	Nam	9.6	8	8.3	8.1	8.5	T	T	9.5	7	8.5	7.25	8.75	8.540	48

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
57	Đào Đức Duy	19/07/2010	10A2	Nam	8.8	9.1	9.2	6.4	9.2	K	T	7.25	5.75	9.25	9.25	8.75	8.602	44
58	Ngô Tùng Dương	13/05/2010	10A2	Nam	8.4	8.5	8.8	8	9.1	T	T	6.5	7.75	9.5	8.25	8.5	7.995	84
59	Nguyễn Hải Đăng	13/09/2010	10A2	Nam	7.7	8.6	8.1	7.9	7.7	T	T	4.25	7.25	6.25	8	7	6.932	143
60	Hàn Minh Đức	07/10/2010	10A2	Nam	8.4	9	8.8	7.3	7.5	T	T	6.75	7.5	6.25	8.75	8.75	8.278	61
61	Lê Minh Đức	22/12/2010	10A2	Nam	8.6	8.8	9.2	7.1	7.9	T	T	7.75	7.25	7	8.5	9.5	8.668	41
62	Nguyễn Anh Đức	20/05/2010	10A2	Nam	8.8	8.6	9.3	7.3	8.7	T	T	7.75	7	8.25	9.25	9.5	8.853	36
63	Nguyễn Minh Giang	01/04/2010	10A2	Nữ	9	6.6	8.2	8.9	7.8	T	T	7.75	8	7	4.75	7	6.930	144
64	Nguyễn Minh Hải	28/05/2010	10A2	Nam	7.8	7.2	7.8	8.9	8	T	T	5	8	7.75	5.5	7	6.363	181
65	Dương Văn Hiếu	07/04/2010	10A2	Nam	8.9	6.9	6.8	7.4	8	K	T	8	6.25	7.25	4.5	5.75	6.518	174
66	Nguyễn Việt Hiếu	22/02/2010	10A2	Nam	8.6	7.5	8.6	7.2	8	T	T	7.5	5.25	7	6.25	9	7.778	96
67	Chu Mạnh Hùng	29/12/2010	10A2	Nam	7.6	7.2	5.4	7.5	6.6	K	T	5	6.75	5.75	6.25	3.25	5.403	252
68	Hoàng Nhật Huy	03/12/2010	10A2	Nam	9.4	8.1	6.6	7.8	6.4	K	T	8.75	7.25	5	8.5	6.5	7.952	86
69	Trần Nguyễn Minh Huy	21/09/2010	10A2	Nam	9.5	7.9	7.9	7.9	7.3	K	T	9.5	7	6	7.25	6.75	8.013	80
70	Vi Minh Huy	25/04/2010	10A2	Nam	9.5	7.5	6.9	7	8.5	K	K	9.25	5.75	8.5	6.5	5.6	7.372	113
71	Nguyễn Đăng Khoa	30/12/2010	10A2	Nam	8.1	9.2	7.9	6.7	6.4	K	T	6.25	6.25	5.5	9.5	8.5	8.178	69
72	Nguyễn Đăng Khôi	15/10/2010	10A2	Nam	9.7	8.8	10	7.8	8.8	T	T	9.5	6.75	8.25	8.75	10	9.442	11
73	Phạm Quách Minh Khôi	05/03/2010	10A2	Nam	8.4	8.8	7.9	7.5	6.9	T	T	6.5	6.75	5.75	9.75	8.25	8.227	67
74	Hoàng Tùng Linh	03/12/2010	10A2	Nam	9.2	9.5	9.4	8.2	7.8	T	T	7.9	7.5	5.25	10	9.75	9.262	22
75	Trịnh Thùy Linh	04/01/2010	10A2	Nữ	8.9	8.6	8.2	8.6	7.9	T	T	7.5	7	6.75	8.25	7.5	7.995	84
76	Hạ Nhật Minh	21/06/2010	10A2	Nam	9.2	8.7	8.1	8	6.6	K	T	8.25	8	3.5	8.25	7.75	8.258	64
77	Nguyễn Hoàng Minh	23/05/2010	10A2	Nam	8.8	7.8	7	7.3	8.4	K	T	7.75	7.5	8.5	7.25	5.75	7.202	123
78	Lưu Thị Thanh Ngân	23/01/2010	10A2	Nữ	7.8	7.7	6.8	8.8	7.3	K	T	6	8	6.25	6.5	5.5	6.430	178
79	Nguyễn Cảnh Nguyên	03/07/2010	10A2	Nam	9.1	9.1	7.3	7.5	8.3	T	T	8.5	7.5	7.25	10	6	8.267	63
80	Vũ Công Quảng	06/02/2010	10A2	Nam	9.4	9.3	9.6	8	8.9	T	T	8.5	8	9	9.25	10	9.305	19
81	Bùi Tuấn Sơn	22/06/2010	10A2	Nam	8.2	8.1	8.3	8.2	7.6	T	T	6.25	8	6	8	7.5	7.535	106
82	Nguyễn Thị Minh Thanh	25/09/2010	10A2	Nữ	7.9	8.1	7.2	8.7	7.3	K	T	6.25	8.5	6.5	7.5	6.5	7.045	134
83	Vũ Tuấn Thành	23/02/2010	10A2	Nam	8.9	9.2	8.1	7.7	7.4	T	T	8	7.25	6.25	9	8.25	8.512	50
84	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/04/2010	10A2	Nữ	8.4	7.2	8.4	7.9	7.1	K	T	6.75	8.5	7	6.5	8	7.358	114
85	Hoàng Kiều Trang	23/06/2010	10A2	Nữ	9	8.9	8.4	8.3	6.5	T	T	8.25	7.75	5.5	8.25	8.25	8.405	52
86	Lý Văn Tú	29/06/2010	10A2	Nam	9.7	9.7	9.6	8.9	8.1	T	T	9.25	7.75	8	9.5	9.5	9.492	8

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
87	Đặng Khánh Uyên	16/06/2010	10A2	Nữ	8.2	8	8.1	8.9	7.9	T	T	5	8.25	8	6.75	8.25	7.097	129
88	Đồng Phương Uyên	15/07/2010	10A2	Nữ	9.4	8.6	8.8	7.8	8.8	T	T	8.5	7.5	9.5	8.75	9	8.805	38
89	Nguyễn Trung Việt	25/11/2010	10A2	Nam	9.4	8.9	8.8	8.5	7.5	T	T	8.5	7.5	7.25	8.5	8.5	8.660	42
90	Hoàng Đỗ Hoài An	29/05/2010	10A3	Nữ	8.6	9	8.6	7.7	7.2	T	T	7.5	8	5.5	9.25	8	8.395	53
91	Nguyễn Bảo An	09/10/2010	10A3	Nam	6.9	8.3	8.4	6.8	6.7	K	T	5.5	7	5.75	8.75	8	7.552	104
92	Dương Diệp Anh	14/10/2010	10A3	Nữ	6.3	5.8	5.9	8.2	7.4	K	T	3.1	7.5	6	3.5	3.75	4.215	325
93	Dương Quang Anh	26/09/2010	10A3	Nam	6.8	6.6	7.5	6.2	6.3	K	T	4	5	5	4.5	5.85	5.438	247
94	Đàm Đình Hoàng Anh	31/05/2010	10A3	Nam	7.2	7.2	7.8	6.4	6.8	K	T	4	5.75	6	7.25	7.75	6.653	164
95	Lý Bảo Anh	20/12/2010	10A3	Nữ	8.1	7.4	6.8	7.2	7.6	K	T	6.25	7.5	7.25	6.75	4.5	6.313	183
96	Ngô Phương Anh	24/09/2010	10A3	Nữ	6.5	6.5	5.2	6.5	4.4	Đ	T	5.25	6.5	2.75	4.25	3.1	4.760	291
97	Trần Việt Anh	12/10/2010	10A3	Nam	6.1	6.3	5.5	5.5	7.2	Đ	K	4.25	5.25	6.25	4	6.25	5.173	263
98	Bùi Thị Ngọc Ánh	20/08/2010	10A3	Nữ	5.8	5.1	5.7	8	5.6	Đ	T	2.75	8	3.5	2.5	3.5	3.702	343
99	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	21/05/2010	10A3	Nữ	7.6	7.4	6.3	7.2	6.9	K	T	6	7.25	5.5	6.25	5.5	6.272	185
100	Trần Đỗ Anh Đức	06/09/2010	10A3	Nam	6.6	6.4	6.4	5.6	5.7	Đ	T	4.75	5.5	3.75	2.5	3.75	4.507	310
101	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/02/2010	10A3	Nữ	7.1	6.9	5.6	7.4	4.7	Đ	T	4.6	7.75	2	5	3.5	5.017	274
102	Lưu Thị Minh Hòa	28/02/2010	10A3	Nữ	6.7	7.1	7.4	7	6.4	K	T	2.75	7	6	3.75	7	5.270	258
103	Đỗ Huy Hùng	11/11/2010	10A3	Nam	6	6.7	7.1	6.6	5.9	K	T	2.75	6.5	5.25	4.75	6	5.130	268
104	Đỗ Khánh Huy	28/10/2010	10A3	Nam	8.3	9.1	8.6	7.3	8.7	T	T	7.75	7	7.5	9.5	8.25	8.550	47
105	Lã Duy Hưng	07/11/2010	10A3	Nam	8.9	9.2	8.6	7.7	8.4	T	T	9	7	8	9.5	8.6	8.993	28
106	Hoàng Quỳnh Hương	27/05/2010	10A3	Nữ	8.3	8.9	7.6	8.2	8	T	T	8	8	7.75	9	6	7.847	92
107	Vũ Thu Hương	18/02/2010	10A3	Nữ	9.2	9.2	7.6	8.2	8	T	T	9	8	8.5	8.5	6.6	8.223	68
108	Nguyễn Nam Khánh	28/02/2010	10A3	Nam	6.1	5.4	7.1	4.7	6.3	Đ	K	4.5	4	5	3.5	5.5	5.010	277
109	Lưu Thị Lan	01/09/2010	10A3	Nữ	8.6	7.1	6.4	7.3	7.6	K	T	7.5	7.25	8.5	4.75	4.5	6.118	194
110	Mông Thị Hà Linh	10/09/2010	10A3	Nữ	6.1	4.6	5.7	7.6	6.2	Đ	T	3.5	7.75	5.5	3	4.25	4.148	327
111	Trần Hoàng Linh	28/04/2010	10A3	Nữ	7.7	8.7	8.2	7.5	8.3	T	T	6.15	7.5	8.5	7.5	7.25	7.337	115
112	Nguyễn Thành Long	07/10/2010	10A3	Nam	6.3	6.1	6.8	5.7	6.5	Đ	T	3.5	5.75	6.25	4.25	6	5.128	269
113	Nguyễn Văn Long	08/04/2010	10A3	Nam	7.6	8.2	6.5	7.1	6.3	K	T	6.5	7.5	4.75	6.75	5.25	6.547	172
114	Vì Thành Long	16/04/2010	10A3	Nam	7.4	7.6	7.4	6.2	5.8	K	T	7	6.5	4.75	7.5	9.5	7.840	93
115	Đỗ Hoàng Lợi	01/01/2010	10A3	Nam	8.1	8	6	6.5	7.3	K	K	7.5	6.75	8	7.25	5	6.818	153
116	Nguyễn Hồng Mạnh	27/07/2010	10A3	Nam	5.9	5.8	5.4	5.5	6.3	Đ	T	3.25	5.5	5.25	5.5	4.75	4.860	284

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
117	Nguyễn Nhật Minh	21/12/2010	10A3	Nam	7.3	7.7	6.8	6.8	6.7	K	T	6.25	7	5.5	7.5	4.5	6.438	176
118	Nguyễn Diệu My	31/07/2010	10A3	Nữ	7.2	6.3	6.8	7.7	6.3	K	T	6.25	8.25	5.25	3.75	6.35	5.845	218
119	Đỗ Bảo Nam	24/01/2010	10A3	Nam	7.5	7.3	5.8	7.6	4.8	Đ	T	7.25	7.5	2.5	6	4	6.085	198
120	Đỗ Tuấn Ninh	08/06/2010	10A3	Nam	7.2	7.9	7.9	8	8.6	T	T	6.25	8	8.5	6	7	6.792	155
121	Nguyễn Minh Quang	27/05/2010	10A3	Nam	5.6	5.1	5.8	5.3	5	Đ	T	3.5	3.75	2.5	3.5	4.5	4.333	315
122	Nguyễn Đức Quân	09/01/2010	10A3	Nam	6.6	7.1	6.2	7.2	5.4	K	T	5	7.75	2.5	7.5	4.25	5.898	213
123	Ngô Thảo Quyên	06/06/2010	10A3	Nữ	7	7.7	6.2	7.2	7.2	K	T	5.25	7.25	6.75	9.25	4.6	6.547	171
124	Hứa Như Quỳnh	15/11/2010	10A3	Nữ	8.2	7.1	7.4	7.9	7.8	K	T	7.75	8	7.25	5.5	5.25	6.587	168
125	Trần Văn Thái	18/01/2010	10A3	Nam	5.9	6.5	5.6	6.3	6.5	K	K	2.1	7.25	4.25	4	3.25	3.982	334
126	Đào Thị Thuỷ	21/01/2010	10A3	Nữ	8.4	8.2	6.9	7.7	7.6	T	T	8.75	7.25	7	7.5	6.5	7.658	99
127	Cao Đức Trọng	27/07/2010	10A3	Nam	6.8	6.8	7.2	6.4	5.8	K	T	5	6.75	2.25	3.5	4.75	5.172	264
128	Phí Đức Trung	18/07/2010	10A3	Nam	6.9	7.5	7.4	5.9	6.4	K	K	4.25	5.75	4	7	5.5	6.088	197
129	Ngô Minh Tú	16/03/2010	10A3	Nam	7.4	7.3	7.6	8.4	5.8	K	T	7.5	8.5	3.5	5.75	6.75	6.897	149
130	Lê Minh Tuấn	22/01/2010	10A3	Nam	7.6	7.6	7.8	6.9	6.1	K	T	5.75	0	0	4.75	6.5	6.267	186
131	Nguyễn Thanh Tùng	25/01/2010	10A3	Nam	6.6	7.5	6.3	6.8	6.1	K	T	3.75	6.25	3.75	6.25	3.75	5.248	260
132	Đặng Nguyễn Tường Vi	02/02/2010	10A3	Nữ	7.9	7.6	7.4	8.4	7.5	K	T	6.5	8	6.75	6.5	5.5	6.607	167
133	Nguyễn Đắc Vượng	20/07/2010	10A3	Nam	6	6.6	8.2	6	5.7	K	T	2.75	5.75	3.75	2.45	8.75	5.335	255
134	Lê Thảo Vy	09/10/2010	10A3	Nữ	6.3	6.5	6.7	6.9	6.7	K	T	4.25	6	5.5	2.85	3.1	4.330	316
135	Nguyễn Hữu An	17/07/2010	10A4	Nam	7.9	8.3	7.9	7.7	7	K	T	6.5	7	7.75	8	7	7.427	109
136	Dương Nhật Anh	28/01/2010	10A4	Nam	6.8	5.4	5.8	7.1	6.7	K	T	4	5.5	6.5	5	4.75	5.008	278
137	Nguyễn Hoàng Diệu Anh	26/04/2010	10A4	Nữ	6.6	5.9	6.8	8.2	7.5	K	K	2.7	7.5	6.5	4.5	5.35	4.858	285
138	Nguyễn Thị Vân Anh	23/08/2010	10A4	Nữ	6.1	5.4	6.2	8.4	7.7	Đ	T	3	8.25	7.75	5	3.75	4.512	309
139	Nguyễn Văn Đức Anh	26/07/2010	10A4	Nam	5.6	5.1	6.3	5.9	5.1	Đ	T	2.1	5.5	2.5	1.6	5	3.730	341
140	Nguyễn Việt Anh	27/02/2010	10A4	Nam	6.7	8	8.1	6.9	7.7	K	T	4.75	6.5	7.75	8.25	9	7.413	110
141	Đổng Thị Ngọc Ánh	19/08/2010	10A4	Nữ	6.5	5.9	7.4	7.1	7.3	K	T	4.5	7.25	5.75	4.35	6	5.445	245
142	Đỗ Minh Chi	11/11/2010	10A4	Nữ	7.5	7.2	7.4	7.2	8.5	K	T	6.25	6.75	7	6.5	5.35	6.433	177
143	Nguyễn Thị Chuyên	15/04/2010	10A4	Nữ	6.4	4.5	5.6	7.9	6.4	Đ	T	2.5	7.25	4.75	3	2.5	3.517	351
144	Tạ Minh Cường	07/09/2010	10A4	Nam	6.7	6.8	7.1	6.7	6.2	K	T	4.75	6.25	6	7	6.75	6.377	180
145	Nguyễn Đàm Dũng	12/12/2010	10A4	Nam	5.4	3.7	4.8	5.4	3.4	CĐ	K	2.35	3	1	2.6	3.75	3.420	353
146	Nguyễn Hải Đăng	30/08/2010	10A4	Nam	6.7	4.4	4.3	5.9	8	Đ	T	5.5	4.75	8	2.75	3.5	4.282	321

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
147	Nguyễn Duy Đông	29/07/2010	10A4	Nam	7	8.5	8.2	7.8	7.7	K	T	5	7.25	6.75	8	7.25	7.095	130
148	Nguyễn Huy Đông	30/05/2010	10A4	Nam	5.3	5.2	4.1	6.8	6.3	Đ	Đ	1.85	6.25	4.25	4.1	3	3.548	350
149	Bùi Chung Hạnh	27/10/2010	10A4	Nam	7	6	6.6	7.8	6.4	K	T	4.25	7.75	6	3.25	5.25	4.935	280
150	Ngô Công Hậu	04/03/2010	10A4	Nam	7.2	6.2	6.5	7.1	6.2	K	T	4.5	7	5.25	4.75	4.6	5.222	261
151	Đỗ Quang Huy	23/11/2010	10A4	Nam	6.9	6.8	6	7.6	8	K	T	5	7.5	7.25	4.85	2.75	4.910	281
152	Trần Khánh Huyền	12/10/2010	10A4	Nữ	6	5	5.8	8.1	6.5	K	T	3	7.5	4.25	2.85	2.35	3.593	347
153	Nguyễn Đại Lâm	05/12/2010	10A4	Nam	8	7.8	6.1	8	8.5	K	T	7	7.75	7.75	6.75	3	6.098	195
154	Ngô Bảo Linh	12/12/2010	10A4	Nữ	7.2	8.3	7.4	8.2	8.2	K	T	6	8	7.25	8	6.25	7.015	136
155	Ngô Ngọc Linh	10/07/2010	10A4	Nữ	6.3	5.7	6	7.5	7.2	Đ	K	4.25	7.5	6.75	3.85	2.35	4.238	324
156	Nguyễn Phương Linh	25/09/2010	10A4	Nữ	5.8	4.6	4.8	7.9	6	Đ	T	2.5	7.5	3.75	3.75	2.5	3.562	349
157	Trần Gia Long	28/09/2010	10A4	Nam	6.5	7	7.4	6.3	5.7	K	T	4.25	5.5	3.5	7	5.5	5.998	203
158	Đỗ Ngọc Minh	01/08/2010	10A4	Nữ	6.5	5.8	6.2	7.9	6.6	K	T	5.6	8	5.5	5	4.25	5.315	257
159	Vũ Trà My	24/08/2010	10A4	Nữ	7.1	7.8	6.4	8	9.2	K	T	6.5	8	8.5	7.75	4.75	6.563	170
160	Nguyễn Thế Mỹ	21/07/2010	10A4	Nam	5.8	5.4	5.4	7.4	6.1	Đ	T	3.6	7.25	3.25	3.75	3.75	4.250	323
161	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	30/06/2010	10A4	Nữ	8.1	5.9	6.6	8.1	6.9	K	T	8	7.5	4.75	3.75	5	5.968	205
162	Hà Thảo Nguyên	02/09/2010	10A4	Nữ	7.3	7	7.2	7.7	7.2	K	T	5.25	8	5.5	4.25	5.75	5.708	228
163	Dương Văn Phi	06/12/2010	10A4	Nam	6.8	6.3	6.3	7.4	6.9	K	T	4.25	7.5	4.75	3.85	5.25	5.055	273
164	Ngô Quang Phúc	25/03/2010	10A4	Nam	8.5	7.9	7.3	7	8.1	K	T	7.75	7	7	7	5.75	7.153	124
165	Nguyễn Mạnh Phương	06/11/2010	10A4	Nam	7	6.9	7.7	8	7.3	K	T	4.75	8	7	6.75	6.5	6.360	182
166	Vũ Thu Phương	13/02/2010	10A4	Nữ	6.5	4.9	5.9	7.7	6.1	Đ	K	4.75	7	4.5	2	2.6	3.912	336
167	Lê Hoàng Sơn	23/08/2010	10A4	Nam	4.7	4	3.7	5.3	6.3	Đ	K	1.5	4	5.5	2	2.35	2.605	359
168	Chu Đức Thành	25/09/2010	10A4	Nam	8	8.6	8.1	7.5	7.9	T	T	7.75	7.5	7.5	9.25	7.25	8.128	73
169	Nguyễn Thanh Thảo	30/01/2010	10A4	Nữ	6.6	5.4	5.1	7.7	8	K	T	3.15	7.25	8	3.75	2.85	3.985	333
170	Nguyễn Nam Thiên	12/12/2010	10A4	Nam	7.4	7.1	6.6	6.7	6.1	K	T	7.25	6	5.5	6.75	5.75	6.718	161
171	Bùi Văn Thiện	13/01/2010	10A4	Nam	7.5	6.8	8.4	7.3	7.8	K	T	6.25	6.25	7.5	7.5	7.5	7.228	120
172	Nguyễn Văn Thịnh	06/09/2010	10A4	Nam	7.1	7.9	7.5	7.5	7.5	K	T	5.25	7.5	6.25	8	6.25	6.800	154
173	Lưu Phương Thoa	27/09/2010	10A4	Nữ	6.5	6.6	7.5	8	8.8	K	K	5.25	8	9	6.5	6.25	6.260	187
174	Nguyễn Thanh Thủy	16/06/2010	10A4	Nữ	8.4	8.2	7.8	7.8	8.5	T	T	8.25	7.5	8.25	7.75	7	7.807	94
175	Nguyễn Văn Toàn	12/10/2010	10A4	Nam	7.2	5.8	6.6	7.8	6.3	K	T	5.5	7	5.75	4.5	5.6	5.600	235
176	Đỗ Hoàng Tuấn	23/07/2010	10A4	Nam	6.8	4.4	6	7	7.1	Đ	T	4.25	6.75	6.5	3.25	5.25	4.695	300

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
177	Nguyễn Minh Tuấn	13/11/2010	10A4	Nam	7.4	6.5	5.9	7	3.5	Đ	T	7	7.25	3.25	7.25	5	6.472	175
178	Đỗ Thảo Vân	22/11/2010	10A4	Nữ	6.9	6.3	6.4	5.9	8	K	T	5.5	3.25	6.25	2.75	3.5	4.702	299
179	Nguyễn Nhật Vũ	26/09/2010	10A4	Nam	5.6	5.2	5.1	6.4	5	Đ	K	2.75	5	4.25	2.85	2.5	3.480	352
180	Bùi Thị Bình An	12/11/2010	10A5	Nữ	7.3	6.2	6.9	6.4	6.6	K	T	7.75	6.25	6.5	6.6	5.5	6.672	163
181	Tạ Thị Bảo An	15/10/2010	10A5	Nữ	8.8	8.2	8.5	7.8	9	T	T	8.25	7.75	8.75	7.5	7.25	7.917	88
182	Trần Thị Tường An	02/05/2010	10A5	Nữ	7.3	7.7	5.5	7.8	8.8	K	T	6.25	7.5	8.5	6	5	6.075	200
183	Nguyễn Ngọc Anh	10/07/2010	10A5	Nữ	7.2	7.3	5.5	7.7	7.4	K	T	4.75	7.25	6.75	6.5	4.1	5.582	236
184	Nguyễn Thị Ánh	29/09/2010	10A5	Nữ	7.6	6.5	9.4	6.9	7.5	K	T	6	6.5	7.25	5.75	9.5	7.308	117
185	Nguyễn Tiến Bảo	19/08/2010	10A5	Nam	6.8	7.3	7.4	7.3	7.3	K	T	6	7.25	6.75	7	8	7.050	133
186	Nguyễn Nữ Kiều Chi	07/11/2010	10A5	Nữ	6.1	6.3	5.2	7	5.4	Đ	T	5.35	6.75	4.25	4	3.5	4.758	292
187	Lưu Minh Chiến	05/03/2010	10A5	Nam	7	7	5.9	6.9	5.7	K	T	5.75	6.5	3.5	5.5	5.25	5.840	219
188	Trương Văn Cương	05/08/2010	10A5	Nam	5.8	5.4	4.9	7.4	7.1	Đ	K	2.5	6.75	4.5	5.35	5	4.608	306
189	Bùi Tiến Dũng	26/01/2010	10A5	Nam	5.8	5.6	5.8	6.3	6.9	Đ	T	2.75	5	5	4.5	3.1	4.135	329
190	Nguyễn Thái Dương	31/08/2010	10A5	Nam	7.3	8.2	8	7.7	8.1	T	T	6.5	7.25	8	8.5	7.5	7.600	101
191	Bùi Tiến Đạt	19/12/2010	10A5	Nam	8.5	8.1	7.9	7.8	8.9	T	T	8.5	7.75	9.25	7.25	6.75	7.700	97
192	Đỗ Hà Giang	03/12/2010	10A5	Nữ	7.8	7.4	7.8	7.3	7.8	K	T	7.25	8	7.75	6.5	6	6.908	147
193	Ngô Thị Xuân Giang	20/02/2010	10A5	Nữ	6.9	6.1	7	7.6	7.7	K	T	5.25	7.5	7.75	5.5	7.25	6.200	190
194	Nguyễn Quang Hải	21/09/2010	10A5	Nam	6.8	7.5	7.4	6.9	8.9	K	T	7	5.5	8.25	6.75	7.85	7.210	122
195	Lưu Thị Hiền	12/05/2010	10A5	Nữ	7.8	6.7	6.7	7.6	8.4	K	T	7.5	7.5	8	5.5	4.5	6.203	189
196	Nguyễn Trung Hiếu	15/06/2010	10A5	Nam	6.1	3.5	4.1	6	6.3	Đ	T	3	4	7.25	2.25	2.5	3.178	356
197	Nguyễn Văn Hùng	02/11/2010	10A5	Nam	6.8	5.4	3.3	7.6	6	Đ	T	4	7.25	4.75	4	2.1	3.907	337
198	Lưu Gia Huy	25/09/2010	10A5	Nam	6.9	6.3	7.6	6.8	7.2	K	T	5.25	5.75	7.5	5.5	8.5	6.572	169
199	Nguyễn Công Huy	29/09/2010	10A5	Nam	7.4	7.9	7.9	7.1	8.9	K	T	5.25	6	9.5	7.5	6.25	6.753	158
200	Nguyễn Đức Huy	24/02/2010	10A5	Nam	6.9	6.7	5	5.7	7.8	K	K	4.6	4.75	8	6.5	5	5.617	233
201	Nguyễn Khánh Huyền	24/11/2010	10A5	Nữ	6.2	6.4	5.5	6	8	Đ	T	4.75	5.75	7	4.5	3.25	4.727	295
202	Nguyễn Minh Hưng	06/02/2010	10A5	Nam	7.5	6.4	7.9	7.3	6.3	K	T	7.75	6.75	6	5.75	6.75	6.905	148
203	Nguyễn Đức Khải	26/07/2010	10A5	Nam	5.9	5.3	3.9	7.2	5.8	Đ	T	3.5	7	4.5	3	2.35	3.575	348
204	Ngô Nam Khánh	08/08/2010	10A5	Nam	6.3	7.9	4.4	6	8.2	Đ	T	4.25	4.25	7.25	8	3.5	5.535	240
205	Nguyễn An Khánh	02/09/2010	10A5	Nam	6.8	5.6	5.2	7.1	6.2	K	T	5	6.5	4.75	4.5	3.25	4.735	294
206	Nguyễn Nam Khánh	21/12/2010	10A5	Nam	7	6.6	7.1	6.9	7.1	K	T	7	6.5	6.5	5.5	8	6.853	151

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
207	Lê Đăng Khoa	10/07/2010	10A5	Nam	7.9	8.4	7.1	7.6	8.8	T	T	6.5	7	9	8	6	7.123	126
208	Nguyễn Đăng Khôi	20/07/2010	10A5	Nam	7.9	6.3	6.1	7.3	6.7	K	T	6.75	6.75	7	6	4	5.938	208
209	Nguyễn Trung Kiên	26/06/2010	10A5	Nam	5.9	5.1	6.1	7.2	7.3	Đ	T	2.25	7	8.25	2.6	4.35	3.857	338
210	Nguyễn Trung Kiên	21/07/2010	10A5	Nam	6.5	7.5	5.1	7.7	7.5	K	T	4.1	7.5	8.25	6	4	5.200	262
211	Trần Tùng Lâm	12/02/2010	10A5	Nam	7	7	8.2	7.2	7.6	K	T	4	6.5	6.5	4.75	7	5.895	214
212	Trần Thị Lệ	04/12/2010	10A5	Nữ	4.9	4.6	4.2	7.7	5.4	Đ	T	2.35	8	4.75	2	4.25	3.377	354
213	Nguyễn Thị Liên	15/06/2010	10A5	Nữ	7.3	6.9	6.4	7.7	6.2	K	T	6.75	8	6.25	5.75	4.75	6.085	198
214	Nguyễn Trọng Linh	15/01/2010	10A5	Nam	6.7	4.7	7.2	7.2	5	Đ	T	4	6.5	1.75	2.75	7.25	5.127	270
215	Nguyễn Thành Nam	19/03/2010	10A5	Nam	5.9	4.4	4.1	6.3	4.7	Đ	T	3.75	5.5	3.25	2.1	3.75	3.680	345
216	Nguyễn Khánh Ngọc	18/10/2010	10A5	Nữ	7.2	6.5	5.8	6.8	4.9	Đ	T	7	6.25	4.25	6.25	4.5	6.092	196
217	Nguyễn Trần Ánh Ngọc	28/03/2010	10A5	Nữ	8.1	8.7	7.7	7.9	8.1	T	T	8.25	8	8	9.5	7.25	8.283	60
218	Nguyễn Trịnh Nguyên Phương	12/11/2010	10A5	Nữ	7.7	7.8	6.5	7.1	7.4	K	T	5.5	6.5	7	6.25	3.75	5.817	221
219	Nguyễn Tú Quyên	01/02/2010	10A5	Nữ	7.1	6.5	7.1	6.9	6	K	T	5	7	4.25	5.5	5.5	5.803	222
220	Nguyễn Đăng Sáng	19/07/2010	10A5	Nam	8	8.8	9.5	7.7	8.6	T	T	7.25	7.5	8.75	9.25	9.5	8.697	40
221	Vũ Khánh Thy	12/11/2010	10A5	Nữ	6.3	5.6	4	7.1	6.7	Đ	T	3.75	6.5	5.5	2.1	1.75	3.363	355
222	Nguyễn Minh Trường	21/01/2010	10A5	Nam	8	5.3	5.9	6.9	6.1	K	T	7	6.5	3.5	4.5	5.5	5.887	216
223	Phan Văn Tuấn	18/02/2010	10A5	Nam	5.2	6.1	5.1	6.7	6.3	Đ	T	2.5	6.25	4.75	4	5	4.323	317
224	Đỗ Danh Tùng	30/01/2010	10A5	Nam	6.7	6.8	6.3	6.9	5.8	K	T	4.5	7.25	3	5.25	6.85	5.853	217
225	Nguyễn Đức Anh	20/12/2010	10A6	Nam	7.2	6.4	5.2	5.8	6.9	K	T	7	4.25	5	4.35	4.35	5.543	239
226	Nguyễn Quang Anh	01/07/2010	10A6	Nam	7.6	8.7	8.1	7.6	8.8	T	T	7.5	6.5	9.25	8.25	9.5	8.332	56
227	Nguyễn Gia Bảo	18/01/2010	10A6	Nam	6.5	7.2	7.3	6.8	6.6	K	K	4.75	5.25	3.75	5.35	5.75	5.798	223
228	Nguyễn Gia Bảo	08/05/2010	10A6	Nam	6.2	6.7	6.8	6.2	7.3	K	T	4	4	7	6.25	4.5	5.412	251
229	Nguyễn Quốc Bình	14/08/2010	10A6	Nam	5.8	5.6	6.6	6.4	6.2	Đ	T	3.75	5.5	3.75	2.75	5.25	4.542	308
230	Nguyễn Trọng Công	26/12/2010	10A6	Nam	6	9	7.9	7.7	8.1	K	T	2.75	7	7	9	7.25	6.723	160
231	Ngô Phương Diễm	02/01/2010	10A6	Nữ	6.3	6.1	5.2	7.3	6.3	Đ	T	4.6	5.5	3.5	5.25	1.75	4.467	312
232	Nguyễn Mạnh Dũng	11/04/2010	10A6	Nam	6.1	7.7	8.3	8	7.4	K	T	4.85	7.5	5.5	7.75	7	6.783	156
233	Nguyễn Anh Đạt	29/11/2010	10A6	Nam	6.4	6.1	5.5	6.7	7.9	K	K	4.5	6.5	9	4.5	4	4.833	289
234	Nguyễn Đức Đạt	23/07/2010	10A6	Nam	6.7	6.4	6.3	8.1	7.9	K	T	5.25	8	8.25	4.75	3.85	5.172	265
235	Đỗ Minh Đức	02/07/2010	10A6	Nam	6.8	6.7	6	8	7.8	K	T	4.5	7.5	6.75	6.25	4.25	5.450	244
236	Tạ Ngọc Đức	10/11/2010	10A6	Nam	8	8.4	7.9	7.8	8.6	T	T	7.75	7.5	8	8.5	7	7.855	91

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
237	Lưu Thị Thu Hằng	01/03/2010	10A6	Nữ	6.7	7	6.4	7.6	7.3	K	T	6.25	7	7.5	5.35	5.25	5.942	206
238	Nguyễn Trung Hiếu	08/02/2010	10A6	Nam	6.7	7.1	7.9	7.2	7.4	K	T	5.5	6.5	6	6.5	7.75	6.778	157
239	Trần Trung Hiếu	09/03/2010	10A6	Nam	6.8	5.9	4.7	8	7.4	Đ	T	5.5	7.75	7	4.75	2.5	4.715	297
240	Nguyễn Duy Huân	20/04/2010	10A6	Nam	6.9	8.2	8.5	7.7	9	T	T	6.5	6.75	8.75	7.25	7.5	7.318	116
241	Dương Văn Hùng	18/11/2010	10A6	Nam	7.3	6.4	6.4	8.2	7.3	K	T	6.25	7.75	6	5.75	5.35	6.058	202
242	Phạm Ngọc Huyền	02/02/2010	10A6	Nữ	5.3	7.6	6.1	7.5	6.2	Đ	T	5	6.5	4	6.5	4	5.517	242
243	Lê Tuấn Hưng	25/09/2010	10A6	Nam	6.3	6.3	6	7	7.2	K	T	6.25	7	6.75	5	2.85	5.150	267
244	Đặng Tuấn Khanh	21/04/2010	10A6	Nam	5.8	6.1	6.3	7.7	6.5	K	T	4.25	6.5	5.25	4.5	4.25	4.853	286
245	Nguyễn Đức Kiên	06/02/2010	10A6	Nam	5.1	6.8	5.7	7.6	8	K	T	2.75	7.5	7.75	4.75	4.1	4.467	312
246	Nguyễn Trung Kiên	28/11/2010	10A6	Nam	6.3	6.1	7.2	8	6.6	K	T	5	7.5	6	4	5.75	5.402	253
247	Nguyễn Xuân Mạnh	30/03/2010	10A6	Nam	6.9	8.1	6.6	7.7	7.7	K	T	7	7.5	7	7.5	6	6.943	142
248	Ngô Nhật Minh	09/12/2010	10A6	Nam	7.1	6.8	6.1	7.5	6.4	K	T	6	7.75	5.5	6.5	5.75	6.258	188
249	Nguyễn Nhật Minh	22/11/2010	10A6	Nam	7.2	8.1	8.4	7.4	8.1	K	K	5.75	6.75	8.5	7.25	8.5	7.387	112
250	Vũ Quang Minh	03/04/2010	10A6	Nam	5.4	6.4	5.8	6.9	7.7	K	T	3.6	6	6.25	4	4.75	4.642	303
251	Nguyễn Trà My	06/08/2010	10A6	Nữ	5.5	7	7.4	7.1	5.4	K	T	3.75	7	2.25	6.75	7	6.073	201
252	Nguyễn Thị Ngân	22/10/2010	10A6	Nữ	6.1	6.6	6.6	8	6.3	K	T	4	7.75	5	6	6.25	5.722	227
253	Nguyễn Phương Nguyên	10/10/2010	10A6	Nữ	5.5	6.2	5.4	8.2	6.2	Đ	T	3.75	8	4.75	4	5.25	4.743	293
254	Vương Thị Minh Nguyệt	13/06/2010	10A6	Nữ	6.7	6.6	8	8.1	6.4	K	T	6.1	8	4	6	8	6.820	152
255	Đỗ Yên Nhi	30/04/2010	10A6	Nữ	6.9	5.9	5.4	7.9	7.9	K	T	5.25	8	6.5	4.6	3	4.818	290
256	Lê Uyên Nhi	12/01/2010	10A6	Nữ	3.8	5.5	4.8	7.1	7.3	Đ	T	1.7	5.5	6.25	1.85	2.75	2.880	358
257	Nguyễn Phương Nhi	01/04/2010	10A6	Nữ	6.2	8.1	7	8.2	6.3	K	T	5	7.5	5	6.75	5.35	6.120	193
258	Lê Bá Phong	11/11/2010	10A6	Nam	6.1	6.9	4.7	7.3	7	Đ	T	3.6	6.5	6.25	5.75	3	4.652	302
259	Nguyễn Ngọc Sơn	24/01/2010	10A6	Nam	5.9	6.9	4.1	7.2	6.3	Đ	T	4.25	6.25	4.5	4.5	3.75	4.607	307
260	Nguyễn Thị Tâm	27/01/2010	10A6	Nữ	5.8	6.4	6.6	7.8	6.9	K	T	3.7	7.25	6.25	5.5	4.85	5.158	266
261	Lê Thanh Thành	13/09/2010	10A6	Nam	8.7	9.9	9.9	7.8	8.5	T	T	8.5	7	7.75	9.75	9.75	9.383	13
262	Lê Thị Anh Thương	01/12/2010	10A6	Nữ	4.9	6.1	5.9	7.7	5.9	Đ	T	4	6.25	4	5	5.25	5.015	275
263	Nguyễn Ngô Thu Trang	10/09/2010	10A6	Nữ	7	5.9	6.6	8.2	6.6	K	T	6.25	7.25	3.75	4.75	4.5	5.567	238
264	Đặng Trịnh Tuấn Tú	15/10/2010	10A6	Nam	7.1	6.3	8.5	7.1	6.7	K	T	6.5	7	4.5	4.5	9.5	6.973	140
265	Nguyễn Đức Tú	06/01/2010	10A6	Nam	4.5	5.9	6.9	7.4	5.7	Đ	T	2.25	6.75	3	2.85	5.75	4.262	322
266	Nguyễn Thanh Tùng	18/08/2010	10A6	Nam	7.5	7.4	7.5	7.7	7	K	T	7.5	7	5.25	6.5	6.25	6.965	141

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
267	Hoàng Ngọc Vi	18/08/2010	10A6	Nữ	5.6	6.4	3.8	7	7.1	Đ	T	3.1	6.25	5.5	5.5	3	4.287	320
268	Nguyễn Đại Vĩ	10/01/2010	10A6	Nam	6.9	7.7	7.3	7.7	7.3	K	T	5.75	7.25	5.25	7.85	7.5	7.113	127
269	Phạm Hải Yến	04/02/2010	10A6	Nữ	7.2	7.1	7.8	8	7.4	K	T	6.75	7	7.25	7.5	8.25	7.460	108
270	Đàm Bảo An	20/08/2010	10A7	Nam	8.2	8.6	8.1	6.8	8	T	T	6.25	6.5	7	9.75	8	8.090	76
271	Đặng Thị Hải Anh	20/07/2010	10A7	Nữ	6.4	7.5	5.8	7	8	K	T	4.35	7.25	8.25	6.5	4.25	5.493	243
272	Nguyễn Diệu Anh	07/10/2010	10A7	Nữ	7.8	4.6	6	6.4	6.3	Đ	T	6.5	6.25	5	3.85	5	5.422	250
273	Nguyễn Quỳnh Anh	31/01/2010	10A7	Nữ	6.9	5.8	4.9	7.4	6.7	Đ	T	4.75	7.75	5.75	4.75	3	4.677	301
274	Trần Ngọc Ánh	23/02/2010	10A7	Nữ	6.8	5.5	6.4	7.4	8	K	T	3.55	7.5	8.25	2.85	3.35	4.145	328
275	Lê Gia Bảo	24/09/2010	10A7	Nam	8.1	6.4	7.9	6.6	9.1	K	T	6.75	6	8	6.25	8	7.140	125
276	Lê Nguyễn Thái Bảo	27/03/2010	10A7	Nam	6.5	4.8	5.4	7.1	6.3	Đ	T	3.75	7.25	5.25	3	3.35	4.027	331
277	Đỗ Linh Chi	26/01/2010	10A7	Nữ	8.1	4.9	6.3	7.3	6.2	Đ	T	6	6.75	6	3.1	5.75	5.395	254
278	Nguyễn Minh Dương	21/05/2010	10A7	Nam	7.4	7.5	4.7	7.8	7.7	Đ	T	5.5	8	7.75	7.75	2.25	5.577	237
279	Nguyễn Tiến Đạt	07/02/2010	10A7	Nam	6.1	6.4	5.8	7.3	5.9	Đ	T	4.25	6.5	4.75	4.75	4	4.863	282
280	Phùng Quốc Minh Đạt	21/10/2010	10A7	Nam	6.2	5.1	5.3	6.7	7.8	Đ	T	4.25	7.75	6.75	2.25	4.35	4.192	326
281	Lê Thị Đoan	22/09/2010	10A7	Nữ	7.3	5.3	5.6	7.8	6.8	K	T	4.75	7.25	5.5	3.95	3.35	4.632	304
282	Dương Đông Đô	06/04/2010	10A7	Nam	6.6	5	5.4	6.7	5.9	Đ	T	4.1	6.75	5.5	1.6	3.25	3.788	339
283	Nguyễn Thế Duy Đức	05/03/2010	10A7	Nam	5.9	5.3	5.1	7	5.9	Đ	T	2.75	7	6	2.85	3.25	3.695	344
284	Nguyễn Linh Giang	29/05/2010	10A7	Nữ	6.8	4.6	5.5	7.7	6.4	Đ	T	4.25	7	6	1.5	3.1	3.755	340
285	Bùi Chung Hải	27/10/2010	10A7	Nam	6.8	5.1	5.8	7.3	6.3	K	T	4.5	7.5	6	2.5	4	4.337	314
286	Dương Thanh Hải	31/10/2010	10A7	Nam	7.7	8.4	7.2	8.1	7.8	K	T	5.5	7	6.5	9	6	7.113	127
287	Nguyễn Tuấn Hải	18/08/2010	10A7	Nam	8.4	7.4	8.8	8.6	8.3	T	T	7.75	7.5	8.25	7.5	8.85	8.083	77
288	Đồng Anh Khoa	04/02/2010	10A7	Nam	8.5	8.1	7.3	6.8	8.6	K	T	8	6.5	9	8.5	7.25	7.932	87
289	Ngô Tùng Lâm	30/07/2010	10A7	Nam	7.4	7.4	8.3	8.5	8.8	T	T	5.75	7.5	9	6.75	7	6.860	150
290	Nguyễn Hải Lâm	22/04/2010	10A7	Nam	8	8.4	8.7	7.4	7.6	K	T	6.65	7.25	8.5	8.75	9.5	8.320	57
291	Nguyễn Hoàng Linh	13/08/2010	10A7	Nữ	8.2	8	6.9	7.1	8.6	K	T	7.15	7.25	8.5	7.75	5.25	7.012	138
292	Nguyễn Khánh Linh	16/06/2010	10A7	Nữ	7.2	7	6.4	7.4	7.5	K	T	5.15	8	7.75	6.5	4.25	5.770	224
293	Trần Thị Ngọc Linh	21/03/2010	10A7	Nữ	8.3	8.9	7.6	7	7.2	K	T	6.75	7	7.5	7.75	7	7.497	107
294	Đoàn Phương Ly	30/09/2010	10A7	Nữ	7.6	5	5.8	7.5	6.3	K	T	6.5	0	6	2.85	4.25	5.013	276
295	Bùi Công Minh	05/12/2010	10A7	Nam	6.5	6.4	5.4	6.9	5.2	Đ	T	4.5	8	4	2.5	6	4.863	282
296	Nguyễn Hồng Minh	31/07/2010	10A7	Nữ	8.2	7.6	9.2	7.2	6.1	K	T	7.75	6.75	5.25	7.75	9.75	8.392	54

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
297	Lê Hà My	02/10/2010	10A7	Nữ	8.4	6.9	6.9	8.2	8.3	K	T	7	8	8.5	5	5.5	6.303	184
298	Nguyễn Thành Nam	21/08/2010	10A7	Nam	6	5.7	6.2	5.9	7.2	Đ	T	4.25	6.25	7	3.35	5.5	4.847	287
299	Nguyễn Thanh Nhâm	10/08/2010	10A7	Nam	8.3	7.2	6.8	6.7	5.9	K	T	8	6.75	3.75	7	6.75	7.305	118
300	Nguyễn Hồng Nhung	05/09/2010	10A7	Nữ	7.5	6.7	6.5	8.6	9	K	T	6	8	8.75	5.25	5.25	5.920	209
301	Nguyễn Ánh Phương	19/09/2010	10A7	Nữ	7.5	6.7	6	7.8	7.8	K	T	5	8	7.25	5.5	4.85	5.602	234
302	Nguyễn Hoàng Sơn	31/03/2010	10A7	Nam	6.5	6.5	6.2	6.3	6.4	K	T	4.25	7	5.75	6.6	5.25	5.677	229
303	Nguyễn Ngọc Sơn	21/05/2010	10A7	Nam	6	5	6.8	7.5	6.2	Đ	T	3.75	7.75	6.5	2.85	6	4.720	296
304	Đặng Thị Phương Thanh	30/03/2010	10A7	Nữ	7	7.1	6.4	8.8	6.4	K	T	4.75	8	7	6.5	5.25	5.900	210
305	Đồng Thị Mai Thanh	05/01/2010	10A7	Nữ	7	7.2	8.6	8.1	7.9	K	T	6.5	8	9.25	6.75	8.25	7.297	119
306	Bùi Công Thành	31/03/2010	10A7	Nam	7.6	8	7.4	6.9	7.4	K	T	7.5	6	6.25	9	5.35	7.398	111
307	Nguyễn Phương Thảo	17/02/2010	10A7	Nữ	7.8	7	5.9	7	5.7	K	T	6.75	8.25	5.25	5.75	3.25	5.745	225
308	Trịnh Đình Thắng	09/09/2010	10A7	Nam	7.9	4.6	5.2	6	5.4	Đ	T	8	7	4.25	3.75	4.35	5.527	241
309	Hoàng Minh Thiện	03/11/2010	10A7	Nam	8.3	6.5	6.9	7	7.3	K	T	7.5	7	7	7	5.85	6.918	146
310	Tạ Thị Thu	02/08/2010	10A7	Nữ	6.1	7.3	5.6	7.5	5.7	Đ	T	6	7.5	6.25	5.75	4.25	5.633	232
311	Nguyễn Quỳnh Trang	01/12/2010	10A7	Nữ	8.3	8.6	9.2	7.3	7.9	T	T	7.5	7.25	8.25	9.25	9.5	8.735	39
312	Nguyễn Thu Trang	23/01/2010	10A7	Nữ	7.2	7.4	6.7	7.7	7.7	K	T	5	7.5	7.25	6.5	5.75	6.155	191
313	Nguyễn Đức Tuấn	28/08/2010	10A7	Nam	6	5.9	6	6.7	6.2	Đ	T	4.5	6.5	4.25	3.35	4.25	4.613	305
314	Nguyễn Thị Bảo Xuân	22/04/2010	10A7	Nữ	7.3	6.3	6.7	8	6.7	K	T	5.25	6.75	6.75	4.75	5.5	5.647	231
315	Nguyễn Hoàng Kỳ Anh	27/09/2010	10A8	Nữ	6.2	6.1	4.6	6.7	6.1	Đ	T	4	5.75	5.5	5	3	4.490	311
316	Trần Quang Anh	17/11/2010	10A8	Nam	6.7	6.6	7.4	6.6	7.7	K	K	3	5	7.25	5.25	8.5	5.978	204
317	Nguyễn Thị Bích	05/06/2010	10A8	Nữ	6.5	7.7	6.3	7.8	7	K	T	3.1	6.5	5.75	6.35	3.5	5.072	272
318	Nguyễn Quang Chiến	21/01/2010	10A8	Nam	7.6	8.2	6.6	7.4	7.7	K	K	6.1	6.25	7.75	8.5	5.5	6.930	144
319	Đồng Phương Diệp	11/12/2010	10A8	Nữ	5.3	5.6	5.2	7.5	6.8	K	T	2.6	7	6.5	2.85	3.35	3.663	346
320	Nguyễn Đức Dũng	30/09/2010	10A8	Nam	6.6	7.5	6.4	7.8	5.5	K	T	4.75	7	2.75	7.35	4.1	5.830	220
321	Nguyễn Đức Duy	20/07/2010	10A8	Nam	4.9	6.7	4.8	7.2	4.8	Đ	T	2.1	6.5	3	4.75	3.5	4.055	330
322	Nguyễn Đức Dương	13/02/2010	10A8	Nam	5.2	6.1	7	7.1	6.8	K	K	4.25	7	7	3.7	7	5.318	256
323	Hoàng Ngọc Hà	21/11/2010	10A8	Nữ	8	8.2	7.4	8	7.8	T	K	7.25	6.75	8.25	7.75	5.25	7.085	131
324	Nguyễn Văn Hải	13/05/2010	10A8	Nam	4.4	6.5	5.2	7.5	4.6	Đ	T	2.75	7.75	2	5.35	3.5	4.317	318
325	Lê Hoàng Hiền	23/12/2010	10A8	Nữ	8.6	8.8	7.6	8.3	8.3	T	T	8.25	7.5	8	9	6.75	8.100	74
326	Trần Thị Thu Hiền	12/05/2010	10A8	Nữ	7.7	7.8	7.3	8	6.8	K	T	5.75	6.75	5.25	6	6	6.422	179

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
327	Nguyễn Minh Hiếu	05/08/2010	10A8	Nam	6.5	7	5.6	6.6	6.1	K	T	5	5	5	5	3.75	5.118	271
328	Hà Thị Thanh Huệ	20/11/2010	10A8	Nữ	5.7	6.4	5	7.9	5.7	Đ	T	2.25	7.75	4.75	3.6	3.75	3.950	335
329	Phạm Minh Khánh	21/12/2010	10A8	Nam	8.1	9.1	6.6	6.9	7.9	K	T	8.25	6	8.5	9.75	5.25	7.805	95
330	Đào Anh Khoa	23/08/2010	10A8	Nam	6.8	9	7.9	6.6	7.1	K	T	6.75	5.5	6.25	9.25	7.75	7.912	89
331	Đỗ Tuấn Khôi	12/09/2010	10A8	Nam	6	7.6	5.7	6.6	5.9	K	K	6	5	4.25	6.75	3.5	5.722	226
332	Nguyễn Ngọc Khuê	14/09/2010	10A8	Nữ	6.3	7.7	5.5	7.1	6.6	K	T	6.15	5.5	6.25	6.5	3.25	5.660	230
333	Vương Hoàng Lâm	14/02/2010	10A8	Nam	7.1	7.5	5.9	7.6	6.4	K	T	5.65	7	5.75	6.25	4.6	5.900	210
334	Lưu Văn Long	09/11/2010	10A8	Nam	7.2	8.6	7	7.4	6	K	T	5.25	7.5	4.25	9	6.25	7.063	132
335	Nguyễn Hoàng Long	24/11/2010	10A8	Nam	7.3	8.7	8.6	7.1	6.1	K	K	6.75	5.75	5.5	8.75	8.25	8.002	81
336	Nguyễn Quốc Long	26/05/2010	10A8	Nam	6.2	7.6	7.2	7.3	6	K	T	4.25	6.5	4.5	7.25	7.5	6.533	173
337	Trần Văn Long	05/03/2010	10A8	Nam	5.9	7.1	5.3	6.9	6.2	K	T	4.85	5.25	5.5	6.5	4.1	5.435	248
338	Đào Khánh Ly	05/04/2010	10A8	Nữ	5.6	6.3	4.8	7.3	5.4	Đ	T	2.6	6	3.5	4.75	2.75	4.027	331
339	Trịnh Duy Mạnh	09/10/2010	10A8	Nam	5.2	6.3	6	7.2	4.8	Đ	K	2.75	7.5	2	4.5	6	4.842	288
340	Nguyễn Quang Minh	25/10/2010	10A8	Nam	7.5	8.3	5	6.3	6.7	K	T	7.5	4.75	6.25	8.5	5.25	7.038	135
341	Nguyễn Phương Nam	15/04/2010	10A8	Nam	9.6	9.2	9.1	7.7	6.9	T	T	10	7	6	9.25	9	9.382	14
342	Lê Minh Ngọc	20/10/2010	10A8	Nữ	9	9.2	8	8.2	8.2	T	T	8.5	8.5	8.5	9.25	8	8.628	43
343	Tạ Yến Nhi	23/08/2010	10A8	Nữ	7.5	7.1	6.2	8.3	7.2	K	T	6	7.25	7	5.85	4.5	5.895	214
344	Nguyễn Bá Bảo Phong	03/07/2010	10A8	Nam	7.4	7.1	7.1	6.8	5.9	K	K	7.25	6	6.25	5.75	6.25	6.652	165
345	Bùi Hà Phương	01/11/2010	10A8	Nữ	7.7	7.5	7.7	7.8	6.7	K	K	5.75	8	6.25	6.25	8.25	7.015	136
346	Lưu Thị Phương	08/07/2010	10A8	Nữ	4.4	5.3	4.4	7.9	6.3	Đ	T	2.35	7.75	6	1.85	2.25	2.915	357
347	Vương Hồng Thái	16/07/2010	10A8	Nam	5.1	6.4	5.1	6.5	5.6	Đ	T	2.75	6.5	4	4.6	4	4.308	319
348	Hoàng Việt Thanh	25/10/2010	10A8	Nam	6	8.1	6.4	7	7.5	K	T	4.25	6.25	7.5	7.5	4.75	5.900	210
349	Nguyễn Tiến Thanh	06/10/2010	10A8	Nam	7.2	8.6	7.4	7.3	5.2	K	T	7.5	7	2.25	9	7.25	7.862	90
350	Đinh Xuân Thu	21/09/2010	10A8	Nữ	5.2	5.6	4.9	7.2	5.6	Đ	T	3.5	0	0	2.95	2.75	3.717	342
351	Nguyễn Thị Thúy	29/11/2010	10A8	Nữ	7.1	8.1	6.4	7.8	6.9	K	T	6.25	8	6.75	8	6.5	7.002	139
352	Nguyễn Duy Thứ	18/10/2010	10A8	Nam	6.4	8	4.8	6.7	4.9	Đ	T	4.75	6	2.75	7.25	3.1	5.443	246
353	La Xuân Tiệp	25/03/2010	10A8	Nam	9.3	9.3	9.1	8.3	6.8	T	T	8.75	7.75	5.5	9.75	9.25	9.245	23
354	Đỗ Ngọc Toàn	30/11/2010	10A8	Nam	5.3	7.1	4.4	7.1	5.4	Đ	T	3	6.5	3.25	6	4	4.713	298
355	Trần Mai Trang	21/11/2010	10A8	Nữ	6.2	7.1	7.5	7.9	6.7	K	T	4.25	7.5	6.5	4.75	5.35	5.428	249
356	Nguyễn Văn Tuấn	13/03/2010	10A8	Nam	7.7	8.1	7.7	7.8	7.9	K	T	6.25	7	8.5	7.5	7.1	7.215	121

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
357	Tạ Minh Tuấn	15/09/2010	10A8	Nam	5	8.2	5.9	6.4	5.6	Đ	K	3.75	5.75	4	7.6	3	5.258	259
358	Đào Bích Trang Vy	30/12/2010	10A8	Nữ	8	6.9	6	8.2	7.1	K	T	7	8.25	6.5	5.25	4.25	5.940	207
359	Nguyễn Khánh Vy	19/11/2010	10A8	Nữ	6.9	6.9	5.8	7.8	7.1	K	T	5.1	6.75	7.25	4.75	3	4.958	279
360	Trần Hồng An	30/08/2010	10D1	Nữ	8.2	7.6		8.8	7.9	T	T	8.25	8	6.75	7.85	7.75	7.857	25
361	Đàm Thị Quỳnh Anh	17/02/2010	10D1	Nữ	7.4	7.7		8.6	8.8	T	T	6.75	8	9	8.5	7	8.022	17
362	Đầu Duy Anh	20/07/2010	10D1	Nam	6.1	7.7		8.2	8.4	K	T	7.5	7.25	7.75	7.1	6.75	7.520	45
363	Tạ Nguyễn Hoàng Anh	16/05/2010	10D1	Nữ	7.8	7.8		8.7	8	T	T	8.5	7.75	7	6.75	8.25	7.875	23
364	Ngô Khánh Chi	02/09/2010	10D1	Nữ	7.3	7.5		9.1	9.7	T	T	5.9	8.5	9.75	7.1	7.75	8.245	10
365	Nguyễn Linh Chi	30/09/2010	10D1	Nữ	7.5	8.4		8.5	8.6	T	T	7.15	7.5	7.75	8.85	6.75	7.687	36
366	Nguyễn Vũ Danh	25/11/2010	10D1	Nam	6.3	8.4		8.1	8.3	K	T	6.75	7	7.25	7.75	7.25	7.170	78
367	Nguyễn Thị Thùy Dương	15/06/2010	10D1	Nữ	6.5	7.4		8.7	8.2	T	T	7	8.25	8.25	6.85	7.25	7.823	26
368	Đồng Thị Thu Giang	13/03/2010	10D1	Nữ	7.8	9.1		8.1	9	T	T	7.25	7	9.25	9.75	7.25	7.973	19
369	Cao Ngọc Hà	14/12/2010	10D1	Nữ	7	7.1		8.7	9.2	K	T	6.75	8.25	8.25	6.35	6.5	7.915	21
370	Nguyễn Phương Hà	01/08/2010	10D1	Nữ	7.6	8.2		9.1	9.2	T	T	9.15	8.5	9.25	8.75	7.25	8.867	2
371	Tạ Ngọc Hân	11/08/2010	10D1	Nữ	6.8	8.3		8.8	8.7	T	T	5.6	8.5	8.5	7.5	7	7.703	35
372	Bùi Công Hiếu	23/07/2010	10D1	Nam	6	8.3		7.6	7.7	K	T	5.35	6.5	6.25	7.75	7.5	6.353	142
373	Hà Trung Hiếu	13/05/2010	10D1	Nam	7.6	8.9		8.6	9.3	T	T	7	0	8.25	6.5	8.75	6.108	161
374	Trần Thị Ngọc Hoan	31/03/2010	10D1	Nữ	7.2	8.9		9	8.1	T	T	7	8.25	9	9.5	8.25	8.088	15
375	Nguyễn Việt Hoàn	11/11/2010	10D1	Nam	7.7	7.7		8.3	7.5	K	T	7.25	7.75	5.25	6.1	6.25	7.075	84
376	Hoàng Trần Huân	29/12/2010	10D1	Nam	8	8.7		8.1	8.4	T	T	7.5	7.5	7.75	6.75	7.5	7.758	31
377	Ngô Thị Huyền	09/11/2010	10D1	Nữ	8.2	8.8		8.4	8.8	T	T	8.25	7.5	8.5	6.75	7.75	8.198	11
378	Nguyễn Chấn Hưng	06/08/2010	10D1	Nam	7.1	7.1		8.1	8.1	T	T	7	7.5	7.5	6	7.25	7.463	51
379	Nguyễn Lan Hương	14/12/2010	10D1	Nữ	5.9	7.2		8.8	8.7	K	T	4.25	8.5	9.25	8.5	7.5	7.473	50
380	Nguyễn Thúy Hường	05/07/2010	10D1	Nữ	6.6	7.3		8.1	8.5	T	T	7.25	7.25	8.5	6.75	8.25	7.687	36
381	Vũ Mai Lâm	21/11/2010	10D1	Nữ	6.7	8.3		8.7	9.7	T	T	7.25	9	9	7.5	6.25	8.402	7
382	Hoàng Ngọc Bảo Linh	18/02/2010	10D1	Nữ	7.7	8.8		9.2	9.4	T	T	7.75	9	8.75	8.25	8.25	8.580	5
383	Ngô Khánh Linh	02/04/2010	10D1	Nữ	7.8	8.4		9.1	9.1	T	T	8.5	9	9	7.75	8.25	8.783	3
384	Nguyễn Hà Linh	27/10/2010	10D1	Nữ	4.6	8.2		8.3	7.7	Đ	T	4.75	6.75	6.5	5.5	7.25	6.260	151
385	Lê Thanh Mai	07/10/2010	10D1	Nữ	4.1	6.8		8.7	7.8	Đ	T	4	8.5	7	5.25	6.75	6.610	126
386	Đào Nhật Minh	07/04/2010	10D1	Nam	8.2	9.6		8.1	7.2	T	T	9	7.5	6.75	8.5	8	7.775	30

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
387	Nguyễn Hải Đông Minh	01/07/2010	10D1	Nữ	9.1	9.1		9	9.6	T	T	9.5	8.75	9.25	9.5	9.25	9.187	1
388	Đỗ Kim Ngân	23/07/2010	10D1	Nữ	7.7	7.9		8.2	9.3	T	T	7.25	6.75	9	9	7.25	7.887	22
389	Nguyễn Khánh Ngọc	27/07/2010	10D1	Nữ	8.7	8.6		8.7	9.3	T	T	8	8.5	9	9.25	7	8.620	4
390	Cao Trí Nguyên	04/01/2010	10D1	Nam	4.8	7.4		7.9	8.5	Đ	T	4	6.25	7.25	5	3.75	6.203	155
391	Đỗ Văn Nhất	22/01/2010	10D1	Nam	8.2	8.8		8.9	8.8	T	T	9.5	8	8	8.5	7	8.540	6
392	Nguyễn Thị Hà Phương	09/06/2010	10D1	Nữ	5.3	8.8		8.6	7	K	T	7	8.5	6	4.5	7.5	7.107	81
393	Dương Khánh Quyên	02/08/2010	10D1	Nữ	6.5	8		8.2	9.1	T	T	6.25	6.75	8	8	7.5	7.280	71
394	Nguyễn Thị Phương Thanh	05/11/2010	10D1	Nữ	6.7	7.4		8.9	8.6	K	T	4.25	8.75	8.75	7.5	6	7.495	47
395	Trần Thị Thanh Thảo	29/07/2010	10D1	Nữ	7.4	8.4		8.5	8.9	T	T	6	7.25	9.25	7.25	8.25	7.730	32
396	Ngô Huyền Trang	17/09/2010	10D1	Nữ	4.1	8.3		8.5	7.3	Đ	T	3.75	7.5	5.5	5.1	4	5.898	181
397	Trần Thảo Vân	02/01/2010	10D1	Nữ	7.1	7.9		9	9.3	T	T	6.25	9	9.5	7.5	6.75	8.315	9
398	Đỗ Hải Yến	27/10/2010	10D1	Nữ	7.1	7.3		8.7	9.1	T	T	7	8.5	8.75	6.5	7.25	8.148	14
399	Đỗ Thị Hoàng Yến	27/10/2010	10D1	Nữ	6.7	7.3		8.8	9.4	T	T	7.4	8	9	8.5	7.75	8.183	13
400	Đinh Đỗ Vy Anh	05/06/2010	10D2	Nữ	8	6.6		7.6	7.7	K	T	7	7.5	7.5	8	6.5	7.463	51
401	Đỗ Diệu Anh	25/04/2010	10D2	Nữ	7.3	6.9		8.1	8	T	T	5.85	7.25	8.25	9.25	7	7.322	66
402	Đỗ Hoàng Nhật Anh	12/07/2010	10D2	Nam	5.8	6.1		7.7	5.4	K	T	3	7.5	5.25	4.85	7	5.565	207
403	Hà Minh Anh	23/10/2010	10D2	Nữ	8	7.6		7.8	8.4	K	T	6.5	7.5	8.75	8.1	6	7.728	33
404	Nguyễn Mai Anh	20/03/2010	10D2	Nữ	7.9	6.9		8	6.6	K	T	6.75	7.75	6.5	7	6.75	7.150	80
405	Nguyễn Phương Anh	12/05/2010	10D2	Nữ	5.7	5.3		8	7.6	K	K	2.5	7.75	6.5	3.35	5.75	6.038	169
406	Trần Nguyễn Ngọc Anh	25/06/2010	10D2	Nữ	6.7	6.4		7.6	6.5	K	T	6.15	7.5	6.75	7.1	6.75	6.840	105
407	Nguyễn Ngọc Biên	21/02/2010	10D2	Nam	6.6	7.4		8	7.9	K	T	4	8	7.5	8	5	6.800	106
408	Nguyễn Thanh Chúc	21/12/2010	10D2	Nữ	6.7	6.6		7.4	7.2	K	T	6.25	6.75	8	4.5	6.25	7.030	86
409	Dương Minh Đức	02/08/2010	10D2	Nam	5.7	5.7		7.3	6.8	K	T	2.75	7	7	7	5.75	5.888	183
410	Nguyễn Ngọc Bảo Hà	20/12/2010	10D2	Nữ	6.6	7.6		8.5	8.2	T	T	4.6	8.25	7.5	8.75	7.5	7.078	83
411	Nguyễn Thị Thu Hà	02/11/2010	10D2	Nữ	7.3	5.7		8.2	6.8	K	T	6.15	8.5	7.5	6.5	7.25	7.398	56
412	Lê Thu Hằng	21/09/2010	10D2	Nữ	6.4	6.4		7.7	5.9	K	T	4.25	7.5	6.25	7	4.5	6.200	156
413	Nguyễn Thị Thanh Hằng	15/01/2010	10D2	Nữ	8.1	7.3		8.4	8.3	T	T	7.25	8	9.25	5.5	5.75	8.197	12
414	Thái Thu Hằng	15/04/2010	10D2	Nữ	7.3	6.6		7.9	7.8	K	T	5.75	7.5	7.75	8.25	6.75	7.200	74
415	Tô Ngọc Hân	16/07/2010	10D2	Nữ	7.3	7.1		8.2	8	T	T	7.15	7.75	7.75	7.5	8	7.635	40
416	Trần Thu Hòa	10/05/2010	10D2	Nữ	7.4	7.4		7.8	9	T	T	5.5	7	9.25	7.5	7	7.495	47

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
417	Nguyễn Ngọc Huyền	15/12/2010	10D2	Nữ	7	6.1		8.2	8.5	K	T	4.75	8	8.5	7.75	6.75	7.328	65
418	Đinh Bảo Khánh	23/02/2010	10D2	Nam	6.4	5.6		7.2	8.3	K	T	4.5	5.75	8.25	5	7	6.507	133
419	Nguyễn Thị Khánh	23/06/2010	10D2	Nữ	7.7	6.9		7.8	8.7	K	T	6	7	8.5	6.75	7	7.437	54
420	ĐẶNG NAM KIẾT	18/12/2009	10D2	Nam	8.2	8.3		7	9	T	K	7.5	5.75	8	6	8	7.378	58
421	Ngô Gia Linh	04/09/2010	10D2	Nữ	7.7	6.3		7.4	6.7	K	T	6.75	7.5	6.75	2.25	6	7.080	82
422	Trương Khánh Linh	21/07/2010	10D2	Nữ	6.7	6.6		7.9	8	K	T	4.5	7.5	8	5.85	6.25	6.927	96
423	Nguyễn Thị Hà Ly	24/04/2010	10D2	Nữ	7.3	7.7		8.1	8.7	T	T	5.5	7.5	7.5	8.25	7.25	7.193	76
424	Nguyễn Đức Mạnh	04/06/2010	10D2	Nam	6.4	6.7		7.4	7.8	K	T	5.25	7.25	8	6.5	7.25	6.943	95
425	Vũ Hồng Minh	15/02/2010	10D2	Nữ	8.2	7.7		7.7	7.8	K	T	7.25	8	6.75	7	6.5	7.503	46
426	Doãn Hoàng Nam	10/05/2010	10D2	Nam	6.5	6.1		7.4	7.3	K	K	3.75	6.75	7.25	3.5	3.75	6.262	150
427	Lê Hoàng Bảo Ngọc	04/01/2010	10D2	Nữ	5.9	7.1		8.3	7.5	K	T	4	8	6.25	7.6	6.25	6.428	136
428	Ngô Thảo Nguyên	30/10/2010	10D2	Nữ	8.1	7.3		7.8	7.6	T	T	6.5	7.5	7.5	8.75	6.75	7.367	59
429	Nguyễn Hồng Phúc	14/07/2010	10D2	Nam	7.5	7.5		8.4	8.8	T	T	6.5	8.5	8.75	7.75	8	8.012	18
430	Đặng Minh Quang	13/11/2010	10D2	Nam	8.8	7.1		9	8	T	T	8.5	9	7.25	7.25	7.5	8.355	8
431	Đàm Thị Hải Quỳnh	06/11/2010	10D2	Nữ	7.9	6.8		8.1	8.1	T	T	6.5	7.5	7.75	8.5	8.75	7.485	49
432	Đỗ Thị Như Quỳnh	22/04/2010	10D2	Nữ	7.6	6.6		7.8	7.4	K	T	7	7.75	7.75	8	6	7.530	44
433	Lê Phương Quỳnh	08/08/2010	10D2	Nữ	6.4	7.2		8.2	9.1	K	T	4	8.75	8.75	9.75	7.5	7.387	57
434	Trần Như Quỳnh	26/02/2010	10D2	Nữ	7.6	6.8		8	7.4	K	T	6.5	8	8.25	7.25	4.75	7.608	41
435	Nguyễn Đức Thuận	02/05/2010	10D2	Nam	8	8.1		7.4	7.2	T	T	8.25	7	6.5	5.5	7.25	7.335	64
436	Lê Trần Anh Thư	20/10/2010	10D2	Nữ	8.1	7.8		7.5	6.1	K	T	6.85	7.25	6.25	5.25	6.75	6.918	98
437	Nguyễn K Thy	21/11/2010	10D2	Nữ	7.2	6.9		8.3	7.2	K	T	6.25	8	7.5	6	6.75	7.345	62
438	Trần Nguyễn Minh Trang	15/09/2010	10D2	Nữ	7.4	6.4		8.1	7.1	K	T	4.75	8	7.25	7.75	6.5	6.927	96
439	Nguyễn Ngọc Vân	21/01/2010	10D2	Nữ	7.3	5.9		8	7.1	K	T	5.65	8	8	5.5	6.5	7.292	68
440	Vương Tuấn Vũ	30/11/2010	10D2	Nam	7.1	6.1		7.7	6.2	K	T	6.15	7.25	5.5	7.25	3	6.510	132
441	Nguyễn Thị Hồng Yến	02/02/2010	10D2	Nữ	7	5.6		7.5	7.6	K	T	5.75	7.25	7.5	8	6.75	6.993	91
442	Trần Đức Anh	01/02/2010	10D3	Nam	6.1	6.9		6.8	7.6	K	T	2.25	7	6.75	3.25	5.5	5.783	191
443	Trịnh Quỳnh Anh	19/02/2010	10D3	Nữ	8	7.6		8.3	7.2	K	T	5.75	8.25	5.5	5.5	5.75	6.900	101
444	Vũ Phương Anh	07/05/2010	10D3	Nữ	8.1	7.6		8.5	7.3	T	T	6.25	8.25	6.25	6.25	8.25	7.232	73
445	Nguyễn Thị Minh Ánh	13/12/2010	10D3	Nữ	7.5	7.3		7.8	7.4	K	T	5.65	6.75	6.75	5.85	7	6.738	114
446	Vũ Thị Ngọc Ánh	08/11/2010	10D3	Nữ	7.5	7.8		7.5	7.3	K	T	5.5	7.75	5.75	2.35	5.75	6.663	120

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
447	Đinh Gia Bảo	13/09/2010	10D3	Nam	6.7	8.4		8	7.2	K	T	4	7.25	5.5	4.75	4.5	6.098	165
448	Khổng Gia Bảo	19/08/2010	10D3	Nam	7	7.3		7.3	6.5	K	T	4.25	7.25	5.75	4.6	6.5	6.105	163
449	Vũ Thùy Chi	30/08/2010	10D3	Nữ	6.6	6.8		7.6	6.6	K	T	4.85	6	5.75	5	6.75	5.953	176
450	Nguyễn Hoàng Dũng	05/11/2010	10D3	Nam	7.2	6.8		7.3	6.4	K	T	3.75	6.75	6	6.35	5.75	5.940	178
451	Nguyễn Khương Duy	10/02/2010	10D3	Nam	6.7	5.4		6.9	7.6	K	T	3.5	6.5	6.75	3.5	4.5	6.028	170
452	Hồ Vũ Thu Giang	28/08/2010	10D3	Nữ	5.4	6		7.7	6.8	K	T	2	6.5	7.5	5.75	6.5	5.723	197
453	Bùi Khánh Hà	03/09/2010	10D3	Nữ	8.3	7.4		7.7	7.2	K	T	6	7.75	5.25	6.5	6	6.753	113
454	Đặng Minh Hằng	06/01/2010	10D3	Nữ	6.8	7.4		8.7	7.9	K	K	6	7.75	7.5	5.75	5.5	7.298	67
455	Khổng Thị Bích Hằng	14/10/2010	10D3	Nữ	7.3	6.8		7.8	6.7	K	T	4.6	7.5	5.75	4.5	4.75	6.345	144
456	Nguyễn Thu Hằng	16/10/2010	10D3	Nữ	5.7	6		7.1	5.9	Đ	T	2.75	8	5	4.35	4	5.545	212
457	Phạm Thu Hiền	21/05/2010	10D3	Nữ	8.2	6.8		8.4	7.9	K	T	6	7.75	7.25	5.35	6.25	7.350	60
458	Nguyễn Thị Thu Hoài	01/07/2010	10D3	Nữ	6.1	7		7.4	7.9	K	T	2.35	7.5	7	2.6	3	6.072	167
459	Nguyễn Việt Hùng	03/08/2010	10D3	Nam	6.6	6.5		7.6	5.9	K	T	3.5	7.5	3.5	4	5.25	5.393	219
460	Đỗ Thị Thanh Huyền	16/11/2010	10D3	Nữ	7.4	5.5		8.6	6.2	K	T	4.75	8.75	3.75	5.25	7.5	6.245	152
461	Ngô Khánh Huyền	22/01/2010	10D3	Nữ	7.9	8.5		8.4	8.3	T	T	4.6	7.75	8.25	6.75	7.25	7.267	72
462	Nguyễn Khánh Huyền	20/09/2010	10D3	Nữ	6.6	5.9		8.5	7.7	K	T	3.25	7.75	6.75	4	7.25	6.422	139
463	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/04/2010	10D3	Nữ	7.9	6.8		8.2	7.8	K	T	5.75	7.5	6.75	6.25	7.5	7.057	85
464	Hoàng Quốc Khánh	05/04/2010	10D3	Nam	8.3	7.4		8.7	8.4	T	T	7.25	7.75	7.5	7.25	6.75	7.790	28
465	Lê Ngọc Linh	03/04/2010	10D3	Nữ	6.4	7.1		8.5	8.1	K	T	4	7.5	7.5	7.25	7	6.733	115
466	Nguyễn Khánh Linh	08/08/2010	10D3	Nữ	6.5	5.6		7.6	6.5	K	T	3.75	7	4.75	4.6	6.5	5.677	201
467	Nguyễn Ngọc Phương Linh	03/09/2010	10D3	Nữ	6.3	8		6.6	6.6	Đ	T	4.25	6.5	5	4.85	6	5.625	204
468	Nguyễn Khánh Ly	14/01/2010	10D3	Nữ	6.2	7		7.3	7.9	K	T	3	7	7.75	5.1	6.75	6.282	149
469	Nguyễn Khánh Ly	16/10/2010	10D3	Nữ	5.9	6.9		7.6	7.3	K	T	3.35	7.5	6.5	8	6	6.128	160
470	Trần Khánh Ly	15/11/2010	10D3	Nữ	7.3	7.5		7.7	7.4	K	K	3.85	7.75	7.25	4.6	6.5	6.638	123
471	Nguyễn Phương My	27/08/2010	10D3	Nữ	5.8	7.4		7.7	8.2	K	T	4	7.5	7.75	7.25	6	6.662	121
472	Đào Văn Nam	03/10/2010	10D3	Nam	6.7	6.4		7.5	7.4	K	T	3.85	6.75	6.75	3.5	6.5	6.208	154
473	Nguyễn Thu Ngân	26/05/2010	10D3	Nữ	8.2	8.8		8.1	8.5	T	T	7.5	8.25	8.25	7	6.5	8.080	16
474	Nguyễn Khánh Ngọc	26/01/2010	10D3	Nữ	5.6	4.6		8.4	7.1	Đ	T	2.25	6.75	5.25	6	4	5.435	218
475	Đỗ Minh Phương	05/09/2010	10D3	Nữ	7.4	7.8		8.3	7.4	K	T	4.6	7.5	6.5	5	7.25	6.650	122
476	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/03/2010	10D3	Nữ	6.8	5.1		8.3	5.6	K	T	3.5	8	3	4.1	6.25	5.453	216

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
477	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/05/2010	10D3	Nữ	7.3	6.8		8.8	7.2	K	T	6	8.5	8.25	5.25	5	7.638	39
478	Ngô Anh Thư	01/05/2010	10D3	Nữ	6.7	7.3		7.7	7.9	K	T	3.5	7.75	8.25	3.85	5.75	6.780	108
479	Đỗ Thị Sơn Trà	10/07/2010	10D3	Nữ	6.9	5.4		8.1	7.1	K	T	4	7.25	6.25	5.5	7.25	6.293	148
480	Phạm Thị Kiều Trang	30/05/2010	10D3	Nữ	5.7	6.6		7.3	7.4	K	T	2.5	6.75	6.5	4.6	7.5	5.715	198
481	Trương Minh Trung	22/12/2010	10D3	Nam	6.2	6.3		7.7	7.9	K	T	4.5	6.25	8	5.5	6.75	6.555	129
482	Đào Sơn Tùng	27/06/2010	10D3	Nam	5.8	7.6		7.1	6.9	Đ	T	1.75	6.25	5.5	4.5	6.5	5.130	236
483	Trần Tú Uyên	04/05/2010	10D3	Nữ	7.7	7.6		7.9	6.9	K	T	5.25	7.25	4.5	4	5.75	6.217	153
484	Nguyễn Hà Vi	15/07/2010	10D3	Nữ	7.4	7		7.3	8	K	T	4.65	7.75	8	5.75	7	7.030	86
485	Dương Gia Vũ	27/06/2010	10D3	Nam	7.3	6.9		6.9	7.1	K	T	5.65	7.25	5.5	5.25	6	6.423	138
486	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	04/04/2010	10D3	Nữ	7.7	7.8		8.2	8.6	K	T	5.5	7	8.5	6.1	6.5	7.350	60
487	Nguyễn Thị Khánh Vy	10/10/2010	10D3	Nữ	7.2	7.3		7.9	7.7	K	T	4.5	7.25	7.5	6.75	5.75	6.772	110
488	Đỗ Bảo An	23/08/2010	10D4	Nam	5.8	7.8		6.8	8	K	T	2	6	8	6.25	7.75	5.793	190
489	Đỗ Hoàng Anh	14/01/2010	10D4	Nam	6.7	7.9		6.3	6	K	T	4.75	5.75	5.5	4.5	6.5	5.633	203
490	Nguyễn Hải Anh	04/03/2010	10D4	Nữ	7.6	7.8		8.2	8.1	T	T	6.25	7.75	7	7.75	6.25	7.290	70
491	Nguyễn Phương Anh	16/11/2010	10D4	Nữ	8.4	7.3		7.4	8.4	K	T	6.75	7.25	9	5.1	6.5	7.787	29
492	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/12/2010	10D4	Nữ	7.6	7.2		7.4	6.8	K	T	6.5	8	6	6.5	6.5	6.963	94
493	Nguyễn Ngọc Ánh	06/12/2010	10D4	Nữ	6.7	7.9		7.8	7.4	K	T	4.2	8	6.75	8.5	6.25	6.612	125
494	Nguyễn Thị Minh Ánh	20/08/2010	10D4	Nữ	5.7	7.7		6.7	6.7	Đ	T	2.75	6.5	7	2	5.5	5.702	199
495	Nguyễn Linh Chi	09/08/2010	10D4	Nữ	6.9	7.4		7.3	6.2	K	T	5.5	7.25	6	7.25	6.5	6.415	140
496	Nguyễn Thị Diệp Chi	09/02/2010	10D4	Nữ	5	7.6		7.7	6.1	K	T	1.6	7.25	4.5	7.25	6.5	4.995	242
497	Nguyễn Quang Dũng	18/07/2010	10D4	Nam	6.6	7.4		7.1	6.7	K	T	3.25	6.25	5.25	5.6	6	5.482	214
498	Đàm Hữu Đức Duy	10/08/2010	10D4	Nam	9.3	8.1		7.2	5.9	K	T	8.75	7.25	4.5	8.25	8	7.023	88
499	Cao Ngọc Ánh Dương	24/06/2010	10D4	Nữ	7.3	8.9		6.9	7	K	T	7	7.25	6.25	6.25	6.5	6.903	100
500	Nguyễn Hoàng Ánh Dương	28/05/2010	10D4	Nữ	6.8	8.1		8.1	6.8	K	T	4.25	7.5	4	6.25	6.5	5.845	187
501	Trần Quỳnh Dương	20/11/2010	10D4	Nữ	6.6	7.7		7.2	6.7	K	T	5.5	8	6.75	7.25	5.75	6.775	109
502	Đào Hải Đăng	30/05/2010	10D4	Nam	6.8	7.4		6.8	6.8	K	T	6.35	6.25	6.25	6.35	7.25	6.438	135
503	Nguyễn Thị Thúy Hà	02/05/2010	10D4	Nữ	7.7	7.3		7.6	7.4	K	T	5.75	8.5	6.75	5.85	6.75	7.170	78
504	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	14/08/2010	10D4	Nữ	6.1	7.6		7.7	7.1	K	T	2.75	8	6.25	6.85	5.5	6.057	168
505	Lưu Thị Hoa	24/12/2010	10D4	Nữ	5.3	7		7.6	5.7	K	T	3	8	6.5	4.75	6.5	5.943	177
506	Đào Quang Huy	01/10/2010	10D4	Nam	4.4	6.9		7	5.7	Đ	T	0.85	7.25	5.25	5.25	5.75	4.825	246

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
507	Trần Mai Hương	09/08/2010	10D4	Nữ	4.8	7.3		7.9	6.8	Đ	T	2.35	8	6	3.5	5.5	5.765	192
508	Đàm Thị Thúy Hoàng	30/11/2010	10D4	Nữ	7.5	7.4		7.9	9.3	K	T	3.75	8	8.5	7	6.5	7.195	75
509	Bùi Bảo Khánh	27/09/2010	10D4	Nữ	6.6	8.2		8	8.4	T	T	3.5	7.25	8	8	7.25	6.675	118
510	Đoàn Xuân Lâm	07/09/2010	10D4	Nam	5.5	6.9		6.9	6	Đ	K	2.5	6.25	4	4.85	6.75	4.815	248
511	Nguyễn Khánh Linh	13/06/2010	10D4	Nữ	8.8	8.1		8	7.6	T	T	8.25	8.25	7	7	7.5	7.923	20
512	Nguyễn Phương Phi Long	29/04/2010	10D4	Nam	6.5	7.1		7.2	7.1	K	T	3.5	7	5.25	6.85	7	5.755	194
513	Đỗ Cẩm Ly	10/01/2010	10D4	Nữ	7.3	7.7		7.2	6.2	K	T	4.75	7.25	5.25	7.25	5.75	6.095	166
514	Chế Anh Minh	04/11/2010	10D4	Nam	5.4	6.9		6.9	6.2	K	T	2	0	0	4.6	6	2.317	260
515	Ngô Thảo My	30/07/2010	10D4	Nữ	7.2	7.4		8.4	7.7	K	T	4.25	8.75	6.5	5	5.25	6.880	103
516	Ngô Trà My	23/03/2010	10D4	Nữ	7.1	7.9		7.7	7	K	T	3.5	7.5	4.75	4.25	5.75	5.855	185
517	Vương Hải Nam	08/04/2010	10D4	Nam	4.8	7.9		7.4	5.8	Đ	K	1.75	7.5	3	5.25	5.25	4.658	251
518	Cao Thị Hằng Nga	01/02/2010	10D4	Nữ	6.8	7.7		7.4	7.9	K	T	4.25	8	7.25	6.5	6.5	6.760	112
519	Nguyễn Kim Ngân	04/02/2010	10D4	Nữ	5.7	7		6.9	6.4	K	T	1.7	7.75	5	5	6.75	5.272	229
520	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	21/02/2010	10D4	Nữ	7.1	7.9		8.1	6.9	K	T	4.25	8	6.5	6.35	7	6.585	127
521	Nguyễn Quỳnh Như	02/03/2010	10D4	Nữ	7.4	7.9		7.9	7.7	K	T	5	8.25	5.5	8.75	6	6.675	118
522	Vũ Thành Thái	21/11/2010	10D4	Nam	5.2	8		7.3	7.6	K	T	1	7.25	6	5.25	4.75	5.335	225
523	Đỗ Thanh Thảo	17/01/2010	10D4	Nữ	6.9	7.8		8	8.3	K	T	3.25	7.75	8.5	6	7.25	6.870	104
524	Phạm Phương Thảo	21/05/2010	10D4	Nữ	6.5	8.4		7.8	7.9	K	T	5.75	8.25	8.25	9.5	7.5	7.412	55
525	Nguyễn Thị Thơm	25/07/2010	10D4	Nữ	7.3	7.4		7	6.8	K	T	4.75	6.75	6	7.75	5.75	6.193	157
526	Nguyễn Anh Thư	29/03/2010	10D4	Nữ	6.7	7.6		7.7	7.6	K	T	4.5	7.25	7	6.75	6.25	6.575	128
527	Đinh Thị Huyền Trang	24/12/2010	10D4	Nữ	5.8	6.9		7.2	7.3	K	T	3	6.75	5.5	6.75	5.75	5.588	205
528	Kiều Thị Thu Trang	27/03/2010	10D4	Nữ	5.7	7		6.7	5.9	K	T	3.5	6.5	5.75	4.25	6.5	5.505	213
529	Lương Bảo Trang	20/08/2010	10D4	Nữ	6	7.5		7.1	4.7	Đ	T	2.85	7	3.75	3.75	4.25	4.953	243
530	Nguyễn Thị Thùy Trang	29/09/2010	10D4	Nữ	6.4	7.8		6.9	5.4	K	T	3.75	6.75	6.75	4.85	5.25	5.895	182
531	Vũ Hà Tuấn Tú	10/10/2010	10D4	Nam	5.7	7.9		6.5	7.2	K	T	2.75	6.5	5.25	4	6.25	5.323	226
532	Sái Huy Vương	20/05/2010	10D4	Nam	7.7	7.8		6.7	5.8	K	T	5.65	6.5	4.25	6.25	6.25	5.847	186
533	Trần Bảo Yến	10/03/2010	10D4	Nữ	7	8.1		7.4	7.2	K	T	5	8.5	6.75	6.6	6	6.885	102
534	Đỗ Bảo Anh	16/10/2010	10D5	Nam	6.4		8.3	6.7	6.8	K	T	3.25	6.5	3.75	5.35	7.5	5.140	235
535	Lê Hoài Phương Anh	08/02/2010	10D5	Nữ	6.9		8.8	8.7	8.3	T	T	4.25	7.75	7.75	6.5	7.25	6.998	90
536	Đỗ Minh Châu	03/02/2010	10D5	Nữ	7.6		8.1	8.6	8.3	K	T	4.75	8	8	6.25	3.75	7.292	68

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
537	Trương Hoàng Chiến	19/12/2010	10D5	Nam	6.5		8.8	6.6	6.2	Đ	K	2.6	6.5	3.5	3.25	2	4.870	245
538	Nguyễn Đăng Duy	22/10/2010	10D5	Nam	6.2		5.2	5.1	7.8	Đ	T	4	5	5.75	3.25	4	5.352	223
539	Nguyễn Hoàng Duy	25/02/2010	10D5	Nam	7		5.3	6.9	9	K	K	4	5.25	9	5.6	6.5	6.548	130
540	Nguyễn Tiến Duy	23/08/2010	10D5	Nam	6.9		8.5	8.3	6.7	K	T	4.5	8	5.75	5.85	6.5	6.448	134
541	Nguyễn Thùy Dương	18/03/2010	10D5	Nữ	6.7		8.9	8.1	7.5	K	T	4.25	7.5	5.75	4	5.5	6.313	146
542	Ngô Minh Đắc	12/01/2010	10D5	Nam	6.4		8.7	6.7	6.9	K	T	4	6.75	5.25	4.75	6	5.733	196
543	Nguyễn Minh Đức	24/01/2010	10D5	Nam	5.7		7.6	7.1	7.4	K	T	2	6.5	5.75	7.1	5.5	5.345	224
544	Nguyễn Thị Hương Giang	16/01/2010	10D5	Nữ	6.1		8.5	7.6	5.7	Đ	T	3	7.75	2.5	3.85	6.25	5.032	241
545	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	20/04/2010	10D5	Nữ	6.7		6.6	7.7	5.1	K	T	3.5	7	4.25	5.25	6.5	5.392	220
546	Nguyễn Dương Thanh Hà	12/10/2010	10D5	Nữ	6.8		8.8	7.5	5.2	K	T	4.25	6.5	2.5	3.5	4.5	5.042	240
547	Đồng Minh Hậu	05/06/2010	10D5	Nam	8.9		8.6	7.8	7.4	K	T	8.5	7	7	6.1	6.5	7.660	38
548	Dương Việt Hoàng	17/07/2010	10D5	Nam	5.6		7.4	6.4	6.7	Đ	K	1.35	6.5	3	5	5	4.402	255
549	Mẫn Xuân Huy	11/05/2010	10D5	Nam	7		7.5	7.8	6.6	K	T	4.85	7.75	4	4.5	5.25	6.013	172
550	Nguyễn Thanh Huyền	07/05/2010	10D5	Nữ	6.6		7.8	6.7	7.2	K	T	4.5	6.25	5.75	4.25	3.5	5.900	180
551	Nguyễn Phạm Thanh Hương	09/01/2010	10D5	Nữ	7.9		8.3	8.6	8	K	T	6	7	6.5	5	6	7.000	89
552	Nguyễn Quỳnh Hương	21/08/2010	10D5	Nữ	8		8.5	8.1	6.9	K	T	6.75	7.25	5.25	4.75	6.75	6.792	107
553	Nguyễn Thị Tường Lam	27/05/2010	10D5	Nữ	7.2		8.9	8.5	7.1	K	T	5.5	7.75	6	6.35	7.25	6.772	111
554	Nguyễn Thị Ngọc Lan	02/05/2010	10D5	Nữ	8.1		9	7.9	6.9	K	T	7.25	6.75	5	5.5	6.75	6.723	116
555	Nguyễn Phương Liên	13/05/2010	10D5	Nữ	7.7		9	7.9	6.9	K	T	5.5	7.25	6.25	3.5	3.5	6.683	117
556	Ngô Thị Khánh Linh	04/11/2010	10D5	Nữ	6.7		8.6	6.8	5.8	K	T	4	6.75	4.75	6	5.75	5.547	211
557	Tạ Thùy Linh	03/01/2010	10D5	Nữ	5.7		8.9	7.9	7.2	Đ	T	1.85	7.25	4.25	5	5	5.195	231
558	Trần Gia Linh	09/07/2010	10D5	Nữ	5.9		8.8	6.8	6.1	K	T	2.6	6.75	3.25	6	5.75	4.820	247
559	Trần Khánh Linh	08/10/2010	10D5	Nữ	7.3		8.4	8.2	6.6	K	T	4.5	7.25	4.5	4.85	6.25	6.002	174
560	Đỗ Ngọc Trà My	07/04/2010	10D5	Nữ	6.5		7.6	7.4	8.6	K	T	3.5	7.75	8.75	3.75	7.25	6.917	99
561	Vũ Trà My	12/12/2010	10D5	Nữ	6.8		9	8.4	7.4	K	T	4	8	5.75	7.75	5.5	6.402	141
562	Đặng Hoài Ngân	21/05/2010	10D5	Nữ	6.3		8	7.9	7.1	K	T	2.5	7.25	5.75	7	7.25	5.747	195
563	Chu Minh Thanh Ngọc	08/10/2010	10D5	Nữ	6		7.6	7.2	6.8	K	T	1.75	7	4.75	7.25	6.75	5.150	234
564	Trần Văn Minh Nhật	19/07/2010	10D5	Nam	5.9		8.2	7.5	7.2	K	T	2.5	7.25	7.75	5	3.75	6.143	159
565	Nguyễn Yến Nhi	21/10/2010	10D5	Nữ	8.3		8.9	8.9	7.8	K	T	6.75	8	7	6.25	5.25	7.575	42
566	Lương Thanh Thảo	04/02/2010	10D5	Nữ	5.5		8.5	7.6	6.8	Đ	T	2.25	7	4	2.85	4	5.082	239

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
567	Ngô Thanh Thảo	17/02/2010	10D5	Nữ	5.2		8	7.8	7.1	Đ	T	2.25	8.5	5.5	6.25	4.25	5.802	189
568	Nguyễn Thanh Thảo	07/01/2010	10D5	Nữ	5.8		8	8	6.8	K	T	2	7	4	3.5	6	5.093	238
569	Nguyễn Thị Thu Thủy	29/11/2010	10D5	Nữ	6.7		8.2	7.3	8.4	K	T	5.25	7.75	7.25	4	3.75	6.965	93
570	Trần Duy Tiến	29/01/2010	10D5	Nam	4.5		8.6	7.4	6.5	Đ	K	2.5	7.25	4.25	6.5	6.5	5.107	237
571	Đoàn Huyền Trang	06/04/2010	10D5	Nữ	6.2		8.5	7.5	7.7	K	T	3	7.75	6.25	5.1	3.25	6.107	162
572	Phạm Thu Trang	26/06/2010	10D5	Nữ	6.5		8	7.3	8.2	K	T	3.25	7.25	7.25	7.75	5.25	6.342	145
573	Trần Thị Thu Trang	28/11/2010	10D5	Nữ	7.1		8.9	8.2	6.4	K	T	4	8	4.5	6.35	6.25	6.020	171
574	Hoàng Tiến Trung	15/03/2010	10D5	Nam	6.3		8.8	6.7	8.7	K	T	3	7	7.75	8.75	6	6.312	147
575	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	05/06/2010	10D5	Nữ	8.7		8.8	8.6	7.8	T	T	7.15	7.75	7.75	6.5	6.75	7.795	27
576	Nguyễn Minh Vương	19/03/2010	10D5	Nam	5.9		3.8	7	4.3	Đ	K	5.1	5.75	2.25	4.5	5	4.777	249
577	Phạm Ngọc An	21/08/2010	10D6	Nữ	4.9		8	7.2	6.3	Đ	T	2.25	7.25	4.75	2.5	6.25	5.165	233
578	Đoàn Lan Anh	15/09/2010	10D6	Nữ	5.6		8.3	7	5.9	K	T	4.75	5.75	4	6.75	4.75	5.233	230
579	Nguyễn Đức Anh	05/10/2010	10D6	Nam	4		6.5	5.4	5.3	Đ	T	2.75	5.5	2.75	3.25	4.25	4.037	257
580	Nguyễn Hồng Anh	26/07/2010	10D6	Nữ	7.8		8.8	7.8	8.2	T	T	5.75	7.5	8	4.6	8	7.338	63
581	Nguyễn Thị Vân Anh	05/07/2010	10D6	Nữ	5.5		7.5	7.1	6.8	K	T	4.25	0	6.25	8	5.75	4.390	256
582	Phạm Hoàng Anh	21/06/2010	10D6	Nữ	5.9		8.3	7.6	6.8	K	T	4.6	6.5	5.5	5	5.5	5.903	179
583	Tô Thị Phúc Anh	14/08/2010	10D6	Nữ	6.1		8.8	7.3	6.5	K	T	4.5	6.25	4.5	6.75	8	5.548	210
584	Nguyễn Thanh Bình	05/09/2010	10D6	Nữ	5.3		8.3	6.4	5.5	K	T	4	7	1.75	5.25	4	4.695	250
585	Đào Huyền Diệu	04/01/2010	10D6	Nữ	5.1		8.2	6.7	5.7	K	T	2.25	6.25	3	4.75	6.25	4.433	254
586	Nguyễn Thùy Dung	02/12/2010	10D6	Nữ	5.9		8.3	7.8	6.7	K	T	4	7.75	4.5	8.25	5.75	5.832	188
587	Nghiêm Khánh Đạt	07/03/2010	10D6	Nam	4.7		8.1	6	6.5	Đ	T	2.35	6.25	5.25	5.35	5.75	4.952	244
588	Trịnh Xuân Đạt	30/01/2010	10D6	Nam	6		8.3	6	6.3	K	T	5.25	5.75	5	5	7.5	5.563	208
589	Nguyễn Ngân Hà	02/12/2010	10D6	Nữ	5.3		8.8	8.7	6.4	K	T	4.25	7.75	3.6	6.75	7.5	5.680	200
590	Nguyễn Mạnh Hải	28/07/2010	10D6	Nam	4.5		5.9	5.2	5.2	Đ	T	2.25	4.75	2.25	4.85	5.25	3.648	258
591	Đổng Trung Hiếu	19/07/2010	10D6	Nam	7.4		8.9	7.8	7.6	T	T	7.75	7.5	8	6.85	7.25	7.705	34
592	Đàm Ích Huy	28/11/2010	10D6	Nam	6.7		7.8	7.5	6.5	K	T	6.75	7.25	5.5	6	7.75	6.620	124
593	Nguyễn Thị Bích Hường	03/11/2010	10D6	Nữ	5.3		6.9	6.4	6.9	K	T	2.5	6.25	6.25	5	4.25	5.360	222
594	Ngô Bảo Kiên	13/10/2010	10D6	Nam	6.5		8.4	7.3	7.5	K	T	5	5.75	6.5	5.75	6.5	6.155	158
595	Ngô Bảo Kiệt	13/10/2010	10D6	Nam	7.9		8.6	7.8	8	T	T	7.75	7	7	7.6	7.75	7.445	53
596	Thế Phương Lan	20/08/2010	10D6	Nữ	5.1		7.3	5.9	7.2	Đ	T	3.75	5.5	6.75	3.1	3.25	5.553	209

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
597	Bùi Mỹ Lệ	17/06/2010	10D6	Nữ	6.4		8	7.5	6.5	K	T	4.75	6.75	5.5	4	5.25	6.007	173
598	Nguyễn Văn Hiền Lương	28/10/2010	10D6	Nam	6		6.8	7.4	7.1	K	T	5.1	7	5.25	7	6.5	6.098	164
599	Chu Nguyễn Hà Mai	05/02/2010	10D6	Nữ	5.9		7.7	8.2	7.4	K	T	4.25	8.5	6	7.75	7	6.525	131
600	Nguyễn Hồng Minh	02/01/2010	10D6	Nữ	7.1		8.8	8.7	7.5	T	T	6	8.5	6.25	6.25	7	7.172	77
601	Hoàng Trà My	03/04/2010	10D6	Nữ	5.7		8.9	7.8	7.3	K	T	4	7.25	5	4	6.5	5.872	184
602	Lưu Khánh Ngọc	24/03/2010	10D6	Nữ	6.8		8.6	7.7	8.1	T	T	7.5	7	8.25	7.6	8.25	7.568	43
603	Nghiêm Bảo Ngọc	25/10/2010	10D6	Nữ	8		7.9	8.6	7.8	T	T	7.25	8	8	7.35	6.75	7.865	24
604	Nghiêm Minh Ngọc	04/09/2010	10D6	Nữ	6.1		8.4	7.1	7.3	K	T	5.75	6.25	6.75	5.75	5.5	6.425	137
605	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	08/11/2010	10D6	Nữ	5.8		8.6	8.4	7.3	K	T	4	7.75	6.25	6.75	6.25	6.350	143
606	Nguyễn Minh Nhật	30/09/2010	10D6	Nam	5.2		5.8	6.2	7.6	K	T	3	6	6.75	3.75	5.5	5.575	206
607	Đỗ Phương Nhi	11/06/2010	10D6	Nữ	5.4		8.8	7	7.1	K	T	3.35	7.75	5.25	3	6.75	5.765	192
608	Đỗ Thị Nhung	30/07/2010	10D6	Nữ	4.6		7.5	7.2	6	Đ	T	4.25	0	3.75	5	5.75	3.647	259
609	Nguyễn Hoàng Phong	17/06/2010	10D6	Nam	5.7		7.5	6.5	6.8	K	T	2.85	7.25	5.25	5	7	5.482	215
610	Nguyễn Đăng Quang	15/11/2010	10D6	Nam	5.9		8.1	7.2	6.1	K	T	4.5	6.75	3.25	7.25	6	5.303	227
611	Trần Văn Quân	06/09/2010	10D6	Nam	5.6		8.8	6.4	5.7	K	T	2.5	6	3.25	5.25	6	4.512	252
612	Nguyễn Khánh Quỳnh	20/06/2010	10D6	Nữ	3.9		7.9	6.3	7.2	Đ	T	1.75	7	6	3.75	6.75	5.182	232
613	Hoàng Tiến Sinh	08/02/2010	10D6	Nam	5.9		8.6	7.2	6	K	T	3.9	7.5	3.75	6.1	7	5.445	217
614	Hoàng Thị Thanh Thanh	02/12/2010	10D6	Nữ	6.8		8.5	7	8.3	K	T	5.25	6.75	8.5	3.75	6	6.993	91
615	Lê Tín	05/07/2010	10D6	Nam	4.8		7.1	6	8	Đ	T	3.25	5	8	6.25	7.75	5.672	202
616	Hoàng Thu Trang	28/12/2010	10D6	Nữ	5.5		8.3	7.4	6.7	K	T	3.25	6.75	4.25	3.85	4.25	5.285	228
617	Vũ Trần Vương	30/09/2010	10D6	Nam	3.3		8.1	6.9	6.2	Đ	T	1.85	6.5	3.75	4.35	6.25	4.463	253
618	Ngô Thị Yến	23/02/2010	10D6	Nữ	5.5		8.8	7.1	6.1	K	T	4	7.5	3.5	4	7.25	5.370	221
619	Phạm Hải Yến	07/03/2010	10D6	Nữ	5.4		8.7	7.1	7.6	K	T	3.75	7.25	6	7	7	5.977	175
620	Nguyễn Bình An	09/04/2009	11A1	Nam	9.4	9.2	7.6	8.4	9.2	T	T	8.75	8	8	9	7	8.395	37
621	Đoàn Tuấn Anh	01/07/2009	11A1	Nam	8.9	9.3	9	7.4	7.9	T	T	8.25	6.5	6.5	9.5	8	8.728	21
622	Đới Lâm Huyền Anh	14/04/2009	11A1	Nữ	9.1	9.4	9.1	8.8	9.2	T	T	9	9	7.75	8.75	10	9.235	7
623	Nguyễn Hoàng Phương Anh	26/05/2009	11A1	Nữ	8.9	9.2	8.9	9	9.4	T	T	7.5	8.75	8.75	9	9.1	8.673	25
624	Nguyễn Thị Lan Anh	26/02/2009	11A1	Nữ	9.3	9.6	8.3	9.1	9.6	T	T	9.25	9	9	9.5	8	8.962	13
625	Trần Thị Linh Anh	16/09/2009	11A1	Nữ	8.3	8.4	8.1	8.6	7.8	T	T	6.25	8.5	6.5	7.25	8	7.497	86
626	Nguyễn Lưu Quốc Bảo	07/05/2009	11A1	Nam	8.9	8.1	8.6	7.5	8	T	T	8	7	6.25	7.25	8.7	8.148	54

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
627	Lê Ngọc Châu	27/10/2009	11A1	Nữ	8.2	8.8	7	7.6	9	T	T	6.5	7	8.25	8	5.6	7.090	107
628	Nguyễn Kim Chi	19/01/2009	11A1	Nữ	9.1	9	8.4	8.8	8.7	T	T	8	8	7.25	8.5	8	8.367	40
629	Đỗ Quốc Cường	08/05/2009	11A1	Nam	9.6	9.8	9.8	7.8	9.3	T	T	10	7	8.5	9.5	10	9.803	1
630	Lưu Hùng Cường	12/11/2009	11A1	Nam	8.7	9.2	8.7	7.6	7.8	T	T	8.5	7	6.75	9	8.7	8.773	18
631	Nguyễn Ngọc Diệp	31/01/2009	11A1	Nữ	9.4	8.9	9	8.3	8.6	T	T	8.75	7.25	7.75	9.5	9	9.088	8
632	Nguyễn Thanh Dung	04/01/2009	11A1	Nữ	7.5	8.4	7.2	8.1	9	T	T	5.75	7.5	7.75	8	6.7	7.082	109
633	Nguyễn Quốc Đạt	20/02/2009	11A1	Nam	7.9	8.8	8.5	7.9	9.2	T	T	6.25	7.5	8.5	9.25	8.8	8.190	49
634	Lê Trần Minh Đức	16/03/2009	11A1	Nam	8.6	8.7	8.8	7.6	8	T	T	8	7.5	6	8.25	8.5	8.385	38
635	Trần Minh Đức	07/01/2009	11A1	Nam	9.3	8.6	8.4	7.4	7.5	T	T	8.75	6	4.75	9	8.5	8.755	19
636	Nguyễn Thanh Hà	15/02/2009	11A1	Nữ	8.8	9.4	8.3	8.3	9.3	T	T	7.25	8.75	8.5	9.75	8.8	8.670	26
637	Đỗ Quang Hải	17/05/2009	11A1	Nam	8.4	9.4	9	8.1	8.7	T	T	8.25	7	8.5	9.5	9	8.922	15
638	Nguyễn Thế Hải	05/01/2009	11A1	Nam	8.4	8.6	8.8	7.8	7.8	T	T	7	7.5	5	8.75	9.1	8.378	39
639	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	24/01/2009	11A1	Nữ	9.3	8.9	8.1	8.9	9.2	T	T	8.75	8.75	8.5	8.25	8.5	8.580	33
640	Đỗ Đức Hoàn	20/02/2009	11A1	Nam	9.6	9.4	8.7	8.4	9.3	T	T	9	7.75	9	9.5	9.5	9.303	5
641	Lương Đình Việt Hoàn	14/01/2009	11A1	Nam	8.4	7.9	7.2	8.1	9	T	T	7	7.5	7.75	6.75	6.5	7.075	110
642	Hoàng Dương Phúc Hoàng	14/07/2009	11A1	Nam	8.3	8.5	8.1	7.8	7.8	T	T	6.75	7.5	6.5	9	7.4	7.892	66
643	Trần Huy Hoàng	04/05/2009	11A1	Nam	8.3	8.9	8.8	8.1	8.4	T	T	6.5	7.5	7.75	9.25	8.8	8.328	43
644	Lưu Quốc Huy	12/04/2009	11A1	Nam	8.7	8.9	9.2	8.2	8.7	T	T	8	8	8	8.5	9.1	8.653	28
645	Nguyễn Gia Huy	02/08/2009	11A1	Nam	7.6	8.3	7.8	8.6	7.7	T	T	6	8	6.25	8.5	7.3	7.457	88
646	Nguyễn Thế Khải	12/01/2009	11A1	Nam	7.5	8.8	8.8	7.7	8.3	T	T	6.75	7.25	8.25	8.75	9.5	8.343	41
647	Ngô Anh Khoa	06/07/2009	11A1	Nam	9	9.2	9.5	8.4	9.7	T	T	8	7.75	9.5	8.25	9	8.662	27
648	Nguyễn Văn Kiên	15/12/2009	11A1	Nam	8.5	8.4	8.6	7.6	7.9	T	T	8.75	7.25	7	9	8.25	8.617	31
649	Dương Hà Linh	09/07/2009	11A1	Nữ	8.5	9.5	9.3	8.3	9.6	T	T	8.25	8	9.5	9.5	9.25	9.030	10
650	Lê Thị Ngọc Linh	16/04/2009	11A1	Nữ	8.9	9.8	9.7	9	8.6	T	T	7.5	8.75	7.5	9.5	9.6	9.047	9
651	Trần Lê Khánh Linh	13/08/2009	11A1	Nữ	7.7	8.4	8.7	8.5	7.9	T	T	6	8.5	7.75	8.25	10	8.138	56
652	Nguyễn Nhật Long	16/10/2009	11A1	Nam	9	9.2	9.5	7.4	8.2	T	T	8	6.75	7.25	9	9.5	8.953	14
653	Nguyễn Đức Mạnh	26/04/2009	11A1	Nam	8.4	8.9	7.9	8.1	8.8	T	T	7.25	8	8.25	8.5	7.4	7.922	65
654	Nguyễn Bảo Nguyên	06/07/2009	11A1	Nữ	8.6	9.2	9.1	8.5	8.7	T	T	7	8	8	8.75	9.25	8.523	35
655	Vũ Thu Nhường	19/03/2009	11A1	Nữ	7.7	8.6	6.9	8.1	8.7	T	T	5.75	7.5	8.25	8	7.25	7.220	102
656	Trần Minh Phan	29/07/2009	11A1	Nam	9.5	9.2	9.5	7.8	7.8	T	T	9.75	7	6.75	9.25	10	9.587	2

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
657	Bùi Minh Quân	30/09/2009	11A1	Nam	9	8.8	8.5	7.7	8.4	T	T	9	7.25	7.5	9.25	8.9	8.965	12
658	Nguyễn Trần Anh Quân	16/01/2009	11A1	Nam	9.6	9.6	9.4	8.8	9	T	T	9.5	8.75	8.75	9	9	9.277	6
659	Chu Ánh Quỳnh	17/12/2009	11A1	Nữ	8.7	8.2	8.8	8.8	8.5	T	T	7.75	8.25	7.25	7.5	9	8.228	47
660	Ngô Thạch Sơn	06/12/2009	11A1	Nam	8.3	8.4	6.6	8	9	T	T	7.5	7	7.75	7.25	6	7.172	104
661	Nguyễn Hương Thảo	06/05/2009	11A1	Nữ	8.5	9.1	7.9	7.9	8.2	T	T	7.75	7	7.25	8.75	8	8.267	45
662	Nguyễn Thị Thu Thảo	15/10/2009	11A1	Nữ	9.5	9.3	8.8	9	9.2	T	T	8.75	9	8.75	9.5	8.5	9.002	11
663	Lê Đức Thắng	11/03/2009	11A1	Nam	8.1	8.1	7.4	7.8	8	T	T	7.25	8.25	7.25	8.25	6.1	7.400	93
664	Nguyễn Phương Thủy	29/11/2009	11A1	Nữ	8.2	7.6	8.2	8.8	8.6	T	T	6.25	8	7.75	7	8.4	7.452	89
665	Đặng Minh Hoàng Anh	21/06/2009	11A2	Nam	7.8	7.1	8.1	7.8	8	T	T	6.25	6.5	7.25	7	6.8	6.978	114
666	Lê Hoàng Anh	02/11/2009	11A2	Nam	9.4	8.4	8.2	8	7.9	T	T	9	8	6.5	7.75	7.5	8.258	46
667	Trần Tùng Anh	24/05/2009	11A2	Nam	8.2	7.4	6.3	6.9	8.7	K	T	6.75	6.25	7	7.5	4.8	6.635	133
668	Vương Quốc Anh	19/12/2009	11A2	Nam	8.5	8.1	8.4	7.7	7.8	T	T	6.5	7.5	6.75	6.75	8.5	7.575	80
669	Bùi Xuân Bắc	06/07/2009	11A2	Nam	8.2	6.8	7.9	7.4	7.6	K	T	7.75	7	6.75	5.25	7.1	6.980	113
670	Đặng Minh Châm	27/06/2009	11A2	Nữ	8.2	8.4	8.8	8.3	8	T	T	7.75	7.5	6.5	7.75	8.6	8.163	52
671	Đồng Khánh Duy	12/04/2009	11A2	Nam	9.1	8.6	7.7	7	8.4	T	T	8.5	6	6.5	8	6.8	7.977	62
672	Nguyễn Thùy Dương	23/09/2009	11A2	Nữ	8.4	8.4	7.9	8.7	9.1	T	T	7.25	8.75	8	8.25	7.5	7.837	67
673	Trần Tuấn Dương	17/12/2009	11A2	Nam	9.5	9.6	9.8	7.8	8.5	T	T	9.5	7.25	7	9	9.8	9.493	3
674	Lê Doanh Đạt	26/10/2009	11A2	Nam	8.2	8.6	7.9	7.6	7.4	K	T	7	6.5	5.5	7.5	6.1	7.277	99
675	Vương Bảo Đạt	15/01/2009	11A2	Nam	8.4	8.3	8.6	7.7	8.4	T	T	6.5	7	7	7.25	7.5	7.488	87
676	Nguyễn Thành Đô	18/12/2009	11A2	Nam	8.5	9.5	8.5	7.2	7.8	T	T	7.5	7	7.25	9.5	8.5	8.600	32
677	Lê Ngân Giang	14/12/2009	11A2	Nữ	8.8	8	9	8.6	8.7	T	T	7.25	8.5	8.25	7	9.3	8.075	57
678	Nguyễn Đức Hải	10/02/2009	11A2	Nam	7.5	7.8	7.1	7.4	7.5	K	T	5.5	7.25	5.25	8	5.8	6.743	128
679	Bùi Hiếu	27/01/2009	11A2	Nam	8.8	8.4	7.9	7.8	7.2	T	T	7.25	7.5	4	7.5	6.2	7.398	94
680	Đỗ Huy Hoàng	23/05/2009	11A2	Nam	9.4	8.5	9	8	7.6	T	T	8.75	6.75	5.5	8	9	8.698	24
681	Nguyễn An Huy	08/05/2009	11A2	Nam	7.9	8.1	7.7	7.5	8.6	T	T	6.75	7.5	7	8.5	7.3	7.632	77
682	Nguyễn Văn Huy	13/07/2009	11A2	Nam	9	8.1	7.9	7.8	8	K	T	8	7.5	7.75	8	7.8	8.053	58
683	Trịnh Quang Huy	12/02/2009	11A2	Nam	9.3	8.8	8.9	8.4	8.3	T	T	9	7.5	7.25	8.5	7.9	8.627	30
684	Vương Quang Hưng	03/10/2009	11A2	Nam	8.7	8.7	8.2	7.8	7.6	T	T	6.75	7.5	6.25	8.75	8	8.043	59
685	Nguyễn Đăng Khoa	03/03/2009	11A2	Nam	9.3	9.4	8.6	8.1	7.2	T	T	8.25	7.5	5.25	8.75	7.5	8.447	36
686	Lương Tuấn Kiệt	07/01/2009	11A2	Nam	7.9	7.9	7	7.4	9.3	K	T	7.25	6.75	9	7.25	5	6.830	123

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
687	Đỗ Hải Linh	29/11/2009	11A2	Nam	7.1	6.9	8.1	7.4	7.9	K	T	6.5	7.75	7.5	6.25	7.3	6.888	119
688	Nguyễn Ngọc Linh	27/06/2009	11A2	Nữ	7	8.1	7.4	8.4	9	T	T	5.25	8	7.75	8.25	6.5	6.917	118
689	Phạm Phương Diệu Linh	01/06/2009	11A2	Nữ	7.8	8.9	7.6	8.5	9.2	T	T	6.25	8	8.75	9	6.5	7.505	84
690	Nguyễn Trần Long	19/09/2009	11A2	Nam	8.4	8.8	8.2	8.5	9	T	T	6	8.5	8.25	9	8.3	7.977	62
691	Nguyễn Tuấn Lương	14/12/2009	11A2	Nam	8.5	8.1	8.9	7.9	8.1	T	T	7.5	8.25	5.55	8	8.5	8.150	53
692	Đoàn Phương Ly	24/11/2009	11A2	Nữ	7.7	7.4	8.6	8.2	9	T	T	6.75	7.75	8.5	7	9.2	7.725	74
693	Nguyễn Duy Minh	10/06/2009	11A2	Nam	8.7	9.1	7.7	8.5	9.2	T	T	7.5	8.25	8.75	8.25	6.7	7.788	70
694	Nguyễn Nhật Minh	16/10/2009	11A2	Nam	8	8.3	8.4	7.5	8.6	T	T	6	7.25	7	8	7.75	7.545	83
695	Đỗ Hà My	04/01/2009	11A2	Nữ	7.6	7.6	7.6	8.4	9.1	T	T	4.5	8	8.25	7.25	6.25	6.480	143
696	Nguyễn Thảo Nguyên	17/12/2009	11A2	Nữ	7.2	6.8	7.8	7.6	7.6	K	T	3.75	7	6.5	6.1	8	6.345	154
697	Lưu Xuân Nhi	17/09/2009	11A2	Nữ	8.1	8.1	8.7	7.9	7.9	T	T	6	7.5	6	7.25	9	7.682	75
698	Đặng Phương Nhung	31/03/2009	11A2	Nữ	9.3	9.2	8.3	8.1	9.6	T	T	8.75	7.25	9	9.25	7.5	8.630	29
699	Ngô Quang Phát	03/08/2009	11A2	Nam	8.4	8.6	9.1	7.8	7.1	T	T	7	7	6	7.75	8.5	8.035	60
700	Nguyễn Việt Phong	10/03/2009	11A2	Nam	9.1	9.2	9	8.1	8.2	T	T	8	7.25	6.5	9.25	8.8	8.808	16
701	Nguyễn Minh Phương	01/01/2009	11A2	Nữ	7	7.9	7.5	7.8	7.7	K	T	6	7	6.25	6.75	5.3	6.452	147
702	Tô Bảo Quốc	28/07/2009	11A2	Nam	7.5	8.4	8.2	7.5	8.4	T	T	6.25	7.5	7.5	7.5	7	7.252	101
703	Nguyễn Mạnh Quyền	08/04/2009	11A2	Nam	8.2	8.9	9	7.6	8.1	T	T	7.25	6.75	7.25	8.5	8.3	8.222	48
704	Nguyễn Minh Thịnh	09/06/2009	11A2	Nam	7.8	8.5	7.9	7.6	8.1	K	T	7	7	7	8.5	7.3	7.740	72
705	Lê Thị Thanh Thúy	06/04/2009	11A2	Nữ	7.8	8.1	8.2	8.2	8.4	T	T	5.75	7.5	7.25	8	6.3	7.088	108
706	Nguyễn Mạnh Trường	15/09/2009	11A2	Nam	8	7.7	8.4	7.7	8.5	T	T	6	7.25	7.5	7.85	8.25	7.567	82
707	Nguyễn Minh Tuấn	11/11/2009	11A2	Nam	8.4	9.4	9.3	7.5	8.8	T	T	7	6.75	8.5	9.5	9.25	8.718	23
708	Nguyễn Quốc Tuấn	18/06/2009	11A2	Nam	8.9	8	7.8	7.2	8.5	T	T	9	6.5	7.75	8.25	7.25	8.187	50
709	Nguyễn Thảo Vi	20/05/2009	11A2	Nữ	7.2	8.1	8.4	7.7	6.5	K	T	5	7.25	7.25	8.25	8	7.328	97
710	Đồng Minh Việt	25/09/2009	11A2	Nam	9.2	8.8	8.6	8.2	8.6	T	T	8.75	8	7	9	8.5	8.785	17
711	Nguyễn Công Vinh	02/06/2009	11A2	Nam	7.3	6.7	7.8	7.6	7.8	K	T	5.75	7.5	7.25	6.5	6.75	6.613	136
712	Nguyễn Hải Yên	18/02/2009	11A2	Nữ	7.4	6.8	7.4	8	8.1	K	T	5.25	8	7.25	6	7.5	6.535	141
713	Nguyễn Xuân An	23/12/2009	11A3	Nữ	5.3	6.6	6.1	7.9	6.8	K	T	4.25	7.5	5.5	3.75	5.2	4.880	233
714	Vương Thị Hằng An	25/01/2009	11A3	Nữ	8.3	9.5	9.5	8	7.9	T	T	6.5	6.75	7.25	9.5	8.9	8.540	34
715	Đỗ Xuân Bắc	17/11/2009	11A3	Nam	9	7.6	6.8	7.7	7.3	K	T	8	6.5	7.5	5.5	5.2	6.703	131
716	Đàm Minh Châu	09/02/2009	11A3	Nữ	7.7	7.5	7.5	7.5	8.4	K	T	6.25	6.25	8.75	4.6	4.5	5.852	188

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
717	Lưu Quỳnh Chi	27/08/2009	11A3	Nữ	5.7	5.4	4.3	6.8	4.7	Đ	T	5	4.5	1	1.5	1.5	3.407	267
718	Đỗ Mạnh Chiến	27/10/2009	11A3	Nam	8.1	8.1	8.9	8.4	7.7	T	T	7.75	7.5	6	7.5	8.2	7.982	61
719	Nguyễn Thị Thu Cúc	23/09/2009	11A3	Nữ	7.1	7.7	7.1	7.9	8.2	K	T	6.5	6.75	6.75	5.75	5	6.215	164
720	Nguyễn Mạnh Dũng	15/11/2009	11A3	Nam	6.6	6.3	6.4	7.2	7	K	T	5.75	5	5	3	3.5	4.788	236
721	Bùi Minh Duyên	08/11/2009	11A3	Nữ	6.2	7.9	7.5	8.1	6.6	K	T	3.6	6.5	4.5	5.5	6	5.683	193
722	Hà Bình Dương	06/04/2009	11A3	Nam	8.3	7.5	8.3	8.5	6.4	K	T	6.5	7.5	4.25	5	7.3	6.797	124
723	Nguyễn Tiến Đạt	13/05/2009	11A3	Nam	7.7	8.7	6.2	7.6	6.9	K	T	4.75	5.75	3.25	7.75	4	6.110	172
724	Trịnh Thành Đạt	28/10/2009	11A3	Nam	7.3	7.2	6.9	7.9	5.9	K	T	5.5	7.25	4	5.25	5.8	6.002	176
725	Tả Anh Đức	22/01/2009	11A3	Nam	7.3	8.4	6.1	6.8	5.8	K	T	8	6	2.5	7.85	3.8	6.765	127
726	Lê Thị Xuân Giao	07/02/2009	11A3	Nữ	8.2	6.2	7	8.2	7.9	K	T	9.5	7.25	6	1.2	6	6.037	175
727	Lưu Thanh Hà	13/07/2009	11A3	Nam	7.3	6.5	7.8	8.1	7.3	K	T	8.75	7	4.5	2.25	6	6.127	171
728	Nguyễn Phạm Thanh Hà	29/03/2009	11A3	Nữ	8.2	7	7.4	8.1	7.1	K	T	7.5	7	5	3.35	6.8	6.378	151
729	Nguyễn Minh Hiếu	01/01/2009	11A3	Nam	8.9	8.8	8.8	7.8	9	T	T	7.25	6.25	9	8	8.4	8.168	51
730	Nguyễn Đức Hoàng	10/12/2009	11A3	Nam	6.8	7.3	5.2	7.3	6.5	K	T	5.25	6.5	7.25	5.85	2.5	5.103	223
731	Nghiêm Gia Huy	22/02/2009	11A3	Nam	5.6	7.3	6.6	7.5	6.8	K	T	4.25	6.5	4.25	5.25	5	5.333	211
732	Nguyễn Thị Khánh Huyền	28/09/2009	11A3	Nữ	7.2	8.6	9	8.3	8.1	T	T	5.5	7.75	7.5	7.5	8	7.380	95
733	Chu Văn Hưng	20/07/2009	11A3	Nam	8.5	7.5	7.5	6.7	7.3	K	T	6.5	5	6.25	6	7.5	7.017	112
734	Bùi Văn Khải	05/01/2009	11A3	Nam	8.5	9.2	9.6	7.8	7.2	T	T	7.25	7.25	6.25	9	9.5	8.738	20
735	Nguyễn Bùi Bảo Khánh	06/07/2009	11A3	Nam	5.7	6.6	5.8	7.7	6.9	K	T	5.5	7	5.75	2.1	4.5	4.633	244
736	Nguyễn Quý Gia Khánh	25/05/2009	11A3	Nam	9.6	8.4	7.5	7.9	7.3	K	T	9	6.5	5.75	7.5	6.75	7.975	64
737	Văn Trọng Khoa	10/01/2009	11A3	Nam	7	8.1	7.7	6.3	5.7	K	T	6.75	4.5	3.5	6.35	6	6.737	129
738	Trần Hữu Tùng Lâm	16/01/2009	11A3	Nam	7.1	8	6.4	7.2	6.1	K	T	6	5.5	5	6.5	4.75	6.175	169
739	Trần Phương Linh	25/07/2009	11A3	Nữ	8.2	8.7	9.3	7.9	8.3	T	T	6.25	6.75	8	7.25	8.8	7.823	68
740	Phạm Đăng Long	17/03/2009	11A3	Nam	5.9	7.2	6.3	7.2	5.2	Đ	T	3.25	6	2	4.25	4.5	4.740	240
741	Dương Đức Mạnh	07/06/2009	11A3	Nam	8.6	8.2	6.9	8.3	8	T	T	6.5	8.25	7.75	7	5.4	6.780	126
742	Nguyễn Anh Mỹ	28/08/2009	11A3	Nam	6.7	7.6	6.4	7.8	7.6	K	T	5.5	7	8	7.1	5.75	6.352	153
743	Phùng Quang Nam	11/01/2009	11A3	Nam	7	7.1	7.1	8	7.4	K	T	6	7	7	5.75	5.75	6.203	166
744	Văn Phước Đăng Quang	11/06/2009	11A3	Nam	9	8.6	7.3	7.7	9.2	T	T	7.75	6.25	8.75	8	4	7.098	106
745	Nguyễn Hoàng Quân	07/05/2009	11A3	Nam	7	5.9	6.2	7	8.1	K	T	5.5	5.25	7.5	2.7	5	4.990	227
746	Cao Bá Quyền	17/09/2009	11A3	Nam	5.4	6.1	5.7	6.3	6.2	Đ	T	5	6.5	3	3	4.8	4.707	241

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
747	Tạ Thị Như Quỳnh	21/09/2009	11A3	Nữ	8.2	9	8.8	7.9	7.2	T	T	6.25	7.75	6	8.5	7.5	7.792	69
748	Khổng La Tiến Thành	02/06/2009	11A3	Nam	6.7	7.3	5.8	7.8	6.3	K	T	4.75	7	3.75	5.1	5.3	5.515	205
749	Hoàng Anh Tiến	17/09/2009	11A3	Nam	6.6	6.1	5.9	6.5	6.5	K	T	4.75	4.75	3.5	1.5	4.5	4.368	251
750	Đào Quỳnh Trang	06/10/2009	11A3	Nữ	6.8	8	7.8	7.9	7.6	K	T	5	6.5	7	6.5	5.5	6.227	163
751	Nguyễn Thu Trang	12/03/2009	11A3	Nữ	6	7.5	6.5	7.6	6.9	K	T	5	5.5	4.25	5.1	3.85	5.255	216
752	Nguyễn Duy Triệu	25/11/2009	11A3	Nam	7.5	7.9	7.1	7.4	7	K	T	5.75	5.25	4	6	7	6.625	135
753	Nguyễn Văn Trọng	29/01/2009	11A3	Nam	5.7	5.8	5.6	6	5.4	Đ	T	4.5	4	2	2.45	4.25	4.323	254
754	Nguyễn Ngọc Tuấn	15/02/2009	11A3	Nam	6.2	6.8	6.9	7.5	7	K	T	4	6.75	5.25	4	5	5.023	225
755	Nguyễn Minh Tuyết	21/06/2009	11A3	Nữ	6.2	6.7	6.3	7.2	7.1	K	T	4.75	6	6.25	3.5	4.6	4.918	230
756	Đàm Khắc Uy	01/12/2009	11A3	Nam	7.2	7.8	6.8	6.6	6.9	K	T	5.75	5.75	5	7	6.5	6.672	132
757	Trần Thị Hải Vân	29/11/2009	11A3	Nữ	6.2	7.2	5.4	7.4	7	K	T	5.25	6.5	6.75	5.35	5	5.520	204
758	Đỗ Thị Ngọc Anh	24/01/2009	11A4	Nữ	7.9	6.8	6.1	7.5	6.7	K	T	4.6	6.25	4.5	2.85	3.5	4.635	243
759	Đỗ Tuấn Anh	07/04/2009	11A4	Nam	7.7	6.1	6.2	7.3	7.1	K	T	5	5.75	6.25	2.35	4.8	4.835	235
760	Hoàng Phương Anh	02/01/2009	11A4	Nữ	7.7	6.8	6.8	7.4	7.4	K	T	5	6	6	4.35	5.1	5.502	206
761	Nguyễn Hùng Anh	28/03/2009	11A4	Nam	7.4	8.2	7.2	7.4	6.5	K	T	5.25	6.75	5.25	7.75	6.3	6.783	125
762	Phạm Vương Việt Anh	14/03/2009	11A4	Nam	8	7.1	6.3	7.7	7.9	K	T	5	6.25	9	5.85	5.1	5.862	186
763	Trương Nguyên Anh	08/01/2009	11A4	Nam	7.7	7.5	7.6	7.3	5.7	K	T	5.25	6.5	3.5	6.5	6.8	6.608	137
764	Đàm Nguyễn Quốc Bình	20/04/2009	11A4	Nam	7.7	5.8	6.5	7.4	5.9	K	T	5.75	6.5	3.75	3.35	4.8	5.243	218
765	Nguyễn Thị Hà Chi	03/10/2009	11A4	Nữ	7.5	6.1	6.5	7.5	6.4	K	T	3.6	6.5	5.25	1.25	4.5	4.192	259
766	Nguyễn Trịnh Quỳnh Chi	11/09/2009	11A4	Nữ	7	6.2	7.2	7.7	7.5	K	T	3	7	6.5	1.35	5.5	4.338	253
767	Hoàng Khánh Duy	11/04/2009	11A4	Nam	8.2	8	8.9	7.3	6.8	T	T	6.25	6	7	6.5	8.3	7.422	91
768	Nguyễn Thành Đạt	10/11/2009	11A4	Nam	8.3	6.8	7.3	7.7	6	K	T	5.75	7.25	4.25	4.25	7.9	6.417	148
769	Nguyễn Văn Đạt	14/09/2009	11A4	Nam	7.5	7.3	6.5	7.4	5.9	K	T	4	6.5	4.25	4.75	5.3	5.408	210
770	Lê Minh Đức	27/11/2009	11A4	Nam	7.6	7.7	6.9	7.6	7.9	K	T	4	7	7	5.75	6	5.895	185
771	Nguyễn Trung Đức	14/10/2009	11A4	Nam	7.4	6.2	4.8	7.2	5.2	Đ	T	4.5	5.5	3	2.45	2.6	4.068	262
772	Nguyễn Thị Hương Giang	12/12/2009	11A4	Nữ	7.3	5.7	5.3	7.9	5.8	K	T	4	6.5	3.75	1.85	3.2	3.942	266
773	Đinh Thế Hiếu	28/10/2009	11A4	Nam	7.6	7.2	6.4	7.2	6.5	K	T	4.85	6.5	4.25	5.25	6.3	5.947	182
774	Lê Trung Hiếu	25/05/2009	11A4	Nam	8.6	8.1	6	6.9	6.5	K	T	7.25	5.75	5.5	7.5	5.3	6.948	117
775	Lưu Việt Hoàng	08/08/2009	11A4	Nam	6.5	6.1	6	7.2	6.9	K	T	2.85	5.75	5.5	2.35	3.9	3.983	263
776	Nguyễn Đức Minh Hoàng	01/06/2009	11A4	Nam	7.6	7.3	6.3	6.3	7.4	K	T	5.5	6.25	7.75	6.25	4.75	5.970	179

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
777	Nguyễn Tường Huy	03/11/2009	11A4	Nam	8.2	7	8.1	6.6	5.4	K	T	6	4.5	3	5.5	7.3	6.717	130
778	Nguyễn Thị Minh Huyền	02/12/2009	11A4	Nữ	7.8	7	6.6	8.1	6	K	T	4.5	6.75	2.25	4.6	4.25	5.255	216
779	Phạm Dương Khang	24/08/2009	11A4	Nam	8.2	6.8	5.8	7.6	6.3	K	T	7.5	6.75	3.75	4.25	3.5	5.638	199
780	Nguyễn Lê Nam Khánh	08/08/2009	11A4	Nam	7.7	5.8	5.6	7.2	5.6	Đ	T	4.75	6.25	4	1.85	2.75	4.092	261
781	Đào Thùy Linh	09/02/2009	11A4	Nữ	7.5	7.1	8	7.9	7.4	K	T	5.5	7.25	5.25	5	7	6.343	155
782	Nguyễn Bảo Long	04/11/2009	11A4	Nam	8.8	8.1	8	7.7	7.9	T	T	7	7.25	7.75	7.5	8	7.740	72
783	Đào Sỹ Luân	08/05/2009	11A4	Nam	8.4	7.1	5.4	7.6	5.7	K	K	6.5	7.25	3	5.5	3	5.590	202
784	Đào Văn Lương	24/08/2009	11A4	Nam	8.9	7.5	7.8	8.2	7.1	K	T	6.75	8.25	4.25	5.5	6.8	6.865	120
785	Nguyễn Ngọc Mạnh	05/09/2009	11A4	Nam	6.5	5.9	5.9	6.3	6.5	K	T	4.5	4.75	5.25	2.5	2.8	4.117	260
786	Phạm Trà My	08/07/2009	11A4	Nữ	7.7	7.3	8.1	7.5	6.7	K	T	4.5	6.25	5.5	5.1	7.5	6.300	158
787	Đặng Thị Ánh Ngọc	03/02/2009	11A4	Nữ	8.1	7.2	8.6	8.4	7.5	T	T	5	7.25	6.75	5.35	8.75	6.847	122
788	Nguyễn Ánh Bảo Ngọc	15/12/2009	11A4	Nữ	8.1	7.5	7.2	8.2	7.6	K	T	5.5	7.75	7	5.35	5	5.978	177
789	Nguyễn Minh Nguyệt	12/07/2009	11A4	Nữ	7.5	6.3	6.4	7.8	6	K	T	3.75	7.5	3.25	2.1	5	4.552	245
790	Nguyễn Bình Nhi	13/07/2009	11A4	Nữ	7.9	7.3	8.4	7.9	7.6	K	T	4.75	7	5.5	4.75	7.75	6.385	150
791	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/11/2009	11A4	Nữ	8.1	7.4	6.7	7.6	5.8	K	T	5	6.25	3.5	5.75	4.5	5.778	190
792	Đoàn Mạnh Quân	09/04/2009	11A4	Nam	8.3	8.3	7.6	7.7	8.8	T	T	6	6.25	8	7.25	5.8	6.865	120
793	Đỗ Minh Quân	19/10/2009	11A4	Nam	7.5	5.9	4.9	6.9	6.6	Đ	T	5.75	6	5.5	3	2.8	4.525	246
794	Đồng Đại Quỳn	27/04/2009	11A4	Nam	7.6	6.7	5.6	7.3	6.4	K	T	4.5	5.75	5.25	4.85	4.3	5.175	221
795	Cao Thị Quỳnh	31/12/2009	11A4	Nữ	8.1	6.7	8	7.9	6.9	K	T	5.6	6.5	4.75	4.6	7	6.293	160
796	Phạm Phương Quỳnh	23/01/2009	11A4	Nữ	6.5	6.5	6.1	7.8	5.9	K	T	2.35	6.75	4	3.35	4.3	4.243	256
797	Nguyễn Minh Sơn	15/03/2009	11A4	Nam	7.8	6.7	8.8	7.7	6.7	K	T	5.25	7.25	5.5	3.75	8	6.297	159
798	Đổng Thị Hương Thảo	10/01/2009	11A4	Nữ	7.3	7.5	6.5	7.6	7.1	K	T	5	6.5	6.25	5.35	4.5	5.595	201
799	Đặng Phương Trâm	09/03/2009	11A4	Nữ	8.3	7	6.9	6.9	7.2	K	T	6	5	7	4.6	5.5	5.977	178
800	Nguyễn Phúc Trí	16/12/2009	11A4	Nam	8.9	8.1	9	6.6	5.9	K	T	7.75	4	3	7.25	8.75	8.142	55
801	Đặng Việt Trung	31/08/2009	11A4	Nam	7.5	7	5.9	6.4	6.8	K	T	7.5	4	7	6.75	4.75	6.473	145
802	Lê Việt Anh	10/01/2009	11A5	Nam	7.1	6.5	6.9	7.5	6.3	K	T	5.25	7	4.5	6	5.5	5.958	181
803	Nguyễn Đức Anh	04/01/2009	11A5	Nam	6.4	5.1	6.3	7.2	5	Đ	T	4	6.75	1.25	3	4.5	4.463	249
804	Nguyễn Ngọc Minh Anh	10/04/2009	11A5	Nữ	7.5	7.6	6.9	7.8	6.4	K	T	5.75	6.75	6	7.25	5.7	6.563	139
805	Nguyễn Văn Chương	14/09/2009	11A5	Nam	7.3	5.1	6	5.1	6.6	Đ	K	6.5	2.5	3	4.75	5	5.632	200
806	Nguyễn Tiến Dũng	05/02/2009	11A5	Nam	8.1	8.7	6.7	6.7	8.1	T	T	6.25	5	8	8.5	5	6.958	116

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
807	Nguyễn Văn Đạt	05/03/2009	11A5	Nam	7.6	7.5	6.2	7.5	6.1	K	T	6	7.25	4.5	7.25	5.3	6.458	146
808	Phạm Thành Đô	03/08/2009	11A5	Nam	6.9	5.4	5.1	6.9	6.7	K	T	5.25	6	5.5	5	3.5	4.948	228
809	Lưu Huỳnh Đức	16/12/2009	11A5	Nam	7.1	6.5	6.6	7	6.8	K	T	4.85	6.5	7.25	6	4.8	5.672	194
810	Nguyễn Đức Hải	14/10/2009	11A5	Nam	7.3	6.5	6.8	7.4	6.7	K	T	5.5	7	6.5	6	6.8	6.330	156
811	Đâu Anh Hiếu	28/11/2009	11A5	Nam	7.3	6.4	6.7	7.1	7.4	K	T	5.75	5.75	7.75	5.25	6.2	6.053	174
812	Hoàng Trung Hiếu	30/11/2009	11A5	Nam	7.7	8	8.8	7.4	7.4	K	T	6.25	6.25	6.5	7.25	8.7	7.630	78
813	Nguyễn Minh Hiếu	30/07/2009	11A5	Nam	7.3	6.7	6.9	6.2	7.5	K	T	6.25	4.25	6.25	7.25	4.4	6.267	161
814	Nguyễn Huy Hoàng	06/04/2009	11A5	Nam	6.4	5.3	4.7	7	5.8	Đ	T	4.25	6	3.75	2.75	3	3.973	264
815	Lê Văn Hùng	22/07/2009	11A5	Nam	6.3	5.7	6.3	7.6	6.6	K	T	4.25	6.75	5.75	4.6	5.3	5.132	222
816	Lê Thanh Huyền	10/09/2009	11A5	Nữ	6.7	7.7	6.9	7.9	7.5	K	T	4.75	7.5	6.75	8.25	4.5	6.213	165
817	Phạm Quỳnh Hương	08/03/2009	11A5	Nữ	7.8	6.6	6.4	7.9	7.5	K	T	6.5	7.75	5.75	5.25	4.25	5.813	189
818	Nguyễn Nam Khánh	31/10/2009	11A5	Nam	8.2	7.6	8.6	7.1	7.7	T	T	6.75	6	7.5	7.5	8.5	7.748	71
819	Nguyễn Duy Khoa	18/02/2009	11A5	Nam	7.3	5.3	6.3	6.7	5.3	Đ	T	6.5	6	3.25	5	3.25	5.332	212
820	Trương Đăng Khoa	26/07/2009	11A5	Nam	6.8	6.5	4.7	6.9	5.8	Đ	T	6.25	7	4	7	1.5	5.242	219
821	Nguyễn Ngọc Lâm	18/11/2009	11A5	Nam	5.9	6.5	7.6	7.6	6.1	K	T	3.75	7.25	5	6.25	6.75	5.908	184
822	Nguyễn Tùng Lâm	06/08/2009	11A5	Nam	6.7	5.4	4.8	6.7	5.9	Đ	T	5.25	6.5	3.75	5.35	2.6	4.770	237
823	Nguyễn Đức Bảo Long	31/10/2009	11A5	Nam	6.7	4.1	4.8	6.6	5.7	Đ	T	6.25	5.5	3	1.5	2.5	3.952	265
824	Lê Đức Lương	01/02/2009	11A5	Nam	7	5.9	6.3	5.9	7.8	K	T	5.25	4.5	7.75	5.25	4.7	5.467	208
825	Đồng Trịnh Đức Mạnh	20/12/2009	11A5	Nam	6.9	4.4	6.2	7.4	6.3	Đ	T	5.75	7	3.5	4	3.5	4.842	234
826	Nguyễn Hồng Minh	04/04/2009	11A5	Nữ	8.2	7.4	7.8	7.4	6.6	K	T	7.5	7.5	5.75	7.5	6.7	7.403	92
827	Nguyễn Hoàng Nam	17/04/2009	11A5	Nam	6	6.1	6.7	7.2	6.1	K	T	1.75	6.25	4	4.25	4	4.213	258
828	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	14/03/2009	11A5	Nữ	7.2	7.3	7.5	7.3	7.1	K	T	5.25	6	6.5	7.5	6.25	6.633	134
829	Trần An Nguyên	17/12/2009	11A5	Nam	8.3	6.8	6.7	7.4	6.2	K	T	7	7	5.25	6.5	5.25	6.555	140
830	Nguyễn Thanh Nhân	11/07/2009	11A5	Nữ	7.2	7.1	7.1	7.2	7.7	K	T	4.75	6	6.5	6.25	6.25	6.165	170
831	Nguyễn Minh Nhật	26/03/2009	11A5	Nam	7.3	6.8	6.8	7.8	7.9	K	T	4.5	8.5	7.5	6	6	5.940	183
832	Ngô Đình Như	07/05/2009	11A5	Nam	6.6	6.1	5.9	6.9	7.2	K	T	4.1	5.75	5.5	3.75	4.5	4.742	239
833	Nguyễn Thành Phát	04/05/2009	11A5	Nam	5.6	4.5	4.5	6.8	5.4	Đ	T	2.6	7	2.25	1.85	2	2.965	269
834	Nguyễn Hải Phong	01/03/2009	11A5	Nam	7.7	6.4	7.4	7	6	K	T	4.75	5.75	4	6.1	5.5	5.965	180
835	Nguyễn Quốc Phương	14/05/2009	11A5	Nam	8.1	6.6	8.9	7.2	6.1	K	T	6.25	7.25	4.5	5.6	8.5	7.108	105
836	Khổng Tuấn Quang	13/09/2009	11A5	Nam	7.9	8.1	8.9	7.6	6.6	K	T	6	7	5.5	7.5	8.5	7.623	79

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
837	Nguyễn Trần Anh Quân	16/11/2009	11A5	Nam	7.8	6.2	5.8	6	6.3	Đ	T	7.25	4.75	5	5.35	4	5.853	187
838	Lưu Thị Ngọc Quỳnh	16/10/2009	11A5	Nữ	7.3	6.7	7.3	8	7.3	K	T	5	7.75	6.75	6.1	5.8	6.073	173
839	Khổng Thị Minh Tâm	06/01/2009	11A5	Nữ	7.9	8.2	8.6	8.1	7.8	T	T	6.5	7	6.25	7.5	8.3	7.673	76
840	Lê Thanh Thủy	24/07/2009	11A5	Nữ	8.6	8.3	6.7	7.4	8.5	T	K	8	5	8.75	7.5	4.5	7.027	111
841	Nguyễn Văn Thủy	19/08/2009	11A5	Nam	7.7	6.2	7.3	7.5	6.4	K	T	5.75	6.75	5.75	5.25	7	6.320	157
842	Nguyễn Thị Tính	01/07/2009	11A5	Nữ	7.9	6.9	6.3	7.1	7.5	K	T	5.75	6	7.25	6.75	5	6.193	167
843	Khổng Thị Thùy Trang	14/05/2009	11A5	Nữ	6.9	5.5	5.8	7.2	6.7	K	T	5.5	6	5.5	5	4.25	5.262	215
844	Lê Tuấn Tú	17/10/2009	11A5	Nam	6.3	5.5	5.9	6.9	6.3	Đ	T	5	6	5.25	3	3.5	4.453	250
845	Khổng Việt Anh	14/11/2009	11A6	Nam	7.3	6.3	7.2	6.8	6	K	T	5	5.75	5	5	5.3	5.650	198
846	Nguyễn Duy Anh	07/01/2009	11A6	Nam	6.6	7.2	7.2	8	8.2	K	T	4.85	8	7	6.25	6.6	6.230	162
847	Nguyễn Hải Anh	10/01/2009	11A6	Nữ	6.9	6.4	6.7	7.7	7.6	K	T	4.25	7.5	6.75	4.5	4.5	5.092	224
848	Bùi Thị Ngọc Ánh	03/04/2009	11A6	Nữ	6.3	5.8	7.1	8	7.1	K	T	4.25	7	7	5.75	5.3	5.490	207
849	Vương Hồng Ánh	23/02/2009	11A6	Nữ	7.5	6.7	6.9	8	7.4	K	T	4.75	7.25	5.75	5.5	5	5.668	195
850	Nguyễn Thị Hà Chi	11/06/2009	11A6	Nữ	7.9	8.1	7.9	7.8	7.6	K	T	6	6.75	7	7.75	7.1	7.255	100
851	Nguyễn Mạnh Cường	20/03/2009	11A6	Nam	6.4	5.7	6.9	6.4	5.9	Đ	T	4.5	5	6.25	4	5.6	5.190	220
852	Trịnh Thị Hạnh Dung	25/09/2009	11A6	Nữ	6.9	6.1	6.3	7.5	7.6	K	T	5	6.25	7.5	2.85	3.1	4.485	248
853	Dương Thanh Duy	01/08/2009	11A6	Nam	7.1	7.4	6.8	7.6	5.9	K	T	5.25	6.75	4.25	8	5	6.388	149
854	Nguyễn Thùy Dương	21/04/2009	11A6	Nữ	7.6	7.5	7.5	8.8	7.8	K	T	5.25	8.75	7	6.25	5.3	6.180	168
855	Bùi Văn Điều	07/11/2009	11A6	Nam	6.6	6.5	7.4	7.6	6.5	K	T	2.5	6.75	5.25	4.6	5.3	4.943	229
856	Nguyễn Mạnh Đức	28/06/2009	11A6	Nam	7.3	7.8	8.3	9.3	8.9	T	T	5	8.75	8.25	8	7.8	7.193	103
857	Hoàng Giang	23/04/2009	11A6	Nam	8.6	8.2	6.2	7.2	7.7	K	T	7.5	5.25	5.5	7.75	4.8	6.978	115
858	Hoàng Thúy Hải	23/08/2009	11A6	Nữ	8.4	9.4	8.8	8.6	7.7	T	T	7	7	6.75	9	8.3	8.330	42
859	Nguyễn Duy Hải	26/06/2009	11A6	Nam	6.7	5.5	6.1	6.9	6.8	K	T	6	5.75	7	2.6	3.5	4.653	242
860	Ngô Thị Thu Hiền	07/07/2009	11A6	Nữ	7.1	6.8	6.8	7.8	7.7	K	T	4.6	7	7.25	5.75	5	5.652	197
861	Đỗ Thu Hoài	11/12/2009	11A6	Nữ	8.3	8.1	7.5	8.1	7.1	T	T	6.75	8	6.25	7.5	7	7.348	96
862	Lê Đức Huy	02/11/2009	11A6	Nam	6.5	4.9	6	6.9	6.5	Đ	T	6.25	7.25	4.75	4.1	6	5.555	203
863	Nguyễn Văn Huy	29/06/2009	11A6	Nam	8.7	9	8.8	7.6	7	T	T	8.25	6	5.75	9	8.8	8.728	21
864	Trần Quang Huy	25/07/2009	11A6	Nam	6.6	6.4	7.4	7.3	6.4	K	T	3.75	6.25	5.25	5.25	6.8	5.727	192
865	Nguyễn Trung Kiên	08/04/2009	11A6	Nam	8.1	7.1	6.2	7.5	7	K	T	8.5	7.5	4	6.1	3.5	6.363	152
866	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	13/04/2009	11A6	Nữ	8	6.9	7.4	8.4	7.3	T	T	6	7.25	4	6.5	6.1	6.570	138

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
867	Nguyễn Phi Long	01/12/2009	11A6	Nam	8.4	7.4	7.6	7.7	7.7	K	T	7	7.25	7	7.5	6.7	7.287	98
868	Nguyễn Quang Minh	22/12/2009	11A6	Nam	9.1	9.6	9.7	8.2	8.3	T	T	9	7	8	9.5	9.25	9.315	4
869	Lương Xuân Nam	05/03/2009	11A6	Nam	6.4	6.2	5.8	6.6	4.7	Đ	T	4	5.5	2.25	2.85	3.35	4.220	257
870	Nguyễn Minh Nhân	16/03/2009	11A6	Nam	6.6	7.5	7.7	7.6	7.2	K	T	5.25	7	5.75	6.75	6.5	6.497	142
871	Trần Xuân Phúc	23/05/2009	11A6	Nam	7.8	8.1	8.4	8	7.6	K	T	6.25	7.25	6.75	8	7.5	7.505	84
872	Nguyễn Khánh Phương	03/10/2009	11A6	Nữ	7	5.5	6.3	8.2	6.5	K	T	4.5	7.5	4.75	2.1	4	4.353	252
873	Nguyễn Thị Ánh Quyên	11/05/2009	11A6	Nữ	8.3	9.3	9.3	8.4	8.1	T	T	6.25	6.5	7.5	9	8.8	8.302	44
874	Dương Hoàng Sang	28/07/2009	11A6	Nam	7.7	5.1	5.5	7.1	5.6	K	T	5.5	6.5	3.5	5	4.4	5.307	213
875	Lưu Hồng Sơn	26/12/2009	11A6	Nam	5.9	6	6.1	6.9	6.4	Đ	T	4.5	6.5	6	5	3.8	4.903	232
876	Nguyễn Hữu Sơn	12/12/2009	11A6	Nam	6.8	6.6	6.5	8.2	7.4	K	T	4.25	7.75	6.5	4.6	5.3	5.292	214
877	Ngo Đức Thắng	25/07/2009	11A6	Nam	7	7.2	7.1	6	6.1	K	T	4.75	4.75	4	5.5	5.3	5.758	191
878	Đỗ Thị Thu Trang	10/11/2009	11A6	Nữ	6.5	6.2	6.2	7.8	8.2	K	T	3.5	6.75	7	5.25	2.5	4.515	247
879	Trần Hải Triệu	28/01/2009	11A6	Nam	6.9	4.6	7.2	6	6.4	Đ	T	4.5	4.25	5.75	3	6	5.020	226
880	Đỗ Xuân Trường	19/01/2009	11A6	Nam	8	8.9	7.2	6.2	6.6	K	T	6.75	3.5	5	9	5.75	7.427	90
881	Nguyễn Vũ Hà Tú	18/08/2009	11A6	Nữ	7.3	5.7	7.7	7.3	7.5	K	T	4.75	5.75	6.75	3.1	6.5	5.418	209
882	Lưu Thanh Tùng	30/08/2009	11A6	Nam	7.2	6.6	8.4	7.3	7	K	T	5	6	6.25	5.5	7.75	6.478	144
883	Lê Thị Cát Tường	16/12/2009	11A6	Nữ	6.8	4.7	6.7	7.1	7.6	Đ	T	4	6	6.75	2.35	4.25	4.293	255
884	Đỗ Bảo Vi	29/10/2009	11A6	Nữ	5.8	4.1	4.6	6.4	7.3	Đ	T	3.1	4.75	7.25	1.5	3.75	3.398	268
885	Ngô Đức Việt	19/10/2009	11A6	Nam	8.5	7.5	7.8	6.5	7.5	K	T	7.75	5.5	7.75	7	7.5	7.572	81
886	Đỗ Như Vũ	12/05/2009	11A6	Nam	6.3	6.1	7	7.4	6.7	K	T	4.25	6.25	6	3.25	5.25	4.915	231
887	Nguyễn Mạnh Vũ	18/06/2009	11A6	Nam	6.8	5.5	6	7	5.8	K	T	4	7	3	5	3.6	4.770	237
888	Nguyễn Minh Vũ	11/03/2009	11A6	Nam	6.6	6.2	7.6	7.2	6.8	K	T	3	6.5	5.5	5.5	7	5.657	196
889	Nguyễn Bảo An	08/07/2009	11D1	Nữ	7.3	8.6		9	8.7	T	T	5.25	8	7.5	9.25	6.85	7.342	66
890	Bùi Hải Anh	11/06/2009	11D1	Nữ	8.1	8.8		8.6	8.5	T	T	6	7.75	7	8.75	6.25	7.362	64
891	Đỗ Thị Vân Anh	14/05/2009	11D1	Nữ	7.2	8.7		9	8.6	T	T	4.5	8.75	7.75	8.5	7.5	7.380	62
892	Nguyễn Đào Tuyết Anh	04/05/2009	11D1	Nữ	7.8	8.1		8.8	8.5	T	T	6	7.75	7.25	8.5	7.75	7.410	59
893	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	19/10/2009	11D1	Nữ	8.3	9.2		8.8	8.5	T	T	8	8	7.25	9	8	7.985	10
894	Nguyễn Phương Anh	10/08/2009	11D1	Nữ	8.8	9.9		8.7	9.2	T	T	8.75	8	8.5	9.5	9.5	8.562	1
895	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13/11/2009	11D1	Nữ	7.6	7.9		8.3	8.7	T	T	6	8.5	8.25	9.25	6.75	7.768	25
896	Nguyễn Ngọc Ánh	16/04/2009	11D1	Nữ	7.3	9.3		7.8	9	T	T	5.75	7.25	8.5	9.5	9.25	7.427	58

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
897	Phạm Ngọc Bảo	31/12/2009	11D1	Nam	6.9	8.4		8.4	8.5	T	T	4.75	8.75	7	9	8.5	7.163	97
898	Ngô Bảo Châu	17/11/2009	11D1	Nữ	7.9	9.1		9.3	8.3	T	T	6.75	9	6.5	8.5	7.1	7.742	27
899	Vương Bảo Châu	20/10/2009	11D1	Nữ	7.1	8.1		8.3	8.9	T	T	6.5	8	8.5	8.5	7.5	7.797	22
900	Đỗ Quỳnh Chi	10/05/2009	11D1	Nữ	7.5	8.1		8.6	8.8	T	T	6.5	8.75	8.25	8.5	5.75	7.973	11
901	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	26/02/2009	11D1	Nữ	8	9.3		9	9	T	T	6.25	8.75	8.25	9.25	10	8.025	8
902	Nguyễn Thùy Dung	31/10/2009	11D1	Nữ	8.2	9.3		8.8	8.7	T	T	6.25	8.75	8	9.5	9.75	7.937	12
903	Thiều Nguyễn Kỳ Duyên	29/09/2009	11D1	Nữ	7.6	8.1		9	8.8	T	T	6.5	8.75	8.5	9.25	8	8.082	7
904	Nguyễn Hương Giang	13/07/2009	11D1	Nữ	6.7	8.6		8.4	8.5	T	T	4.5	8.5	7.25	9	7.75	7.085	110
905	Vũ Phương Hà	29/11/2009	11D1	Nữ	8	8.8		8.9	8.5	T	T	6.25	8.75	7.75	9.25	8.5	7.848	18
906	Nguyễn Thị Thu Hạnh	09/05/2009	11D1	Nữ	8.1	9.1		9.1	8.7	T	T	7.25	9	7.75	10	8.25	8.190	3
907	Nguyễn Thị Bích Hằng	11/09/2009	11D1	Nữ	7.1	9.6		9	8.7	T	T	5	8.75	8	10	8	7.555	44
908	Nguyễn Thị Hoa	02/02/2009	11D1	Nữ	7.4	8.3		8.6	8.7	T	T	5.5	8.5	7.75	9.25	7.5	7.545	47
909	Đàm Thị Thanh Huyền	05/04/2009	11D1	Nữ	7.4	8.3		8.9	8.6	T	T	6.25	8.75	7.25	9.25	7.25	7.682	35
910	Lương Khánh Huyền	21/10/2009	11D1	Nữ	7.5	8.5		8.4	8.4	T	T	6.25	8.25	7.5	7.5	6.75	7.563	41
911	Hàn Quỳnh Hương	30/11/2009	11D1	Nữ	7.3	8.7		9	8.3	T	T	6	8.75	7	8.5	5.5	7.535	48
912	Dương Thùy Linh	28/08/2009	11D1	Nữ	6.6	7.8		8.4	8.4	T	T	4	8	7.25	9.25	7.25	6.832	161
913	Đỗ Diệu Linh	12/08/2009	11D1	Nữ	6.7	8.9		8.6	8.7	T	T	4.5	8.25	7.75	8.75	8	7.183	93
914	Nguyễn Thị Khánh Linh	11/08/2009	11D1	Nữ	7.4	8.5		8.8	8.6	T	T	6.5	8	7.75	8.75	8.25	7.672	36
915	Đặng Khánh Ly	26/06/2009	11D1	Nữ	6.8	7.8		8.6	8.4	T	T	4.75	9	7.5	9	7	7.338	67
916	Nguyễn Thị Khánh Ly	12/07/2009	11D1	Nữ	8.1	9.5		8.4	9	T	T	7.25	7.75	8.75	9.5	8.75	8.092	6
917	Đỗ Nguyễn Hà My	27/10/2009	11D1	Nữ	6.9	8.1		8.3	9.1	T	T	4.75	7.75	8.5	8	4.25	7.330	68
918	Nguyễn Trà My	01/01/2009	11D1	Nữ	8	7.9		9.1	8.2	T	T	6.75	9.25	6.75	8.25	5.85	7.838	19
919	Phạm Trà My	25/08/2009	11D1	Nữ	8.1	8.7		9.1	9.4	T	T	6.5	8.5	8.5	9.25	5.75	8.143	5
920	Cao Thu Ngân	27/09/2009	11D1	Nữ	7.8	9.4		9.3	8.8	T	T	5.75	9	8.5	9.25	9	8.015	9
921	Lê Thị Ngọc	22/07/2009	11D1	Nữ	8.7	9.1		9.1	8.7	T	T	7.25	8.5	8	9.25	8.75	8.192	2
922	Vương Nguyễn Thanh Ngọc	30/10/2009	11D1	Nữ	8.2	9.5		8.3	8.4	T	T	7	8.75	7.5	9	8.75	7.915	13
923	Vũ Như Quỳnh	13/04/2009	11D1	Nữ	7.3	8.5		8.7	8.2	T	T	5.75	8.75	6.5	9	8.25	7.320	70
924	Đỗ Thị Phương Thảo	13/11/2009	11D1	Nữ	7.4	9		9.1	9.1	T	T	6	8.75	8	9.25	6.75	7.868	17
925	Nguyễn Ngọc Thịnh	26/08/2009	11D1	Nữ	8.3	8.9		9	8.3	T	T	6.5	9	6.5	8.75	6.35	7.693	30
926	Nguyễn Thị Thu Thủy	01/08/2009	11D1	Nữ	7	8.6		8.3	8.7	T	T	4.75	8.5	7.75	8.75	8.75	7.300	74

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
927	Đinh Xuân Tiến	27/12/2009	11D1	Nam	8.2	9.1		8.4	9	T	T	8	7.75	8.25	8.5	9.25	8.160	4
928	Nguyễn Thị Huyền Trang	14/12/2009	11D1	Nữ	7.2	8.7		8.3	8.3	T	T	4.5	8	7	8	6.25	6.930	139
929	Trần Thị Thu Trang	25/11/2009	11D1	Nữ	7.4	9.2		8.4	8.4	T	T	5	8.25	7.25	9.25	8.35	7.203	87
930	Nguyễn Ngọc Trâm	09/10/2009	11D1	Nữ	7.4	9.3		8.2	8.3	T	T	5.75	7.75	7	8.5	7.5	7.173	96
931	Đỗ Thị Yến Vi	22/08/2009	11D1	Nữ	7.7	8.7		9.1	8.7	T	T	5.75	8.5	7.75	9.25	8.5	7.683	34
932	Nguyễn Hoàng Vy	09/08/2009	11D1	Nữ	7.6	9.1		8.2	8.4	T	T	5.75	7.5	7.25	8.5	5.25	7.203	87
933	Nguyễn Ngọc Tường Vy	28/09/2009	11D1	Nữ	7.2	7.9		8.8	8.9	T	T	6	8.25	8.5	9	7	7.798	21
934	Cao Thủy Anh	24/08/2009	11D2	Nữ	7.5	7.9		8.6	8.3	T	T	4	7.75	6.5	8.5	6.75	6.698	176
935	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	23/03/2009	11D2	Nữ	6.6	8.3		7.2	7.3	K	T	4.5	6.25	6	9	7.75	6.018	259
936	Nguyễn Phương Anh	23/06/2009	11D2	Nữ	6.5	8		9.2	7.1	T	T	3	8.5	5.5	9	6.25	6.247	228
937	Phan Hà Anh	19/11/2009	11D2	Nữ	8	8.4		7.8	7.8	K	T	6.75	7	6.5	9	8.25	7.085	110
938	Vũ Hồng Ánh	28/08/2009	11D2	Nữ	8.1	8.9		8.4	8.5	T	T	6.25	8.75	7.5	9	8.75	7.750	26
939	Đoàn Ngọc Châu	12/09/2009	11D2	Nữ	7.8	8.6		8.3	8.9	T	T	5.25	7.75	7.5	7	6.25	7.283	79
940	Nguyễn Thùy Chi	20/01/2009	11D2	Nữ	8	8.1		8.4	8.1	T	T	6.75	8.5	8	9.25	6.25	7.875	16
941	Vũ Duy Dân	17/11/2009	11D2	Nam	6.5	7.6		8	8.1	K	T	4.5	7	6.5	8.5	5.5	6.460	206
942	Nguyễn Lê Huyền Diệu	30/12/2009	11D2	Nữ	7.9	8.3		8.1	8.3	T	T	5.25	8.25	6.75	8.5	6	7.155	100
943	Nguyễn Thùy Dương	09/11/2009	11D2	Nữ	7.3	8.9		8.9	8.1	T	T	5	8.25	8.5	8.5	4.35	7.505	51
944	Vũ Tiến Đạt	18/12/2009	11D2	Nam	7	8.8		7.9	7.7	K	T	5.25	8	7	7	4.75	6.985	127
945	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	27/01/2009	11D2	Nữ	7.3	9		7.9	8.5	T	T	5.5	7	8	9.25	5.75	7.153	102
946	Vũ Thị Hoa	16/11/2009	11D2	Nữ	8.1	8.9		7.8	8.2	T	T	6.25	7.25	7.75	9	7	7.368	63
947	Nguyễn Thanh Huyền	22/08/2009	11D2	Nữ	6.8	8		8.2	8.3	T	T	5	8.5	7.5	8	5.85	7.230	85
948	Vương Thu Huyền	11/07/2009	11D2	Nữ	7.1	8.4		7.4	8.4	K	T	4.75	7.5	7.25	9.25	6.5	6.840	159
949	Mai Ngọc Bảo Khánh	28/02/2009	11D2	Nữ	7.7	8.4		8.2	7.7	K	T	4.85	8.25	7	8.75	6.25	7.050	116
950	Ngô Nguyễn Quang Khánh	12/02/2009	11D2	Nam	5.8	9.1		7.3	7.3	K	T	3.75	7	5.75	8	5.5	5.890	277
951	Chữ Bảo Linh	22/04/2009	11D2	Nữ	7.2	7.4		7.7	7.6	K	T	5.25	7	7.75	8.25	4.7	6.917	144
952	Lương Thị Phương Linh	16/11/2009	11D2	Nữ	7.4	9.3		8.5	8.1	T	T	5.75	7.75	7.25	9.25	7.25	7.242	81
953	Soái Ngọc Linh	22/07/2009	11D2	Nữ	7.9	8.4		8	6.6	K	T	7.75	8	6	7.75	5.75	7.325	69
954	Trần Thị Diệu Linh	14/04/2009	11D2	Nữ	6.7	7.4		6.6	7.4	K	T	5.25	5	6	4.25	3.75	5.862	281
955	Hoàng Trung Long	22/09/2009	11D2	Nam	7.9	8.5		7.8	8.3	T	T	7.75	6.5	6.75	8.75	7.25	7.300	74
956	Hoàng Khánh Ly	04/12/2009	11D2	Nữ	8.2	7.4		8.7	9.1	T	T	6.75	7.75	7.75	7.75	5.6	7.792	24

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
957	Bùi Thanh Mai	23/09/2009	11D2	Nữ	7.3	8.4		8.2	7.7	T	T	5	7.5	7	8.75	7.25	6.870	153
958	Đào Nguyệt Mi	01/10/2009	11D2	Nữ	7.1	7		8	8.2	K	T	6.25	7.25	7.5	8	4.75	7.230	86
959	Trịnh Trà My	25/09/2009	11D2	Nữ	8.5	7.5		7.4	8.7	K	T	7.75	6	7.75	6.25	4.35	7.477	54
960	Vũ Thị Hồng Ngát	20/02/2009	11D2	Nữ	7.7	8.1		8.7	8.7	T	T	5	8	8	8	6.5	7.410	60
961	Nguyễn Thị Ngân	28/03/2009	11D2	Nữ	6.8	8.6		8.5	8.1	T	T	3.25	7.5	7	9	7.25	6.482	203
962	Sái Minh Ngọc	31/01/2009	11D2	Nữ	6.9	8.3		8.8	8.2	K	T	3.6	8.5	7.75	7	6	7.022	118
963	Đỗ Thị Nguyệt	10/08/2009	11D2	Nữ	7.3	7.6		7.9	6.9	K	T	5.75	8	4.5	7.5	3.85	6.468	204
964	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	14/05/2009	11D2	Nữ	7.1	8.3		7.7	7.8	K	T	5.75	7.5	7	5.75	4.25	6.985	127
965	Nguyễn Trần Tuyết Như	12/02/2009	11D2	Nữ	7.5	8.1		8	8.6	T	T	5	8.25	7.75	7.75	6.5	7.310	72
966	Nguyễn Anh Quân	09/07/2009	11D2	Nam	7.6	7.5		7.9	8.4	K	T	6	6.75	8	7.25	6.75	7.232	83
967	Nguyễn Thị Thanh Tâm	27/11/2009	11D2	Nữ	7.9	8.5		7.5	7.5	K	T	6	7.25	7.25	8.5	5	7.073	115
968	Đoàn Thanh Thảo	06/04/2009	11D2	Nữ	8.3	9.3		8.1	7.3	T	T	7	8	7.25	8.75	7	7.562	43
969	Lê Phương Thảo	14/08/2009	11D2	Nữ	8.3	9		8.6	8.9	T	T	6.5	8.75	7.5	9	6.75	7.888	15
970	Lê Hà Minh Trang	01/03/2009	11D2	Nữ	8.7	9		7.9	8.8	T	T	8	6.75	7.5	9	7.6	7.732	28
971	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/08/2009	11D2	Nữ	7.4	8.8		8.8	8.6	T	T	4.5	7.25	6.75	8.25	7.5	6.797	162
972	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/11/2009	11D2	Nữ	7.6	8		8	7	K	T	5.5	7	7.5	9	8.25	6.927	142
973	Trần Mai Phương Trang	21/02/2009	11D2	Nữ	6.9	8.1		8.9	7.6	K	T	4.25	7.75	6.5	9.25	5.5	6.657	184
974	Đàm Đình Anh Trung	25/01/2009	11D2	Nam	9.2	9		7.9	8.2	T	T	8.5	6	6.75	8.25	8.5	7.488	52
975	Đỗ Anh Tuấn	18/10/2009	11D2	Nam	8	9.8		8.3	8.1	T	T	7.25	7.75	7.5	9.25	7.25	7.690	32
976	Nguyễn Phương Uyên	27/11/2009	11D2	Nữ	8.1	9.4		7.1	5.9	K	T	6.6	8	3.75	7	6.5	6.392	211
977	Nguyễn Thị Phương Vi	16/10/2009	11D2	Nữ	7.5	8.5		8.2	9.1	T	T	5	7.75	9	9	8	7.555	45
978	Đỗ Mạnh Vĩ	09/04/2009	11D2	Nam	7.8	8.9		7.9	9.1	T	T	5.5	7.25	9.25	8	3.1	7.613	37
979	Nguyễn Phương Như Yên	02/11/2009	11D2	Nữ	7.7	8.9		8.2	8	T	T	5.25	7.25	7.25	8.5	7	6.998	123
980	Vũ Thị Bảo Yên	20/09/2009	11D2	Nữ	6.6	7.6		7.5	8.3	K	T	4	6.75	7.5	8.75	6.75	6.498	200
981	Cáp Thu An	30/01/2009	11D3	Nữ	7.2	8.9		8.6	7.6	T	T	4.75	7.5	7.5	9.5	6.25	6.948	135
982	Nguyễn Quốc An	01/05/2009	11D3	Nam	8	8.5		8.1	7.6	T	T	6.25	7.5	6.75	8.75	8	7.153	101
983	Lương Hà Anh	13/12/2009	11D3	Nữ	5.8	8.7		8.4	7.2	K	T	2.5	7.5	6.75	8	6.85	6.048	253
984	Nguyễn Mai Anh	05/09/2009	11D3	Nữ	6.8	8.3		8.5	7.7	T	T	5	7.75	7	7.25	8.75	6.908	147
985	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/01/2009	11D3	Nữ	7.5	8.5		8.7	7	T	T	5.25	8	5.75	8.5	5.5	6.753	167
986	Tạ Gia Bảo	16/09/2009	11D3	Nam	6.3	8.6		7.6	7.8	K	T	5	5.75	7.25	7	3.25	6.370	214

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
987	Đỗ Diệu Châu	23/07/2009	11D3	Nữ	8	8.9		8.8	7.4	T	K	5	8.25	7	8.25	6.6	7.145	103
988	Nguyễn Hoàng Châu	01/09/2009	11D3	Nữ	6.8	9.2		9	8.1	T	T	5.25	8.25	7.5	9.5	6.75	7.290	78
989	Nguyễn Linh Chi	11/07/2009	11D3	Nữ	6.4	9.1		8.7	7	K	T	4.25	7.5	7	8.25	6.25	6.585	194
990	Lương Như Chức	26/08/2009	11D3	Nam	6.4	8.8		8.2	5.8	K	K	5.25	6.75	4.25	5.5	4	5.832	287
991	Hoàng Ngân Diệu	10/11/2009	11D3	Nữ	7.1	8.3		8.7	7.9	T	T	5	8	6.75	8.25	9	6.978	129
992	Đào Hoàng Dương	06/01/2009	11D3	Nam	5.2	8.3		8.2	6.1	K	T	4.5	7.5	5	5.25	4.6	5.917	276
993	Nguyễn Đăng Dương	17/09/2009	11D3	Nam	6.7	9		7.7	6.3	K	T	4.5	6.5	5.5	6.25	4.35	5.920	274
994	Lê Phương Đan	24/08/2009	11D3	Nữ	6.8	8.9		9.3	8.1	T	T	4.25	8.75	7.25	8.25	6.75	7.145	103
995	Đinh Quang Hải	04/10/2009	11D3	Nam	4.7	7.9		8.1	5.3	Đ	T	3.5	7.5	4	3.75	5	5.310	316
996	Khổng Quang Huy	26/10/2009	11D3	Nam	7.2	9		8.2	7.4	K	T	6.5	7.25	7.25	8.75	5	7.180	95
997	Nguyễn Hải An Huy	17/03/2009	11D3	Nam	6.4	8.2		8	6	K	T	7	6.25	4	9.25	4.25	6.065	251
998	Nguyễn Thị Hường	03/07/2009	11D3	Nữ	7.9	9		8.5	7.2	T	T	6.5	7.75	6.25	9.25	7	7.143	105
999	Nguyễn Bùi Quốc Khánh	03/07/2009	11D3	Nam	5.8	8.1		8.3	8.5	K	T	4.25	7	7.75	8.75	5.5	6.693	179
1000	Đàm Nhật Linh	15/03/2009	11D3	Nữ	8	8.7		8.7	7.5	T	T	6.25	8	6.75	8.25	7.5	7.320	70
1001	Đỗ Đức Mạnh	28/12/2009	11D3	Nam	6.8	8.4		8.4	7	T	T	5.25	7.75	6.25	8	6.5	6.712	171
1002	Hoàng Thị Quỳnh Nga	02/08/2009	11D3	Nữ	8.3	8.4		8.2	7.4	T	T	6.75	7.25	6.75	7.75	5.25	7.232	83
1003	Nguyễn Hiền Nga	06/08/2009	11D3	Nữ	6.8	8.4		8.7	7.9	K	T	5.75	8	7.25	8.25	6	7.240	82
1004	Cù Thị Ánh Ngọc	08/09/2009	11D3	Nữ	6	8.7		8.3	7.1	K	T	3.75	7.5	6.25	8.75	7.25	6.223	230
1005	Hồ Thị Yên Nhi	03/04/2009	11D3	Nữ	7.4	8.7		8.6	6.8	T	T	7.75	8.5	6.5	8.75	8.5	7.588	39
1006	Đỗ Thu Phương	28/12/2009	11D3	Nữ	6.7	8		8.8	7.2	T	T	7.25	8.25	6.75	9	5.5	7.462	55
1007	Nguyễn Thị Tú Phương	13/11/2009	11D3	Nữ	7.8	9.3		8.6	7.6	T	T	6.75	7.75	7.5	9.25	7.5	7.533	49
1008	Dương An Quốc	03/04/2009	11D3	Nam	4.5	8.4		8	5.8	Đ	T	3.5	7	6	7.5	4.5	5.680	295
1009	Trần Như Quỳnh	27/07/2009	11D3	Nữ	7.7	8.3		8.8	7.6	T	T	6.5	8	7.75	9.25	9	7.602	38
1010	Lê Thị Minh Tâm	14/09/2009	11D3	Nữ	6.2	8.9		7.8	7.6	K	T	5.5	6.75	7	9	5.75	6.652	185
1011	Trần Quyết Thắng	28/06/2009	11D3	Nam	7.7	8.4		8.1	8.4	T	T	4.5	7	7.5	8.75	6	6.853	156
1012	Nguyễn Lê Thu	06/07/2009	11D3	Nữ	6.9	9.2		8.7	8.2	T	T	4.75	7.5	7.25	8	7.25	6.930	139
1013	Trần Minh Thư	02/12/2009	11D3	Nữ	6.5	9.1		9	8.1	T	T	4	8.25	7.25	6	7.5	6.910	145
1014	Đào Anh Tiến	22/03/2009	11D3	Nam	4.1	8.3		7.1	7.8	Đ	T	3.5	4.5	8	6.75	2.7	5.633	299
1015	Đỗ Thị Quỳnh Trang	04/11/2009	11D3	Nữ	6.2	8.7		7.7	7.1	K	T	4.25	6	6.5	8	6.25	6.008	263
1016	Lương Thị Huyền Trang	14/12/2009	11D3	Nữ	6.4	8.1		8.3	7.2	K	T	3.75	7	7.5	8	5.25	6.448	209

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1017	Nguyễn Bảo Trang	10/09/2009	11D3	Nữ	6.4	8.5		9	6.7	K	T	5.25	8.75	6.5	8.75	6.1	6.993	126
1018	Sái Hà Trang	11/12/2009	11D3	Nữ	5.9	8		8.2	6.7	K	T	4.25	6.75	6.25	9	8.25	6.105	249
1019	Nguyễn Trí Trung	17/12/2009	11D3	Nam	7.3	7.8		8.6	8.1	K	T	4.75	7.75	8	9	3.5	7.183	93
1020	Trần Quang Tú	25/10/2009	11D3	Nam	7.4	8.9		8.7	8.3	T	T	6	7.5	9	8.25	3.6	7.690	31
1021	Đàm Thị Thu Tuyết	09/09/2009	11D3	Nữ	6.8	8		8.9	6.1	K	T	7	8.5	5.5	7	3.85	7.080	113
1022	Lê Tuấn Vũ	25/08/2009	11D3	Nam	7.7	8.4		8.5	8.2	T	T	5.75	7.5	8.25	9.25	8	7.457	56
1023	Nguyễn Trần Hà Vy	19/12/2009	11D3	Nữ	8.1	8.8		8.8	7.9	T	T	6.25	8	7.5	9.5	7	7.555	45
1024	Nguyễn Hải Yến	06/02/2009	11D3	Nữ	6.7	8.2		8.7	8.7	T	T	4.75	7.5	7.75	7.75	5.75	7.077	114
1025	Nguyễn Hải Yến	08/07/2009	11D3	Nữ	6.5	8.5		8.6	8.1	T	T	4	7.5	7.25	9.25	5.75	6.695	178
1026	Hoàng Minh Anh	20/11/2009	11D4	Nữ	6.8	7.3		8.2	5.5	K	T	5	7.75	4	8.25	5.75	5.958	268
1027	La Phương Anh	23/10/2009	11D4	Nữ	6.1	8.3		8	6.9	K	T	3.25	7.25	6.25	9.25	6.75	6.008	263
1028	Nguyễn Thị Kiều Anh	26/01/2009	11D4	Nữ	7.8	8		8.1	7.5	T	T	4.75	7.5	7.25	9.25	8	6.890	149
1029	Trần Đức Anh	07/09/2009	11D4	Nam	7.2	6.8		7.7	7.7	K	T	5.5	6	6	7.5	5.5	6.343	215
1030	Vũ Diệp Anh	15/09/2009	11D4	Nữ	7.4	7.7		8.1	7.1	K	T	5.25	7.25	6	9	8.5	6.577	195
1031	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22/02/2009	11D4	Nữ	5.5	6.7		7.6	6.5	K	T	2.75	6.5	4.75	7.75	6	5.227	320
1032	Hoàng Duy Cảnh	15/07/2009	11D4	Nam	6.7	7.1		7.9	5.4	K	T	4.25	6.75	4.25	7	6.75	5.558	304
1033	Nguyễn Bảo Châu	12/06/2009	11D4	Nữ	7	7.7		8.8	7.5	K	T	4.25	8.25	6.25	7.75	7.5	6.705	174
1034	Nguyễn Phương Chi	13/05/2009	11D4	Nữ	7.4	8.2		8	7.4	K	T	4.25	6.75	6.25	7.75	6.25	6.305	221
1035	Nguyễn Đình Dũng	26/01/2009	11D4	Nam	7.1	8.8		6.9	6.3	K	T	5.75	5	5.25	7.25	5.5	5.763	291
1036	Nguyễn Hoàng Dương	06/09/2009	11D4	Nam	7.2	9.1		8.2	6.3	K	T	4.6	7.75	5.25	9	7.5	6.277	226
1037	Nguyễn Thị Thùy Dương	18/06/2009	11D4	Nữ	7	8.3		8.4	7.6	T	T	4.5	8.5	7.5	9.25	7	7.083	112
1038	Bùi Tiến Đạt	06/04/2009	11D4	Nam	6.8	7.5		7.8	6.9	K	T	4.25	7.75	6.75	7.75	4.5	6.525	198
1039	Nguyễn Thành Đạt	16/08/2009	11D4	Nam	6.4	7.2		8	7.2	K	T	3	7.75	7	7.5	3.7	6.302	222
1040	Lê Trung Hiếu	23/07/2009	11D4	Nam	6.3	7.3		7.3	5.4	K	K	4.25	7	2.5	9.75	4.5	5.108	324
1041	Tô Thu Hoài	10/02/2009	11D4	Nữ	7	6.5		7.9	8	T	T	3.75	6.5	8.25	9.5	6.25	6.607	190
1042	Nguyễn Tiến Hoàng	13/11/2009	11D4	Nam	7.3	7.8		8.2	7.6	K	T	5.5	7.25	9.25	9.5	5.25	7.443	57
1043	Đàm Đình Hưng	03/02/2009	11D4	Nam	7.9	7.9		7.5	5.9	K	K	8	6.75	4.75	8.25	5	6.680	182
1044	Nguyễn Thùy Linh	25/01/2009	11D4	Nữ	7.4	7.8		7.6	6.5	K	T	5	6.75	5.5	9.5	6	6.175	238
1045	Nguyễn Diệu Ly	30/10/2009	11D4	Nữ	7.7	8.1		8.5	7.6	K	T	5	7.75	7.25	6.75	3.85	7.047	117
1046	Cao Bình Minh	18/02/2009	11D4	Nam	7.3	9.2		6.4	7.3	K	T	5.5	4	7	7	7	5.950	270

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1						Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1047	Cao Kiều My	14/05/2009	11D4	Nữ	7.4	7		8.6	7.5	K	T	5.75	8.5	6.5	5.25	5	7.192	91
1048	Ngô Thị Thảo My	19/07/2009	11D4	Nữ	6.2	8.1		7.6	7.1	K	T	3.75	7	6.75	6.75	5.5	6.173	239
1049	Nguyễn Bắc Nam	13/02/2009	11D4	Nam	7.1	6.9		6.8	5.8	K	T	5	5	4.75	6	3.6	5.412	314
1050	Vương Thị Ngân	20/10/2009	11D4	Nữ	8	8		8	6.3	K	T	6	7.5	3.5	9.25	6.75	6.197	234
1051	Nguyễn Ánh Ngọc	18/07/2009	11D4	Nữ	7.9	7.8		8.4	7.5	K	T	5.25	8.25	8	8.5	6	7.397	61
1052	Nguyễn Thị Ngọc	13/05/2009	11D4	Nữ	7.1	8.1		8.1	6.9	K	T	5.5	8	6.5	8.75	5.25	6.877	152
1053	Lê Thị Thảo Nguyên	07/01/2009	11D4	Nữ	6.8	7.7		8.1	7.6	K	T	4	8	7	9.25	6	6.683	180
1054	Ngô Khôi Nguyên	27/02/2009	11D4	Nam	6.9	6.7		7.3	6.3	K	K	5	6.5	5.5	5.5	5.5	6.017	260
1055	Nguyễn Bảo Nhi	14/08/2009	11D4	Nữ	7.9	9.3		8.7	7.7	T	T	7	7.5	7.5	9.25	8	7.563	41
1056	Trần Hoàng Yến Nhi	17/01/2009	11D4	Nữ	8.2	8.1		7.9	7.7	T	T	9	6.25	7.5	7	4	7.688	33
1057	Nguyễn Phi Nhung	13/10/2009	11D4	Nữ	6.9	7.5		8.2	6.1	K	T	6.25	8	3.5	6.25	4.6	6.262	227
1058	Nguyễn Văn Quang	01/06/2009	11D4	Nam	5.7	6.6		7	4.4	Đ	K	3.5	6	3.5	6.35	2.5	4.743	340
1059	Đồng Thị Quyên	03/08/2009	11D4	Nữ	7.4	6.7		8.5	7.4	K	T	4.6	8.25	6.75	8.25	7	6.903	148
1060	Nguyễn Đức Thái	07/01/2009	11D4	Nam	6.6	6.4		7.6	5	K	K	5.6	6.75	3.25	7.5	3.75	5.560	303
1061	Lương Như Thành	27/12/2009	11D4	Nam	6.6	7.3		7.1	4.8	Đ	K	4.75	6	2.75	7.75	4.75	5.000	331
1062	Vương Thị Thảo	03/04/2009	11D4	Nữ	7.4	8.3		8.3	7.2	K	T	4.5	8.25	8	7.25	9	7.132	106
1063	Hồ Tiên Thắng	11/01/2009	11D4	Nam	7.2	8		8.1	5.4	K	T	4.75	7	4	6.5	4	5.745	293
1064	Lưu Thị Quỳnh Trang	09/12/2009	11D4	Nữ	7.3	7.7		7.7	6.5	K	T	4.5	6.75	5.75	8	5.7	6.117	247
1065	Nguyễn Thị Hồng Trang	20/04/2009	11D4	Nữ	7.3	6.6		7.8	6.4	K	T	3.75	7.5	5.5	9	5.5	6.058	252
1066	Lưu Xuân Trường	06/05/2009	11D4	Nam	8.5	7.6		8.1	7.1	K	K	7.75	8	7.5	9	1.5	7.795	23
1067	Trịnh Xuân Trường	26/12/2009	11D4	Nam	7	7		7.8	4.9	Đ	T	7.25	7.75	3.25	4.5	3.75	6.228	229
1068	Nguyễn Khánh Vân	06/07/2009	11D4	Nữ	7.3	7.5		8.2	8.3	K	T	5	7.5	8	7.5	4.75	7.163	97
1069	Trần Thị Khánh Vân	08/09/2009	11D4	Nữ	6.3	7.7		8	6.7	K	T	3.5	7.25	5.25	7.5	6	5.833	286
1070	Nguyễn Quốc Việt	15/01/2009	11D4	Nam	6.4	5.7		6.4	6.3	Đ	T	4	5.75	6	7.25	2.25	5.585	302
1071	Nguyễn Đình Trường An	06/06/2009	11D5	Nam	6.3	8.2		8.1	6.2	K	T	4.25	7.5	5	6.75	6.5	5.968	267
1072	Nguyễn Văn An	04/08/2009	11D5	Nam	6.1	7.6		8.5	7.7	K	T	4.5	7.75	8	6	7.25	6.955	134
1073	Mai Quỳnh Anh	04/08/2009	11D5	Nữ	5.9	8.6		8.3	7.6	K	T	4.25	9	6.5	8.5	6.75	6.788	163
1074	Ngô Ngọc Hoài Anh	05/08/2009	11D5	Nữ	4.4	8.4		7.5	6.4	Đ	T	3	7.75	3.5	6.5	4.5	5.155	322
1075	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	19/06/2009	11D5	Nữ	7.5	8.3		8.4	8.2	T	T	5	8	7.5	9.25	6.75	7.193	90
1076	Trần Duy Biên	25/03/2009	11D5	Nam	5.3	8.5		7.3	6	Đ	T	3.6	6.5	3	5.75	3.25	4.917	335

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1077	Đầu Mai Chi	19/09/2009	11D5	Nữ	5	7.9		8.4	7	K	T	2.35	8.5	5.5	6	6	5.855	282
1078	Nguyễn Thành Công	19/12/2009	11D5	Nam	6.1	8.3		8	6.5	K	T	4.25	8	6.25	7	6.6	6.377	212
1079	Nguyễn Tiến Duy	07/06/2009	11D5	Nam	6.4	8.6		7.5	6.3	Đ	T	5	7.75	5.5	3.75	3.35	6.278	225
1080	Nguyễn Ánh Dương	19/11/2008	11D5	Nữ	5.4	8.5		8.4	8.6	K	T	2.75	8.25	7.75	9	8	6.615	188
1081	Ngô Trí Đức	07/12/2009	11D5	Nam	5.7	7.7		6.9	6.3	Đ	T	3.5	6.5	5.5	6.5	1.75	5.507	308
1082	Nguyễn Minh Đức	23/02/2009	11D5	Nam	5.8	8.2		6.7	7.4	K	T	3.5	5.5	5.75	7.5	6	5.432	312
1083	Nguyễn Thu Giang	21/02/2009	11D5	Nữ	6.8	9.1		7.4	7.2	K	T	6	7.25	5	9.75	5.25	6.398	210
1084	Nguyễn Khánh Hạ	27/01/2009	11D5	Nữ	5.8	8.3		8.2	6.4	K	T	4	7.25	4	8.75	5.6	5.598	301
1085	Khổng Thị Thanh Hải	15/11/2009	11D5	Nữ	6.2	8.7		9.2	7	K	T	4.5	8.5	5.75	9.5	4.25	6.615	188
1086	Trương Gia Hân	15/05/2009	11D5	Nữ	5	8.4		8.5	8.7	K	T	3	7.5	8.75	9.75	5.35	6.712	171
1087	Nguyễn Trung Hiếu	12/12/2009	11D5	Nam	5.7	8.4		8.4	6	K	T	5	7	5.25	9	6.25	6.035	255
1088	Ngô Nguyệt Hoa	22/11/2009	11D5	Nữ	6.8	8.9		8.6	8.4	T	T	5.6	8.75	6.75	9.25	7.5	7.303	73
1089	Ngô Trí Huy	28/02/2009	11D5	Nam	7.9	9.1		8.1	5.9	K	T	6.75	7	4.75	8.75	5.75	6.507	199
1090	Lưu Mạnh Hưng	24/03/2009	11D5	Nam	6.6	7.9		8.3	6.7	Đ	T	7.75	7.5	5	6	3.6	6.885	150
1091	Phan Hoàng Khôi	09/03/2009	11D5	Nam	6.2	8.4		8.2	7.6	K	T	4.5	7.75	6	4	6	6.458	207
1092	Đỗ Khánh Linh	28/01/2009	11D5	Nữ	5.2	8.5		7.3	6.2	K	T	4	7.75	4.5	4.5	3.35	5.662	298
1093	Nguyễn Hải Linh	18/10/2009	11D5	Nữ	8.1	8.2		7.7	7.8	K	T	6	7.25	6.25	9	5.85	6.910	145
1094	Nguyễn Thảo Linh	05/09/2009	11D5	Nữ	6	8		8.5	6.9	K	T	4.5	7.25	6.25	6.75	6.35	6.340	216
1095	Hoàng Đặng Nhật Minh	20/08/2009	11D5	Nam	7.2	8.6		9	8	T	T	6.5	8	8.25	9	6	7.728	29
1096	Đỗ Hoàng Nam	12/08/2009	11D5	Nam	6.9	8.5		8.5	6.2	K	T	5.5	8.25	5.75	7	6.5	6.710	173
1097	Nguyễn Nhật Nam	05/06/2009	11D5	Nam	5.2	8.1		7.9	5.9	K	T	3.35	8.25	5.25	4.5	3.5	5.832	287
1098	Nguyễn Phương Nam	04/12/2009	11D5	Nam	6.5	8.2		8.6	7	K	T	3.75	8	5	6.25	3.85	6.118	246
1099	Nguyễn Văn Nam	11/03/2009	11D5	Nam	6.7	8.9		9.1	8	T	T	4.5	8.25	5.75	8.75	7	6.697	177
1100	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	12/12/2009	11D5	Nữ	5.9	8.3		8.7	7.3	K	T	6	8.25	6.25	7.5	4.2	6.973	131
1101	Phạm Trần Khánh Nhi	30/12/2009	11D5	Nữ	6.3	8.5		8.4	7.9	K	T	5.75	8.25	5.75	8.75	6.5	6.868	154
1102	Đào Thị Phụng	14/09/2009	11D5	Nữ	6.7	8.3		8.8	7.9	K	T	6	8.5	6.75	9	6	7.298	77
1103	Tổng Bảo Quyền	29/05/2009	11D5	Nữ	6.6	8.4		8.4	7.7	Đ	T	6	7.75	6.25	7	3.6	6.937	137
1104	Ngô Văn Quyền	21/03/2009	11D5	Nam	8.6	7.8		8.5	7	K	T	6	7.75	6	5.25	5.5	7.018	120
1105	Tạ Công Thành	15/03/2009	11D5	Nam	6.2	8		7.2	6	Đ	T	4.6	7	5.25	3	4.75	5.872	278
1106	Trịnh Phương Thảo	28/05/2009	11D5	Nữ	5.6	8.7		7.3	6.5	K	T	3.75	7.75	3.75	5.5	4.75	5.498	309

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1107	Nguyễn Công Thắng	26/02/2009	11D5	Nam	6.3	8.3		7.5	5.3	K	T	3.75	7.75	5	4	2.5	5.760	292
1108	Nguyễn Thị Phương Thi	24/05/2009	11D5	Nữ	6.5	8.8		8.8	7.1	K	T	2.85	8	5	7.5	5.5	5.938	271
1109	Đỗ Xuân Thủy	05/12/2009	11D5	Nam	5	7		7	5.2	Đ	T	4	7	3.25	4.25	2.1	5.045	327
1110	Nguyễn Thị Anh Thư	30/06/2009	11D5	Nữ	5.7	8.9		8.7	8.7	K	T	4.5	7.75	7.25	9.5	7	6.860	155
1111	Nguyễn Phương Tiến	29/11/2009	11D5	Nam	5.9	8.2		8.6	7.1	K	T	4	8	4.25	7.5	5.6	5.952	269
1112	Vũ Ngọc Tùng	18/10/2009	11D5	Nam	7.4	8.2		8.2	6.5	K	T	7	8.5	5.5	5.75	4.25	7.110	109
1113	Nguyễn Khánh Vân	20/01/2009	11D5	Nữ	6.6	8.5		8.4	6.8	K	T	5.35	8.25	6.75	8.5	4.6	6.928	141
1114	Trần Huệ Trinh	15/09/2009	11D5	Nữ	6.1	7.5		6.9	7.1	Đ	T	4	5.25	6.25	8.75	3.25	5.627	300
1115	Nguyễn Minh Ánh	05/11/2009	11D6	Nữ	6.7		7.2	8.2	7.2	K	T	5	7	5.5	7.75	6.5	6.293	223
1116	Nguyễn Gia Bảo	12/03/2009	11D6	Nam	5.2		5.8	6.8	7.3	Đ	T	4	7	5.75	5	4.1	5.838	285
1117	Hứa Thị Minh Châu	17/10/2009	11D6	Nữ	5.9		7.2	8.4	6.9	K	T	5.25	8.25	6.75	7.5	5.5	6.845	157
1118	Nguyễn Thế Cường	07/12/2009	11D6	Nam	3.2		5.2	5.7	5.9	CĐ	Đ	3.5	6	3.25	1.85	2.5	4.455	345
1119	Đỗ Thị Ngọc Diệp	30/04/2009	11D6	Nữ	6.1		7.9	7.9	6.9	K	T	5	7.5	5	9	6.6	6.173	239
1120	Nguyễn Hải Đăng	08/05/2009	11D6	Nam	5.7		7.3	8.5	8.7	K	T	4	8.25	8	8	5.75	7.015	121
1121	Nguyễn Hải Đăng	28/06/2009	11D6	Nam	3.3		6.1	7.6	4.4	CĐ	T	1.1	6.75	2.75	6.6	2.5	4.003	349
1122	Nguyễn Hồng Giang	20/10/2009	11D6	Nữ	3.7		5.9	7.9	3.7	Đ	T	2.5	7.25	2.25	7.75	4	4.330	348
1123	Nguyễn Thị Giang	06/08/2009	11D6	Nữ	4.3		7.3	8.4	7.2	Đ	T	2.5	7.75	7	7.5	5.1	6.015	262
1124	Đỗ Thu Hà	19/02/2009	11D6	Nữ	6.3		7.6	7.7	7	K	T	4.25	6.25	6.75	8.75	7	6.125	244
1125	Lê Thị Thu Hà	08/12/2009	11D6	Nữ	4.6		5.8	7.1	7	Đ	T	4	6	5	8.75	4.25	5.370	315
1126	Nguyễn Kim Huệ	11/09/2009	11D6	Nữ	6.4		7	8.2	7.6	K	T	5.75	8	6.5	8.75	6	6.945	136
1127	Nguyễn Văn Hùng	19/03/2009	11D6	Nam	7.3		6.3	6.8	5.9	Đ	T	8	6.5	4.75	7.25	3	6.492	201
1128	Lê Thị Thanh Huyền	20/01/2009	11D6	Nữ	6		6.1	8.3	6.7	K	T	5.75	7.75	5.75	3.75	5.5	6.592	193
1129	Nguyễn Thị Thu Huyền	11/12/2009	11D6	Nữ	6.9		6.3	8	6.8	K	T	5	8.25	6.25	9.25	8.75	6.720	169
1130	Đàm Quang Hưng	30/08/2009	11D6	Nam	6.4		6.5	7.6	5.2	K	K	7	7.75	3.25	7.75	5	6.120	245
1131	Đỗ Ngọc Khánh	14/09/2009	11D6	Nam	6.4		7.4	7.5	7.2	K	T	5.5	6.75	5.25	8	5.75	6.193	236
1132	Nguyễn Gia Khánh	14/10/2009	11D6	Nam	4		5.6	7.3	5.2	Đ	T	5	7.5	3.75	5	3.75	5.442	311
1133	Nguyễn Kim Khánh	23/09/2009	11D6	Nam	6.2		7.4	7.8	6.2	K	K	4.75	7.5	4.25	7.75	4.5	5.870	279
1134	Nguyễn Văn Khánh	19/10/2009	11D6	Nam	6.3		9	8.1	7.7	K	T	5	7.25	7	9.5	7.75	6.702	175
1135	Hoàng Ngọc Lan	24/02/2009	11D6	Nữ	6		5.4	7.7	5.6	Đ	K	4.25	7.75	4.5	7	6	5.780	290
1136	Nguyễn Thị Hương Lan	22/12/2009	11D6	Nữ	5.1		6.8	8.3	7.3	K	T	5	7.5	5.75	7	6	6.328	217

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1137	Lê Khánh Linh	10/09/2008	11D6	Nữ	4.4		5.7	7.7	6.2	Đ	K	3	6.25	5.5	8	5.25	5.272	317
1138	Nguyễn Khánh Linh	23/06/2009	11D6	Nữ	6.5		7.3	8.4	6.8	K	T	5.5	7	6	9	6	6.487	202
1139	Nguyễn Phương Linh	23/02/2009	11D6	Nữ	5.4		7.3	8.3	7.2	K	T	4.5	8	6.25	9	4.75	6.465	205
1140	Đàm Thị Khánh Ly	02/06/2009	11D6	Nữ	7.1		8.6	8.1	8.3	T	T	4.5	7	7.75	9	9	6.842	158
1141	Nguyễn Ngọc Trà My	19/02/2009	11D6	Nữ	5		6.7	8.1	7.7	K	Đ	4.25	8	7	9	4.85	6.572	196
1142	Nguyễn Thị Nga	23/10/2009	11D6	Nữ	7.4		7.3	8.7	7.3	K	T	5.5	8.75	7	8.25	6	7.298	76
1143	Phạm Quỳnh Nga	05/10/2009	11D6	Nữ	5.5		7	7.6	7.2	K	T	4.5	7	5.25	4.75	6.35	5.938	271
1144	Dương Yến Ngọc	08/09/2009	11D6	Nữ	5.5		5.9	8.1	7.2	Đ	T	4.25	8.5	5.25	4	5.5	6.280	224
1145	Ngô Thị Như Ngọc	27/10/2009	11D6	Nữ	5.2		6.2	7.9	6.1	Đ	K	3.5	7.5	4	7.5	5.75	5.420	313
1146	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	16/03/2009	11D6	Nữ	5.7		7.1	8.3	7.1	K	T	5.5	7.75	6	8.75	5.5	6.602	191
1147	Phạm Thị Như Quỳnh	08/07/2009	11D6	Nữ	6.4		6	8.2	7.7	K	T	5.5	8	7.75	8.5	6.6	7.188	92
1148	Nguyễn Minh Sáng	07/03/2009	11D6	Nam	7.4		8.7	8.6	8	T	T	5.75	7.75	7.75	9.5	8.25	7.358	65
1149	Dương Thị Thủy	07/06/2009	11D6	Nữ	5.8		7.5	7.8	6.4	K	T	4.75	7.5	5	7.5	4.75	6.025	258
1150	Ngô Thị Thúy	05/11/2009	11D6	Nữ	6.7		7.6	8.2	7.8	K	T	4.5	8	7.25	9.25	7	6.878	151
1151	Lê Trọng Thường	13/04/2009	11D6	Nam	6.8		7.8	7.7	7.4	K	T	5.75	6.75	6.75	8.5	6.1	6.682	181
1152	Ngô Huyền Trang	01/06/2009	11D6	Nữ	6.9		7.9	8.5	7.4	K	T	4.5	8.5	7.25	9	8.25	7.005	122
1153	Phạm Thiên Trang	11/03/2009	11D6	Nữ	6.5		7.9	8.2	7.5	K	T	4.25	7	7.5	8.25	5.5	6.595	192
1154	Trịnh Bảo Trâm	14/03/2009	11D6	Nữ	5		7	7.7	7.6	K	T	4.1	6.75	7	7.5	6.35	6.195	235
1155	Nguyễn Ánh Tuyết	12/03/2009	11D6	Nữ	5.5		5.8	7.7	4.4	Đ	T	6.25	7.75	2	7	5.75	5.493	310
1156	Đồng Thế Vinh	30/10/2009	11D6	Nam	6.4		7.3	7.9	7.4	Đ	T	4.75	7.25	7.25	9	7.5	6.662	183
1157	Đinh Trường An	02/02/2009	11D7	Nam	6.3		6.2	6.3	5.7	Đ	K	4.75	5	4	5	6	5.038	328
1158	Hoàng Quỳnh Anh	13/04/2009	11D7	Nữ	6.4		6.3	8.2	7.3	K	T	5.5	7.5	7.5	9.5	6.5	6.973	131
1159	Nguyễn Hương Anh	20/07/2009	11D7	Nữ	5.4		7.6	8.5	6.8	K	T	3.25	7.75	6.75	6.25	6.85	6.212	231
1160	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	04/09/2009	11D7	Nữ	6.3		8.1	7.1	7.3	K	T	5	6	7.25	9	8.25	6.328	217
1161	Đinh Quang Bằng	16/06/2009	11D7	Nam	4.3		6.8	7.7	4.3	Đ	T	2	7	2.75	6	6.85	4.372	347
1162	La Thị Dịu	08/04/2009	11D7	Nữ	7.4		7.7	8.4	7.4	K	T	6	8	7.25	9	4.5	7.278	80
1163	Ngô Minh Đức	05/09/2009	11D7	Nam	5.1		7.2	6	4.9	Đ	T	4	5.25	5	6.5	6.5	4.925	333
1164	Nguyễn Thị Hạnh	19/12/2009	11D7	Nữ	6.9		7	7.9	7.3	K	T	5.25	7.25	7.75	9.75	5.35	6.935	138
1165	Trần Thị Kim Hiền	15/03/2009	11D7	Nữ	6.7		7.8	8	6.2	K	T	4.85	7.25	5.25	9	6	6.138	243
1166	Trần Minh Hiếu	04/09/2009	11D7	Nam	5.5		6.1	6.5	6.2	K	T	3.5	5.25	4.5	4.5	5.75	4.912	336

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1167	Nguyễn Phương Hoa	11/09/2009	11D7	Nữ	7.4		8	8.7	7.2	T	T	5.5	8	6.5	8.5	6.5	6.997	124
1168	Ngô Gia Huy	19/03/2009	11D7	Nam	4.8		5.5	6.5	5.6	Đ	T	4.5	6.5	3.25	2.25	3.85	5.015	330
1169	Trần Nguyễn Gia Khoa	01/02/2009	11D7	Nam	5.2		6.9	6.3	4.3	Đ	K	4.25	6.5	2.25	8.5	5.25	4.613	344
1170	Bùi Anh Kiệt	21/12/2009	11D7	Nam	5.5		7.2	8.2	8	K	T	3.5	8	8	8.75	6.5	6.720	169
1171	Nguyễn Hà Linh	27/01/2009	11D7	Nữ	5		5.8	7.7	5.5	K	T	3.75	6.5	3.5	8.25	5.25	5.028	329
1172	Nguyễn Thế Long	16/01/2009	11D7	Nam	6.5		6.4	7.4	7.8	K	T	5.5	6.75	7.75	7	6.75	6.837	160
1173	Nguyễn Thị Lệ Luyến	02/03/2009	11D7	Nữ	6.1		6.4	7.6	6.8	K	T	5	7.75	6.5	7.25	5.75	6.542	197
1174	Nguyễn Diệu Ly	22/08/2009	11D7	Nữ	6.5		6.9	8.2	6.2	K	T	5.35	7.75	5.25	6.5	4.75	6.372	213
1175	Trịnh Thị Quỳnh Ngân	27/03/2009	11D7	Nữ	5.9		7.2	8.3	6.5	K	T	4.25	8.25	5.75	8.75	7.75	6.328	217
1176	Phạm Minh Ngọc	11/01/2009	11D7	Nữ	5.8		6.1	7.7	6.6	K	T	3.5	7.75	6	6.25	5.1	6.035	255
1177	Lương Duy Ninh	29/01/2009	11D7	Nam	6.6		5.9	6.9	5.5	K	T	5	6	4.5	6.75	5.25	5.517	306
1178	Nguyễn Hoài Phương	28/07/2009	11D7	Nữ	6.4		6.6	8.6	6.8	K	T	5.75	8.5	6.25	9	6.85	6.963	133
1179	Nguyễn Thị Như Quỳnh	23/03/2009	11D7	Nữ	5.1		6.1	7	5.3	Đ	T	4	7	3.5	7.5	4.5	5.123	323
1180	Tạ Tú Quỳnh	27/10/2009	11D7	Nữ	4.9		8.1	7.7	6.6	Đ	T	3	7.75	5.5	3.25	5	5.712	294
1181	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/11/2008	11D7	Nữ	4.5		6	6.9	5.6	Đ	K	4.35	6.25	4	3.25	4	5.107	325
1182	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/01/2009	11D7	Nữ	6.7		6.5	8.5	6.8	T	T	5.75	8.75	6.75	7.75	7.75	7.158	99
1183	Nguyễn Ngọc Thiện	16/10/2009	11D7	Nam	6.2		8.1	6.9	6.6	K	K	4.5	6.5	7	7.5	8.75	6.170	241
1184	Lê Thị Hoài Thương	08/08/2009	11D7	Nữ	8		8.3	8.5	6.9	T	T	6.25	7.75	5	7.5	6.85	6.773	165
1185	Nguyễn Văn Tiến	07/01/2009	11D7	Nam	6.9		6.8	7.6	6.5	K	T	4.5	7.5	5.5	3.85	7	6.183	237
1186	Nguyễn Thu Trà	25/07/2009	11D7	Nữ	6.3		6.5	7.2	7.2	K	T	4.5	5.5	7	7.75	7	6.037	254
1187	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/09/2009	11D7	Nữ	5.9		6.6	8.2	6.4	K	T	4.25	6.5	5.5	8	5.5	5.842	284
1188	Nguyễn Thu Trang	03/08/2009	11D7	Nữ	6.7		7.6	8.2	7.3	K	T	5	7.75	6.75	7.35	5.5	6.770	166
1189	Trần Thị Quỳnh Trang	28/07/2009	11D7	Nữ	5.9		6.9	8.2	5.9	K	T	4.25	7.25	5	8.75	6	5.850	283
1190	Nguyễn Xuân Trường	23/09/2009	11D7	Nam	7.5		7.4	8.2	6.7	K	T	6.5	7.25	7.5	7	7.5	7.198	89
1191	Cao Anh Tú	18/09/2009	11D7	Nam	7.8		7.9	7.9	7.1	K	T	8	7	7.75	7.5	6.75	7.588	40
1192	Phạm Ngọc Tú	11/10/2009	11D7	Nam	7.3		7.9	8	7.5	T	K	6	8	6.75	9.25	9.25	7.122	108
1193	Lê Hà Vi	17/09/2009	11D7	Nữ	6.1		7.1	8.1	6.3	K	T	3.5	8	5.5	8.25	7.25	6.017	260
1194	Nguyễn Khánh Vi	22/01/2009	11D7	Nữ	7.5		7.9	7.3	6.6	K	T	6.25	6.25	6.75	9.25	9.25	6.632	186
1195	Đỗ Công Vinh	09/08/2009	11D7	Nam	6.6		7.1	7.7	6.4	K	T	4.75	7	6.5	9	6	6.328	217
1196	Nguyễn Phương Vy	07/02/2009	11D7	Nữ	6.5		8.4	7.4	6.8	K	T	5.5	7.5	6.5	9	6.75	6.620	187

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1197	Hoàng Thị Hải Yến	25/02/2009	11D7	Nữ	6.6		7.4	8	6.5	K	T	4.85	7.75	4.75	8	7.5	6.158	242
1198	Đàm Mai Anh	31/10/2009	11D8	Nữ	5.1		6.5	7.6	6.3	K	T	2.85	6.75	4.75	7.25	3.6	5.248	319
1199	Nguyễn Mai Anh	23/10/2009	11D8	Nữ	6.3		6.4	6.8	6.4	Đ	T	5	4	3.75	6.75	4	4.925	333
1200	Nguyễn Ngọc Anh	17/04/2009	11D8	Nữ	5.2		6.6	6.7	6	K	T	4.5	5	3.75	7	6.35	4.882	337
1201	Phạm Ngọc Anh	29/11/2009	11D8	Nữ	7		8.7	8.3	7.2	T	T	4.75	7.5	5.75	9	8.5	6.450	208
1202	Nguyễn Lê Bảo Châm	20/12/2009	11D8	Nữ	6.2		7.9	8.3	6.1	K	T	4	7.75	5.25	7	5.5	6.027	257
1203	Nguyễn Bảo Châu	25/02/2009	11D8	Nữ	6.4		6.7	7.7	6	K	T	5.25	7.75	3.75	7.25	5	5.918	275
1204	Phạm Vân Chi	09/06/2009	11D8	Nữ	7		7.4	7.7	8	K	T	5.6	7.5	7.25	8.25	5	7.018	119
1205	Trần Nguyễn Thành Công	25/12/2009	11D8	Nam	5.4		5.5	6.7	5.3	Đ	T	4.25	5	4	5.5	5.5	4.832	338
1206	Bùi Văn Đạt	14/09/2009	11D8	Nam	5.6		6.3	7.4	5.2	Đ	T	2.35	7	3	5.5	3.75	4.702	342
1207	Nguyễn Duy Hiếu	19/11/2009	11D8	Nam	7.5		6.2	7.9	7.9	K	T	5.5	6.25	8.25	8.75	6.75	6.997	124
1208	Phan Thanh Huyền	04/06/2009	11D8	Nữ	5.9		7.6	7.9	5.3	K	T	2.5	7.25	3.25	6.25	2.5	4.943	332
1209	Trần Thanh Huyền	10/06/2009	11D8	Nữ	6.6		6.2	7.8	5.5	K	T	4.5	6.75	4.5	7.5	6.25	5.665	297
1210	Vũ Quỳnh Hương	04/06/2009	11D8	Nữ	6.8		7	7.8	6.5	K	T	5.5	7	4.5	8	3.75	6.077	250
1211	Nguyễn Thị Lan	13/05/2009	11D8	Nữ	6.6		7.7	8	6.3	K	T	3.85	7	4.5	8.75	3.1	5.672	296
1212	Hoàng Gia Linh	18/12/2009	11D8	Nam	6.3		7.7	7.9	6.9	K	T	3.1	6	7	9.25	7.25	5.867	280
1213	Hoàng Bảo Minh	11/03/2009	11D8	Nam	8.7		8.6	7.5	8	T	T	9	6.75	7.75	8	5.25	7.903	14
1214	Nguyễn Phương Nam	18/03/2008	11D8	Nam	4.9		7	7.8	5	Đ	T	4.75	8	2.25	5	2.35	5.270	318
1215	Hoàng Phi	26/03/2009	11D8	Nam	7.4		8.5	7.6	6.8	K	T	5	6	6.25	7.75	7.25	6.205	232
1216	Vũ Văn Phi	18/07/2009	11D8	Nam	6.4		7.7	7.4	6.5	K	T	4.5	6.75	5.5	6.75	3.5	5.938	271
1217	Hà Minh Phương	02/09/2009	11D8	Nữ	8.2		7.8	8.5	7.3	T	T	5.75	7.75	6.75	8.5	6	7.125	107
1218	Nguyễn Lê Quang	11/07/2009	11D8	Nam	4.7		6	7.3	4.2	Đ	T	4.25	7	2.5	6.75	3.85	4.828	339
1219	Bùi Thị Thảo	28/04/2009	11D8	Nữ	7.4		7.6	8.6	6.6	K	T	5.25	8.75	6	8.5	5.5	6.927	142
1220	Nguyễn Thanh Thảo	01/10/2009	11D8	Nữ	6.5		7.4	7.7	6.2	K	T	4.25	7.75	5	7	5.2	6.007	265
1221	Lê Hồng Thắm	19/11/2009	11D8	Nữ	8.2		8.8	9	7.9	T	T	6	8.25	7.25	9.25	7.25	7.527	50
1222	Trần Thị Hồng Thắm	11/07/2009	11D8	Nữ	5.4		6.5	6.4	5.6	Đ	T	4.1	4.5	2.75	6	3	4.388	346
1223	Lê Anh Thơ	27/05/2009	11D8	Nữ	4.8		5.2	7.7	5.6	Đ	T	2.5	6	3.75	4	1.45	4.668	343
1224	Nguyễn Phương Thùy	05/04/2009	11D8	Nữ	8.2		6.8	7.6	7.4	T	T	5.5	6	7.5	8.75	8.5	6.753	167
1225	Nguyễn Lê Duy Tiến	05/12/2009	11D8	Nam	7.1		7.2	7.9	6.4	K	T	3.95	7.5	5	7.25	4.5	5.978	266
1226	Lưu Thị Huyền Trang	24/09/2009	11D8	Nữ	7.1		6.5	7.7	6.6	K	T	4.25	5.75	7	9	5.5	6.107	248

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1227	Nguyễn Bảo Trang	16/02/2009	11D8	Nữ	6.6		7.6	6.8	8	K	T	3.25	4.5	8	8.75	8.25	5.815	289
1228	Nguyễn Minh Trang	04/02/2009	11D8	Nữ	4.8		6	7.3	6.4	Đ	T	2.75	7	4	6.75	5.75	5.058	326
1229	Phan Thanh Trung	18/09/2009	11D8	Nam	7.7		8.2	8.5	7.3	T	T	6.5	7.5	8	7.5	6.5	7.483	53
1230	Nguyễn Thị Ngọc Tú	03/12/2009	11D8	Nữ	7		6.6	9.1	7.9	K	T	7	8.25	8	8	3	7.825	20
1231	Lương Như Tường	20/02/2009	11D8	Nam	7.2		6.1	7.2	4.6	Đ	T	7.25	6.75	1.5	2.5	2.25	5.517	306
1232	Tạ Hồng Văn	07/10/2009	11D8	Nam	8.4		7.9	8.2	6.5	K	T	7.75	7.5	4.75	7.5	6.25	6.977	130
1233	Đỗ Quốc Việt	11/01/2009	11D8	Nam	5.8		7.5	6.8	5.3	K	T	3.35	5.25	4	8.5	6.25	4.730	341
1234	Lê Nguyễn Khánh Vy	10/04/2009	11D8	Nữ	6.1		6.5	7.9	7	K	T	3	6.5	5.25	8.25	6.75	5.542	305
1235	Nguyễn Hà Vy	11/07/2009	11D8	Nữ	6.9		7.1	7.9	7.8	K	T	4.85	7	7.5	5.5	5.25	6.775	164
1236	Trần Thị Khánh Vy	12/02/2009	11D8	Nữ	7.1		6.8	7.7	7	K	T	4	6.25	7	8.25	6.75	6.205	232
1237	Vũ Thị Yến	28/03/2009	11D8	Nữ	4.7		5.9	8.1	5.9	Đ	T	3.25	6.5	4.5	7	6	5.195	321
1238	Đoàn Trung An	12/08/2008	12A1	Nam	9.3	9.2	9.4	7.7	7.9	T	T	9.5	7	7.5	9.25	9.25	9.323	27
1239	Nguyễn Đức Hoàng Anh	07/01/2008	12A1	Nam	9.5	9.7	9.3	7.9	8.8	T	T	9.5	7.75	7.5	9.25	9	9.325	26
1240	Nguyễn Ngọc Mai Anh	12/01/2008	12A1	Nữ	9.8	9.7	9.4	8.7	9.8	T	T	9.5	8	9.5	9.25	9.5	9.482	9
1241	Nguyễn Phương Anh	26/01/2008	12A1	Nữ	8.4	9.2	9.9	8.2	8	T	T	7.25	8.25	7.75	8.75	9.75	8.758	67
1242	Nguyễn Xuân Anh	05/10/2008	12A1	Nam	9.7	9.8	9.4	7.7	8.4	T	T	9.5	7.5	7.25	9.75	9	9.482	9
1243	Nguyễn Ngọc Bích	03/12/2008	12A1	Nữ	9.3	9.8	10	7.7	8.8	T	T	8	7	8	9.5	10	9.327	25
1244	Nguyễn Khánh Chi	08/05/2008	12A1	Nữ	8.8	9.8	9.6	8.1	8.4	T	T	8	7.5	7.75	9.75	9.75	9.237	32
1245	Nguyễn Khánh Chi	12/09/2008	12A1	Nữ	8.7	9.3	8.2	8.2	8.7	T	T	7.5	7.75	8	9	6.75	8.045	112
1246	Trần Thị Quỳnh Chi	21/07/2008	12A1	Nữ	9.7	10	10	8	9.6	T	T	9	7.75	9.5	10	10	9.737	3
1247	Trần Thùy Dương	04/01/2008	12A1	Nữ	9.1	8.6	9.2	7.9	8.8	T	T	7.5	7.5	9	7.75	8.75	8.290	92
1248	Vũ Đăng Dương	19/05/2008	12A1	Nam	9.5	9.8	9.6	7.8	8.2	T	T	8.5	8.5	7.25	9.5	9.5	9.307	28
1249	Nguyễn Tiến Đạt	30/11/2008	12A1	Nam	9.4	9.9	9.5	8.3	9.9	T	T	9.5	8.5	10	9.75	9	9.472	11
1250	Phạm Thành Đạt	11/01/2008	12A1	Nam	9.3	9.8	9.7	7.2	8.7	T	T	8	7.5	9	9.75	9.75	9.297	31
1251	Việt Tiến Đức	17/03/2008	12A1	Nam	9.1	9.7	9.1	7.9	8.8	T	T	8.5	6.5	8	9.75	9	9.148	42
1252	Nguyễn Hương Giang	02/03/2008	12A1	Nữ	8.2	9.2	8.1	8.1	8.8	T	T	6.25	8	7.75	9	6.25	7.567	142
1253	Ngô Thị Hạnh	28/10/2008	12A1	Nữ	9.8	9.4	9.7	7.8	8.3	T	T	9.5	7.75	7.5	8.75	9.5	9.365	22
1254	Ngô Việt Hùng	18/05/2008	12A1	Nam	9.2	9.9	9.6	8.1	8.3	T	T	8	8	8.5	10	9.75	9.345	23
1255	Nguyễn Quốc Hùng	03/04/2008	12A1	Nam	9.7	10	9.4	8.1	8.9	T	T	9	7.75	8.5	10	9.5	9.560	7
1256	Nguyễn Tuấn Hùng	11/03/2008	12A1	Nam	9.1	9.6	8.9	6.9	8.1	T	T	8.5	6	6.5	9.75	8.5	9.002	58

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1						Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1257	Lê Thanh Hương	13/10/2008	12A1	Nữ	8.4	7.9	8.1	7.9	9.8	T	T	6.5	7.75	10	7.5	6.1	7.130	171
1258	Chu Quang Khoa	24/06/2008	12A1	Nam	8.6	9.6	6.5	7.8	9.4	T	T	7.5	7.5	9.75	10	3.75	7.428	152
1259	Hà Đăng Khoa	20/08/2008	12A1	Nam	9	9.9	8.1	8.4	9.3	T	T	7.25	8	9.25	10	6.25	8.183	99
1260	Lê Hà Linh	19/07/2008	12A1	Nữ	9.5	9.9	10	7.8	9.2	T	T	8.5	7.5	8.75	10	10	9.590	6
1261	Trần Phương Linh	26/05/2008	12A1	Nữ	9.8	9.9	9.9	8.7	8.2	T	T	9.5	8.25	7	9.75	10	9.785	2
1262	Trịnh Phương Linh	19/02/2008	12A1	Nữ	9.3	9.8	8.8	7.9	9.4	T	T	9	8	9.25	9.75	7.5	8.915	61
1263	Nguyễn Thị Cẩm Ly	19/11/2008	12A1	Nữ	9.8	9.6	10	7.8	9.7	T	T	9.5	7.5	9.5	9.25	10	9.648	5
1264	Nguyễn Thị Ngọc Mai	06/05/2008	12A1	Nữ	9.3	9.9	9.3	8.1	9.4	T	T	8.5	7	9.25	10	8.5	9.150	41
1265	Nguyễn Anh Mỹ	10/07/2008	12A1	Nữ	9.3	9.6	8.3	7.4	9.7	T	T	9	7	9.75	10	8.75	9.195	39
1266	Lương Minh Ngọc	10/04/2008	12A1	Nữ	9.2	9.3	8.6	7.9	8.6	T	T	7.75	7.5	8.5	9.25	8.25	8.602	75
1267	Lê Ánh Nguyệt	15/08/2008	12A1	Nữ	9.3	10	10	7.9	8.8	T	T	7.75	7.5	8.25	10	10	9.405	18
1268	Dương Anh Nhật	24/06/2008	12A1	Nam	9	9.5	9.9	7.4	8.1	T	T	8.5	6.25	8.5	9.75	10	9.432	17
1269	Hoàng Thị Minh Phương	18/12/2008	12A1	Nữ	7.5	8.7	8.9	8.1	7.7	T	T	5.25	7	8	7.5	8.75	7.527	143
1270	Trần Hải Quỳnh	18/03/2008	12A1	Nữ	8.7	9.7	9.6	8.4	8.7	T	T	7.5	8.5	8.5	9.75	9.5	9.042	51
1271	Nguyễn Hồng Thái	27/02/2008	12A1	Nam	8.9	9.7	9.1	7.3	9	T	T	7.25	6.5	8.5	10	8.5	8.778	66
1272	Lương Minh Thảo	30/04/2008	12A1	Nữ	9.8	9.9	10	8.4	9.5	T	T	9.5	8	9.25	9.75	10	9.795	1
1273	Nguyễn Ngọc Thiện	18/09/2008	12A1	Nam	9.2	9.5	9	7.9	8.7	T	T	8	7.25	8.5	9.5	9.25	9.012	55
1274	Vũ Minh Thông	19/10/2008	12A1	Nam	9.2	9.5	9.6	8.2	8	T	T	8.25	7.5	7	9.5	9	9.072	49
1275	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	28/03/2008	12A1	Nữ	9.4	9.6	9.6	8.2	8.4	T	T	9	8.5	8.25	10	9.25	9.452	15
1276	Nguyễn Quốc Triệu	10/03/2008	12A1	Nam	8.4	9.3	8.1	8.1	9.2	T	T	7	8.5	8.75	9.5	7	8.063	111
1277	Nguyễn Xuân Trường	29/02/2008	12A1	Nam	8.9	9.3	8	8.3	8.5	T	T	8	8.75	8.5	9	6.85	8.185	98
1278	Phùng Thanh Tú	05/04/2008	12A1	Nữ	9.1	9.3	9.8	8.4	8.4	T	T	8.5	8.5	7.75	9.25	9.75	9.237	32
1279	Vương Xuân Tuấn	30/04/2008	12A1	Nam	9.6	10	9.8	7.7	8.8	T	T	9	7.5	8.5	10	10	9.707	4
1280	Nguyễn Minh Tuệ	16/05/2008	12A1	Nam	9.3	9.9	9.8	7.4	8.9	T	T	8	6.75	8.5	10	10	9.433	16
1281	Lương Như Viễn	28/02/2008	12A1	Nam	9	9.8	9.6	7.7	9	T	T	8	6.75	9.5	10	10	9.373	20
1282	Nguyễn Thế Vinh	27/02/2008	12A1	Nam	9.7	9.5	9.6	8.2	10	T	T	9.5	7.25	10	9	9.75	9.472	11
1283	Nguyễn Yến Vy	05/08/2008	12A1	Nữ	9	9.6	10	8	8.8	T	T	8	7.25	9	9.25	10	9.218	35
1284	Cao Hoàng Anh	18/01/2008	12A2	Nam	9.1	8.6	8.9	7.4	7.3	T	T	9	7	7	9.25	9.5	9.135	43
1285	Lê Ngọc Anh	19/06/2008	12A2	Nữ	9.1	9	9.6	8.2	9.8	T	T	7.75	7.25	9.75	9.25	9.75	9.012	55
1286	Nguyễn Duy Khải Anh	15/11/2008	12A2	Nam	9.5	9.3	9.5	7.3	6.6	T	T	9	6	6.75	9.25	9.5	9.305	29

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1287	Nguyễn Hữu Gia Bảo	16/08/2008	12A2	Nam	8.4	8.6	8.3	7	7.5	K	T	6.5	6.75	8.25	9.25	9	8.305	91
1288	Nguyễn Thanh Bình	09/07/2008	12A2	Nam	9.3	8.6	8.9	7.6	8.9	T	T	8.25	6.75	7.25	9.5	9.5	9.038	52
1289	Lê Thiện Cơ	20/08/2008	12A2	Nam	9.2	9.6	9	8.8	9.7	T	T	8	7.5	9.25	9.75	9	9.022	53
1290	Lã Mạnh Cường	12/02/2008	12A2	Nam	9	8.8	9.3	7.2	7.3	T	T	7.75	6	8.25	8.25	9.75	8.718	69
1291	Trần Cao Cường	06/04/2008	12A2	Nam	8.8	9.3	8.6	7.7	8.4	T	T	7.5	6.75	8	9.5	8.75	8.678	71
1292	Trương Văn Cường	28/10/2008	12A2	Nam	8.4	9.1	8.4	7.3	6.9	T	T	6.75	6.75	6.5	9.25	9.25	8.482	86
1293	Nguyễn Việt Dũng	13/10/2008	12A2	Nam	9	9.3	9.7	8.4	8	T	T	8	7.75	6	9.5	10	9.217	36
1294	Nguyễn Khánh Duy	07/03/2008	12A2	Nam	8.8	9.7	8.5	7.5	6.7	T	T	8	6.75	6.25	10	8.75	8.942	59
1295	Đỗ Thùy Dương	23/01/2008	12A2	Nữ	9.2	8.7	9.7	8.3	9	T	T	7.75	8	9	9.75	9.75	9.118	44
1296	Nguyễn Minh Dương	31/08/2008	12A2	Nữ	8.5	8.6	8.9	8.7	7.2	T	T	6.25	8.25	6.75	9	8.25	8.083	108
1297	Ngô Thành Đạt	26/10/2008	12A2	Nam	8.6	8.6	9.2	7.4	7.7	T	T	7.75	7	7.5	9.5	9.75	8.940	60
1298	Nguyễn Tất Đạt	28/07/2008	12A2	Nam	8.7	9.7	9.6	7.7	8.5	T	T	7.75	7.5	8.25	9.75	9.5	9.100	46
1299	Nguyễn Thị Thanh Hà	24/08/2008	12A2	Nữ	6.4	7.2	6.3	7.7	7.1	K	T	6	7.5	8.75	7.5	5.25	6.365	204
1300	Nghiêm Thị Hiền	25/03/2008	12A2	Nữ	8.4	6.7	9.2	8.1	9.1	T	T	6.1	7.5	9.25	7.1	9	7.610	140
1301	Nguyễn Khắc Hiếu	16/08/2008	12A2	Nam	8.7	8.1	8.6	7.6	9.3	T	T	7	6.75	9.25	8.5	8.25	8.082	109
1302	Nguyễn Vũ Hoài	16/01/2008	12A2	Nữ	9.3	9.3	9.9	8.6	7.8	T	T	8.5	8.5	7.5	9.5	10	9.383	19
1303	Đồng Thị Hồng	01/09/2008	12A2	Nữ	9.3	9	9.3	8.1	8	T	T	8.5	8	8.25	8.75	9.75	9.060	50
1304	Nguyễn Thị Thu Hồng	24/08/2008	12A2	Nữ	7.8	8.1	7.6	7	6.2	K	T	6.75	6	7	8.75	7.75	7.775	129
1305	Dương Đức Huy	05/07/2008	12A2	Nam	9	9.5	9.5	7.7	7.7	T	T	8.25	7	8.5	9.75	9.5	9.217	36
1306	Lê Thị Phương Huyền	25/01/2008	12A2	Nữ	8.9	8.5	9.6	8.3	7.7	T	T	7.75	7.5	8	7.75	9.75	8.592	78
1307	Nguyễn Huy Khôi	02/01/2008	12A2	Nam	8.2	8.6	9.3	6.8	7.6	T	T	7.25	6.5	8.25	9.25	8.75	8.502	84
1308	Đỗ Gia Linh	09/11/2008	12A2	Nữ	8.7	8	7.9	8.7	7.6	T	T	7.25	8.5	6.75	8	7.1	7.675	135
1309	Đào Sỹ Long	22/04/2008	12A2	Nam	8	8.9	8.4	7.6	7.4	T	T	7.75	7.5	7.5	9.5	8.75	8.597	77
1310	Vũ Đức Long	11/02/2008	12A2	Nam	8.5	9.3	7.1	7.7	9.7	T	T	7.75	7	9.25	10	6.75	8.207	96
1311	Nguyễn Xuân Mai	21/01/2008	12A2	Nữ	9.3	9.5	9.4	8.3	8.6	T	T	9	7.5	7.75	10	9.5	9.470	14
1312	Trần Công Minh	05/10/2008	12A2	Nam	9	8.5	8.8	7.7	7.8	T	T	8.75	7.25	7.5	9	9	8.872	64
1313	Đinh Thị Quỳnh Nga	12/11/2008	12A2	Nữ	8.6	8.5	7.9	8.1	7.9	T	T	6.6	7.25	7.75	8.75	8	7.948	117
1314	Nguyễn Tiến Nghĩa	29/05/2008	12A2	Nam	9.4	9.3	9.9	7.7	7.9	T	T	8.5	6.75	7.5	10	10	9.510	8
1315	Trần Hữu Phú	08/07/2008	12A2	Nam	9.3	8.5	8.8	8.1	8.3	T	T	8.25	7	8.25	10	9.25	9.077	48
1316	Vũ Thị Hoài Phương	16/06/2008	12A2	Nữ	8.9	9	9.7	7.9	6.9	T	T	7.25	7	6.75	9.25	9.75	8.885	63

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1317	Đinh Thị Quỳnh	14/05/2008	12A2	Nữ	8	8.3	9.1	7.7	7.7	T	T	5.5	6.5	7.75	8.25	9.25	7.907	122
1318	Tạ Thị Thu	26/06/2008	12A2	Nữ	8.7	9	8.7	9.3	7.3	T	T	7.25	8.5	6.25	9	8.5	8.415	88
1319	Nguyễn Thu Thủy	31/03/2008	12A2	Nữ	9	8.9	8.7	8.7	7.9	T	T	7.75	8	7.75	8.5	9.25	8.610	74
1320	Đỗ Thị Thủy	15/09/2008	12A2	Nữ	8	8.1	8.2	8.4	7.7	T	T	6.5	8.5	8	8.25	8.25	7.797	128
1321	Đồng Minh Truân	10/01/2008	12A2	Nam	9	9.2	9.6	8.5	8.9	T	T	7.25	8.75	8.25	9.5	10	9.022	53
1322	Dương Thị Thanh Trúc	29/11/2008	12A2	Nữ	8.9	9.3	9.3	8.4	8.3	T	T	8.5	8	8.75	9.5	9.5	9.167	40
1323	Nguyễn Thanh Tùng	21/02/2008	12A2	Nam	9.1	9.2	9.5	7.2	6.4	K	T	9	5.25	6.75	9.5	9.75	9.372	21
1324	Nguyễn Thanh Tùng	04/10/2008	12A2	Nam	9.6	9.9	9.3	7.3	7.2	T	T	9	6.5	7.5	10	9.25	9.472	11
1325	Ngô Đức Việt	26/10/2008	12A2	Nam	8.5	7.4	9.7	6.8	6.9	T	T	7.5	5.75	7.25	7	10	8.277	95
1326	Hoàng Mỹ Anh	27/09/2008	12A3	Nữ	8.3	8.7	8.5	7.5	7.3	T	T	8.5	7.25	6.25	8.25	9	8.558	79
1327	Nguyễn Đức Anh	16/02/2008	12A3	Nam	7.3	8.7	7.4	7.3	6.7	K	T	5.5	7.75	6	7.5	6.25	6.832	191
1328	Nguyễn Tiến Anh	07/06/2008	12A3	Nam	6.9	7.8	6.4	6.6	6.7	K	T	5.6	6	5.5	7.5	5.75	6.508	198
1329	Nguyễn Việt Anh	20/10/2008	12A3	Nam	6.8	9	7.8	7.2	7	K	T	6.5	6.75	5	9.5	7.5	7.843	126
1330	Phạm Minh Ánh	27/07/2008	12A3	Nữ	8.4	8.9	8.5	8	7.3	T	T	7.5	8	6.25	8.25	9	8.355	89
1331	Nguyễn Văn Bảo	05/12/2008	12A3	Nam	7.4	8.6	8.4	8.4	7.1	K	T	6.5	8	5.5	8	8	7.690	132
1332	Phạm Xuân Bắc	20/08/2008	12A3	Nam	8.4	9.1	9	8.8	7.8	T	T	8.5	8	6.75	8.25	9	8.658	72
1333	Vũ Minh Chiến	04/07/2008	12A3	Nam	7.2	7.9	6.4	8.1	6	K	T	6	7.25	4	6.25	4.25	6.000	213
1334	Đồng Quốc Doanh	15/04/2008	12A3	Nam	8.1	8.8	8.6	7.2	9.1	T	T	6.25	6	9.25	7.75	8.75	7.858	124
1335	Hoàng Trung Du	03/02/2008	12A3	Nam	7.2	9.3	7.4	7.3	7.9	K	T	5.25	7	8.75	9.25	6.5	7.290	161
1336	Nguyễn Văn Dũng	19/01/2008	12A3	Nam	7.7	8.4	7.9	7.5	7.6	K	T	6.25	6.75	7.5	7.5	7.5	7.358	157
1337	Đồng Văn Duy	01/06/2008	12A3	Nam	8.4	9.6	9.3	7.6	7.6	T	T	8	7	7	9.75	10	9.205	38
1338	Ngô Đức Duy	24/07/2008	12A3	Nam	8.2	9	7.7	7.4	7.6	K	T	7.5	7	6.5	9	7.5	8.090	107
1339	Dương Doãn Đạt	30/07/2008	12A3	Nam	7.3	9.1	7.4	6.3	7.2	K	T	7.25	6	6.5	8.75	6.5	7.630	137
1340	Lưu Văn Đạt	30/06/2008	12A3	Nam	8.3	8.7	6.9	7.7	7.2	T	T	7.5	7	6	8	3.6	6.847	189
1341	Trần Trung Hiếu	08/02/2008	12A3	Nam	7.6	9.5	8.4	7.6	8.4	K	K	7.5	7.25	9.25	9.5	8.75	8.558	79
1342	Nguyễn Thị Thu Hoài	29/10/2008	12A3	Nữ	6.9	8.8	7.1	7.3	7.5	K	T	5.35	7	6.5	8	6.5	6.912	184
1343	Trương Thu Hoài	18/01/2008	12A3	Nữ	7.7	8.7	7.3	8.7	7.6	K	T	6.75	8.75	7.75	7.25	6.5	7.153	169
1344	Lê Việt Hoàng	11/10/2008	12A3	Nam	6.7	8.7	5.7	6.6	7.8	K	T	5.25	7	7.25	7.5	2.2	5.598	222
1345	Nguyễn Huy Hoàng	07/10/2008	12A3	Nam	8.8	9.5	9.1	8.6	8.4	T	T	8.5	8.5	8.25	9.25	9.5	9.098	47
1346	Bùi Thế Hùng	15/01/2008	12A3	Nam	7.4	8.4	7.2	7.1	7.5	K	T	6.5	6.5	6.75	7.25	6.35	6.990	178

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1347	Đỗ Thu Huyền	11/05/2008	12A3	Nữ	7.1	8.1	7.7	7.1	6.3	K	T	7	7	5.25	6.5	8.25	7.365	156
1348	Nguyễn Tuấn Hưng	23/10/2008	12A3	Nam	6.8	7.3	6.1	7.2	7.5	K	T	5.1	6.25	6.75	6.1	4.85	5.765	220
1349	Đỗ Lan Hương	28/11/2008	12A3	Nữ	6.8	7.9	7.2	8.2	7.3	K	T	4.5	8	6.5	6.25	6.5	6.215	208
1350	Nguyễn Quỳnh Hương	12/05/2008	12A3	Nữ	6.5	7.9	7.2	7.3	6	K	T	5.75	7.25	3.25	6.1	6.75	6.500	200
1351	Nguyễn Nam Khánh	21/08/2008	12A3	Nam	8	8.8	7.9	6.4	7.5	K	T	6.25	5.5	6.25	8.25	7	7.487	148
1352	Nguyễn Hoàng Bích Khuê	16/02/2008	12A3	Nữ	7.1	7.1	6.9	7.8	7	K	T	6.1	7	6.25	3.7	6.35	5.878	216
1353	Lê Trung Kiên	12/02/2008	12A3	Nam	7.2	8.2	6.9	7.8	7.5	K	T	6.5	8	6.75	7.25	4.25	6.430	202
1354	Vương Tùng Lâm	30/03/2008	12A3	Nam	8.1	9.1	8	7.4	7.5	T	T	8	8	6.5	9	7	8.120	104
1355	Lưu Văn Long	22/07/2008	12A3	Nam	6.7	8.5	6.7	7.2	6.4	K	T	3.5	7.5	4.5	6.75	5.25	5.807	219
1356	Nguyễn Thị Trà My	01/01/2008	12A3	Nữ	7.8	9.3	6.1	8.3	7.3	K	T	7	7.5	7	8.75	3.45	6.800	192
1357	Lê Nhật Nam	23/12/2008	12A3	Nam	7.6	9	7.5	7.1	8.4	K	T	7	6.5	8	8.5	7	7.660	136
1358	Nguyễn Thị Nhung	10/04/2008	12A3	Nữ	7.7	9.5	7.7	8.4	7.9	T	T	7.25	7.75	7.75	9.75	6.35	7.938	119
1359	Nguyễn Phương Phương	29/03/2008	12A3	Nữ	7.8	9.1	7.5	8.8	8.1	T	T	7.25	8.5	7.25	8.5	6	7.515	144
1360	Tạ Minh Quân	25/11/2008	12A3	Nam	7.7	8.2	7.9	7.1	8.6	K	T	7.5	6.5	8.5	7.5	7.5	7.630	137
1361	Đổng Thị Lệ Quyên	18/06/2008	12A3	Nữ	8.3	8.8	8.2	7.7	7.9	T	T	7.25	6.5	6.75	8	8.35	8.037	113
1362	Nguyễn Trần Quỳnh	25/04/2008	12A3	Nam	7.2	8.4	7.3	7.2	7.3	K	T	6.25	6.5	5.25	7	7	7.015	176
1363	Nguyễn Thanh Tâm	08/01/2008	12A3	Nữ	8.2	9.5	7.6	7.9	8.1	T	T	7.25	7	8	9.25	7.6	8.153	102
1364	Nguyễn Văn Tiến	24/02/2008	12A3	Nam	8.1	9	7.9	7.1	7.4	K	T	7.25	8	7	9	7.75	8.100	106
1365	Vũ Thu Trà	18/12/2008	12A3	Nữ	7.2	8.2	7.7	8	7.4	K	T	6.75	7.75	7	7	7.75	7.327	158
1366	Đổng Thanh Trang	28/12/2008	12A3	Nữ	8.3	9.4	7.9	7.8	7.7	T	T	8	7.75	7	9.75	9.25	8.860	65
1367	Ngô Anh Trung	02/10/2008	12A3	Nam	6.6	8.8	5.5	6.1	6.5	K	T	4.75	5.5	5.5	7.75	2.85	5.672	221
1368	Đỗ Phương Trường	17/12/2008	12A3	Nam	7.6	8.9	6.4	7.6	6.5	K	T	7	7.5	4.5	8.5	4.5	6.957	181
1369	Nguyễn Ngọc Tuấn	21/01/2008	12A3	Nam	5.9	6.4	5.7	5.8	5.5	Đ	T	3.35	3.5	3.5	3.75	3.75	4.332	228
1370	Nguyễn Thanh Tùng	23/01/2008	12A3	Nam	9.1	9.7	9.5	7.3	8.5	T	T	8.5	7.5	8.75	9.5	9.75	9.305	29
1371	Nguyễn Thế Tùng	07/11/2008	12A3	Nam	6.9	8.2	5.8	5.3	7.7	K	T	6.5	5	8.75	7.25	2.85	5.963	215
1372	Nguyễn Hoàng Việt	10/02/2008	12A3	Nam	6.6	8.1	6	7.1	8.1	K	T	4.75	7	7.5	7	3.35	5.593	223
1373	Nguyễn Đức Anh	24/06/2008	12A4	Nam	7.9	9.3	8.1	7.8	8.4	T	T	9	7.5	8.5	9.5	8.75	8.888	62
1374	Nguyễn Phương Anh	17/10/2008	12A4	Nữ	6.7	7.2	7.7	8.5	6.7	K	T	4.75	8.25	6.75	6.25	7.6	6.500	200
1375	Phạm Việt Anh	08/12/2008	12A4	Nam	9.7	9.6	9.4	7.4	8.3	T	T	9	6.5	8.25	9.75	9	9.345	24
1376	Nguyễn Thái Bảo	11/11/2008	12A4	Nam	8.5	9.1	7.5	7.7	8.7	T	T	8.25	7.5	8	8.75	7.75	8.285	93

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1377	Đỗ Văn Chí	01/09/2008	12A4	Nam	7	8.1	7	7.3	7	K	T	6.25	7.5	6.25	7.75	6	6.877	186
1378	Nguyễn Đức Chí	19/11/2008	12A4	Nam	7.7	8.8	9	7.6	7	K	T	6.25	7.5	7	8.5	8.75	8.033	114
1379	Đào Anh Chung	18/03/2008	12A4	Nam	8.5	9.4	9	7.4	7.9	T	T	7.75	7.5	7.75	9.5	8.5	8.698	70
1380	Chu Việt Cường	24/03/2008	12A4	Nam	7.4	7.9	6.9	7.6	7.4	K	T	6.75	7.75	6.75	7.35	6	6.910	185
1381	Nguyễn Trần Đình Duy	31/03/2008	12A4	Nam	6.9	8.5	7.6	7.5	7.3	K	T	6.5	7.25	7	9	7.75	7.725	131
1382	Lê Ánh Dương	30/12/2008	12A4	Nữ	8.2	9.2	8.5	8.3	7.9	T	T	8	8	7	9.75	8	8.598	76
1383	Đinh Minh Đức	25/09/2008	12A4	Nam	5.9	8.4	4.9	4.7	8.2	Đ	T	5	4.5	9	7.5	2.95	5.525	224
1384	Trần Ngọc Đoàn Giang	02/12/2008	12A4	Nam	8.7	8.8	8.6	6.4	6.4	K	T	7	6	4.75	8	7.75	7.918	120
1385	Lương Hải Hà	02/02/2008	12A4	Nữ	8.7	9.6	9.8	8.1	9.2	T	T	8	7.5	8.5	9.5	10	9.227	34
1386	Nguyễn Đan Hà	27/02/2008	12A4	Nam	8.2	9.4	8	7.5	7.2	T	T	7.5	7.5	6.25	9.75	7.5	8.335	90
1387	Trần Ngọc Hà	20/02/2008	12A4	Nữ	7.2	7.9	7.4	8.4	7.6	K	T	6.5	8.5	7	7	6.75	6.975	179
1388	Đinh Thuý Hiền	27/03/2008	12A4	Nữ	5.8	7.3	5.3	8.5	6.3	K	T	4.1	8.75	5	6	2.1	4.687	227
1389	Trần Trung Hiếu	27/08/2008	12A4	Nam	7.5	9	7.6	7.9	7.6	K	T	6.1	8	7.25	9.25	6.5	7.508	145
1390	Triệu Trung Hiếu	25/04/2008	12A4	Nam	7.2	8.8	7.2	7.9	8.2	K	T	5.5	8.5	7	8.75	5.6	6.952	182
1391	Vũ Quang Hiếu	05/06/2008	12A4	Nam	7.9	9.2	8.2	7.7	7.3	K	T	6.5	7.75	7	9.25	7.5	7.955	116
1392	Bùi Văn Hoàng	30/08/2008	12A4	Nam	6.9	8.2	7.2	7.1	7.7	K	T	6.25	7	7.75	8.25	7.75	7.422	153
1393	Đào Văn Hoàng	16/08/2008	12A4	Nam	7.4	9	8.9	7.8	7.8	T	T	6.25	7.5	6.5	9.25	8.25	8.072	110
1394	Khổng Gia Huy	04/11/2008	12A4	Nam	7.9	8.9	6.2	7.7	6.7	K	T	6.75	8	5.5	8.5	4.25	6.850	188
1395	Lương Tường Huy	01/11/2008	12A4	Nam	7.4	9.1	5.9	8.2	9.4	K	T	5.75	7.5	9	8.5	3.1	6.288	205
1396	Phạm Việt Hưng	28/01/2008	12A4	Nam	8.9	8.9	9.2	7.2	7	T	T	7.5	7	6.25	8.75	9.25	8.650	73
1397	Nguyễn Thanh Hương	16/07/2008	12A4	Nữ	6.4	8	7.3	8.5	7.7	K	T	5.5	8.75	7.5	8	6.1	6.743	195
1398	Tổng Khang	02/10/2008	12A4	Nam	8	8.7	7	7.5	7.5	T	T	6.5	7.25	6.75	8.5	6.75	7.445	151
1399	Nguyễn Quốc Khanh	14/02/2008	12A4	Nam	8.6	9.4	8.5	7.3	7.5	T	T	7.75	7.5	6.75	9.5	8	8.542	81
1400	Nguyễn Như Tôn Hà Khoa	14/12/2008	12A4	Nam	8.4	9.6	8.2	6.7	7.9	T	T	7	7	7.25	10	7.25	8.278	94
1401	Nguyễn Phương Linh	02/12/2008	12A4	Nữ	7.1	8.7	7.6	7.8	8.3	K	T	5.5	7.25	8.5	8.75	6.5	7.182	165
1402	Nguyễn Thị Linh	28/07/2008	12A4	Nữ	6.3	7.7	6.6	8.5	7.4	K	T	4.25	8.25	7	7.25	4.6	5.817	218
1403	Lê Thị Mai	15/09/2008	12A4	Nữ	8.2	9	8.6	8	7.7	T	T	6.5	8.25	7.25	9.25	8.25	8.180	100
1404	Ngô Quang Minh	16/12/2008	12A4	Nam	7.5	8.4	7.3	7.6	7.6	K	T	6.25	7.75	7.25	8.5	5.5	7.045	175
1405	Nguyễn Hồng Nga	04/10/2008	12A4	Nữ	6.4	8.7	6.8	8.5	7.3	K	T	5.5	8.5	8	8.75	5.5	6.798	193
1406	Nguyễn Thị Nga	11/01/2008	12A4	Nữ	9.2	9.6	9.3	8.3	7.7	T	T	8.5	8	7.25	9.75	8.75	9.110	45

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1407	Quan Thị Bích Nguyệt	22/10/2008	12A4	Nữ	8.5	9.2	7.6	8.7	8.5	T	T	8.25	8.5	7.25	9.75	6	8.130	103
1408	Lê Thu Phương	13/07/2008	12A4	Nữ	8.9	9.4	8.8	8.9	8.2	T	T	8	8.5	7.25	9.75	9.25	9.010	57
1409	Nguyễn Ngọc Ánh Tâm	07/02/2008	12A4	Nữ	6.9	8.2	7.5	8.3	7.9	T	T	4.75	8	7.25	8.25	6	6.693	196
1410	Đào Tuấn Thành	01/11/2008	12A4	Nam	7.1	8.2	8	7.1	7.3	K	T	7	6.5	5.25	8.75	8	7.872	123
1411	Lê Mạnh Thắng	22/05/2008	12A4	Nam	7.2	8.1	7.7	7.6	8.4	T	T	6.1	7	8.25	8	6.75	7.165	168
1412	Nguyễn Quang Thủy	06/03/2008	12A4	Nam	7.6	9.7	6.5	7.7	6.9	K	T	6.75	8.25	5.5	9.75	4.7	7.327	158
1413	Nguyễn Việt Tiệp	12/03/2008	12A4	Nam	8.1	8.3	8.4	7.2	6	K	T	5.35	7.5	1.75	6.85	7	6.960	180
1414	Trần Tiến Toàn	10/06/2008	12A4	Nam	8	8.9	6.9	5.9	6.2	K	T	7.6	6	5	9	6.1	7.677	134
1415	Đàm Đình Trinh	27/06/2008	12A4	Nam	7.8	8.8	8	7.9	7.2	T	T	6.75	8.5	6.5	9.5	7.1	7.908	121
1416	Nguyễn Trần Thanh Tùng	11/09/2008	12A4	Nam	8.5	9.2	6.6	7.5	8.6	T	T	7.75	7.5	8	9.5	4.1	7.412	155
1417	Phạm Thị Tuyết	04/11/2008	12A4	Nữ	8.3	8.4	7.6	7.7	7.1	T	T	6.75	7.75	7.25	8.5	6.5	7.505	146
1418	Đào Quang Việt	16/09/2008	12A4	Nam	7.8	8.7	8.3	7.9	7	K	T	6.5	7.75	5.75	8.25	7.75	7.730	130
1419	Lê Văn Việt	13/11/2008	12A4	Nam	8.4	9.2	8.1	7.3	6.2	K	T	7.75	7.75	5.75	9.25	8.25	8.462	87
1420	Nguyễn Thị Minh Anh	30/03/2008	12A5	Nữ	6.5	7.3	7.3	7.8	8.5	K	T	5.5	7.75	7.75	8.5	4.5	6.427	203
1421	Nguyễn Việt Anh	24/06/2008	12A5	Nam	8.7	8.9	8.1	7.1	7.5	K	T	8	7	6.75	9	6.75	8.112	105
1422	Trương Thị Minh Ánh	15/01/2008	12A5	Nữ	7.3	7.3	8.2	7.6	6.7	K	T	7	6.75	3.75	7.5	7.75	7.472	150
1423	Trần Công Bảo	29/12/2008	12A5	Nam	6	6.9	7.7	7.7	7.1	K	T	6.25	7.5	6.25	7.5	7.75	7.077	174
1424	Nguyễn Chí Công	22/11/2008	12A5	Nam	6.9	8.5	7.4	7	6.2	K	T	5.75	6.25	5	7.5	6.1	6.795	194
1425	Trần Thị Ngọc Dinh	06/12/2008	12A5	Nữ	6.1	6.9	8	7.3	7.1	K	T	5	6.75	6.5	8.75	7.75	7.117	173
1426	Cao Sơn Dương	28/10/2008	12A5	Nam	6.2	7.5	6.4	6.3	6.7	K	T	4	6	3.75	7.5	2.95	5.382	226
1427	Nguyễn Thùy Dương	26/12/2008	12A5	Nữ	8	7.2	9.2	8.5	7.5	T	T	7	8.5	6.25	6.5	9	7.690	132
1428	Nguyễn Đức Đăng	30/12/2008	12A5	Nam	7.4	8.9	7.4	7.1	6.8	K	T	8	7.5	6.25	9.25	6.25	7.853	125
1429	Nguyễn Thị Hương Giang	25/03/2008	12A5	Nữ	8	8.5	7.2	8.2	9.7	T	T	6.6	7	9	8.25	5.75	7.177	166
1430	Phan Nguyễn Trường Giang	12/06/2008	12A5	Nam	6.9	8.1	9	7.2	7.7	K	T	8.25	7.5	6.5	8.25	9.75	8.525	82
1431	Lưu Thu Hà	28/09/2008	12A5	Nữ	7.4	8.7	9.1	8.3	7.2	T	T	6	8	5.75	8.25	9	7.945	118
1432	Nguyễn Văn Hải	11/06/2008	12A5	Nam	7.4	7.4	8.7	7.4	7.1	K	T	7.5	7.5	5.5	8	8	7.833	127
1433	Dương Vũ Hiếu	27/04/2008	12A5	Nam	5.1	5	7.5	7	6.6	K	T	4.1	6.75	6	4.35	7.5	5.482	225
1434	Đỗ Thị Mỹ Hoa	05/12/2008	12A5	Nữ	7	7.3	7.3	8.1	7.3	K	T	6.5	8	6.5	6.75	6	6.652	197
1435	Nguyễn Văn Hòa	18/09/2008	12A5	Nam	6.4	7	6.4	7.6	6.9	K	T	5.75	7	5	7	5.5	6.238	206
1436	Đinh Việt Hùng	04/08/2008	12A5	Nam	8.2	7.5	8.1	7.6	5.7	K	T	6.75	6.75	3.25	7.25	7.1	7.303	160

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1437	Vũ Ngọc Huy	24/10/2008	12A5	Nam	7.4	7.9	8.1	6.9	7.2	K	T	6	6.5	5.5	8.5	7.25	7.415	154
1438	Nguyễn Minh Huyền	27/10/2008	12A5	Nữ	8	6.3	8.9	8.2	8	K	T	6	8.25	8	4.85	8.5	6.835	190
1439	Nguyễn Ngọc Huyền	23/02/2008	12A5	Nữ	7.9	7.9	7.4	7.1	6.6	K	T	6.5	6.75	5.5	8	6.5	7.220	164
1440	Trần Thanh Huyền	13/10/2008	12A5	Nữ	8.8	8.2	8.8	8.7	6.5	T	T	8	8.5	4.75	7.35	8	8.028	115
1441	Phạm Trọng Hưng	03/12/2008	12A5	Nam	6.3	6	6.7	6.3	6.8	Đ	T	5.25	7	6	6.5	5.75	5.983	214
1442	Nguyễn Hữu Khánh	14/12/2008	12A5	Nam	6.6	6.8	7.4	5.9	6.3	K	T	5.5	6.5	3.25	5	6.5	6.047	210
1443	Nguyễn Thị Vân Khánh	29/03/2008	12A5	Nữ	7	7.2	6.4	6.5	6	K	T	5.85	6.25	4	7	4.35	6.073	209
1444	Dương Vũ Anh Khôi	29/10/2008	12A5	Nam	7.3	7.8	7.1	6.8	8.3	K	T	7	7	8.5	9	5.1	7.143	170
1445	Trần Thanh Lam	30/11/2008	12A5	Nữ	9	9.6	9.3	7.8	7	T	T	7	7.5	7	10	8.5	8.740	68
1446	Đỗ Phương Linh	20/09/2008	12A5	Nữ	6.7	7.7	6.2	6.5	7.2	K	T	5.5	6.5	6.25	8	3.5	6.027	212
1447	Nguyễn Mạnh Linh	12/06/2008	12A5	Nam	7.5	7	8.4	6.9	7.4	K	T	5.5	7	6.5	7.5	7.25	7.015	177
1448	Vũ Ngọc Long	09/06/2008	12A5	Nam	7.1	7.9	6.3	6.8	6.5	K	T	6.25	7	5.5	7.5	3.85	6.237	207
1449	Đỗ Thị Thanh Mai	06/12/2008	12A5	Nữ	7.7	8.3	8.2	7.7	7.1	K	T	6.75	7.5	5.25	8	7	7.495	147
1450	Nguyễn Bá Hoài Nam	08/04/2008	12A5	Nam	5.9	7.8	7.6	5.2	7.4	K	T	3.25	3.5	6.75	7.5	6	6.038	211
1451	Nguyễn Hoàng Thu Ngân	17/10/2008	12A5	Nữ	6.1	6.5	7.1	7.1	7.6	K	T	5.5	6	6.5	6.1	5	5.843	217
1452	Tạ Hoàng Ngọc	04/05/2008	12A5	Nữ	7.1	6.8	8.6	7	6.6	K	T	5.75	6.25	4.5	6.1	8.25	6.940	183
1453	Vũ Thị Bảo Ngọc	10/04/2008	12A5	Nữ	8.2	7.2	8.8	7.6	7.4	T	T	7.25	7.5	6.75	7.25	7.75	7.612	139
1454	Nguyễn Văn Nguyên	02/06/2008	12A5	Nam	7.3	7.7	8.3	6.5	8.4	K	T	6.5	6.75	7.5	7.5	7.25	7.288	162
1455	Phạm Thị Minh Nguyệt	20/12/2008	12A5	Nữ	6.8	8.1	9.1	7.3	7.9	T	T	4.75	6.5	7.25	8.5	9	7.592	141
1456	Vũ Thị Quỳnh Như	29/01/2008	12A5	Nữ	7.3	7	6.2	7.2	6.7	K	T	6.6	7	5.25	7	5.5	6.507	199
1457	Trần Vũ Phong	16/10/2008	12A5	Nam	8.5	9.4	9.2	7	7.2	K	T	6.5	6.75	6.75	9.5	8.75	8.485	85
1458	Nguyễn Thị Mai Phương	22/08/2008	12A5	Nữ	7.9	9	8.8	8.3	7.8	T	T	6.5	8.25	7	8.75	8.75	8.170	101
1459	Đồng Thị Như Quỳnh	09/09/2008	12A5	Nữ	6.8	7.5	8.4	6.5	7	K	T	5.5	6.5	5.25	7.75	7.75	7.170	167
1460	Vương Tiến Thành	14/08/2008	12A5	Nam	6.8	7.3	8.1	5.8	7.1	K	T	7.25	6	5.25	7	6.75	7.120	172
1461	Nguyễn Hưng Thịnh	20/09/2007	12A5	Nam	7.6	7	8.1	6.9	7.2	K	T	6	7	5	7.75	7.5	7.228	163
1462	Lê Anh Thư	12/11/2008	12A5	Nữ	7.5	8.1	6.7	8.1	7.7	K	T	6.75	8	7.5	8.25	4.85	6.862	187
1463	Lưu Anh Tú	05/08/2008	12A5	Nam	7.8	8.1	7.9	7	7.1	K	T	6.75	7	6	8.5	6.6	7.478	149
1464	Cao Thị Yến Vi	17/06/2008	12A5	Nữ	8.8	8.3	8.6	8.3	7.3	T	T	7.5	7.75	7.25	9	7.6	8.193	97
1465	Đồng Anh Việt	20/04/2008	12A5	Nam	9	8.8	8.9	6.6	7.9	T	T	8	5.75	7.25	8.75	8.25	8.503	83
1466	Nguyễn Thị Mai Anh	07/02/2008	12D1	Nữ	7.4	8.4		8.1	9	T	T	5.5	8	9.75	9	8	7.875	64

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1						Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1467	Trần Hải Anh	23/07/2008	12D1	Nữ	7.8	8.5		8.4	8.6	T	T	5.5	8.25	9	9.25	8	7.788	79
1468	Lưu Thị Ngọc Ánh	17/05/2008	12D1	Nữ	8.6	9.8		8.7	8.4	T	T	7.75	8.5	8.5	9.25	8	8.345	23
1469	Nguyễn Thị Ánh	28/01/2008	12D1	Nữ	7.3	8.3		8.2	8.2	T	T	4.75	8	8.25	9	7.75	7.270	152
1470	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	25/12/2008	12D1	Nữ	8.7	9.4		8.8	8.8	T	T	7.5	8.5	9.5	9.5	8.75	8.580	4
1471	Vũ Ngọc Bích	24/04/2008	12D1	Nữ	8.5	9.1		8.7	9.1	T	T	6.75	8	9.25	8	7.75	8.230	37
1472	Nguyễn Minh Châu	22/10/2008	12D1	Nữ	7.4	8		8.8	9.6	T	T	4.75	9	9.25	8.75	8.5	7.947	62
1473	Nguyễn Hà Chi	30/09/2008	12D1	Nữ	7.4	8.1		8.3	9.1	T	T	5	8.25	9	9.25	6	7.672	94
1474	Nguyễn Linh Chi	02/01/2008	12D1	Nữ	8.6	9		8.4	8.8	T	T	8	8.5	9.25	9	7	8.588	3
1475	Phạm Trần Hà Chi	24/10/2008	12D1	Nữ	8.2	8.7		8.5	8.7	T	T	7	8.5	8.75	8.75	8	8.198	41
1476	Lê Thanh Chúc	17/12/2008	12D1	Nữ	7.1	8.3		8.2	7.2	T	T	4.75	8	9	9.25	8.25	7.325	143
1477	Nguyễn Lại Chính Dương	14/02/2008	12D1	Nam	8.2	9.3		8	8.6	T	T	6.5	7.5	9.5	8.85	7.25	7.963	59
1478	Nguyễn Ngọc Dương	14/08/2008	12D1	Nam	7.9	9.3		8.5	7.8	T	T	6.5	7.75	8	8.85	8.5	7.612	106
1479	Dương Hương Giang	30/10/2008	12D1	Nữ	8.7	9.3		7.9	8.7	T	T	7.5	7.25	9	9.25	7.5	8.072	53
1480	Nguyễn Lưu Hương Giang	26/04/2008	12D1	Nữ	8.7	9.4		8.5	9.7	T	T	6.75	8.25	10	9.25	9.75	8.523	9
1481	Chu Hoàng Hà	25/02/2008	12D1	Nữ	8.2	8.4		8.2	7.8	T	T	6	8	8.25	8.85	6.1	7.612	106
1482	Vũ Thị Thu Hà	18/05/2008	12D1	Nữ	9.1	9.8		8.7	9.4	T	T	7.5	9	9	9.75	8	8.670	2
1483	Đàm Thu Hiền	29/04/2008	12D1	Nữ	7.8	7.8		8.2	7.5	K	T	6.5	8	7.25	7.35	6.25	7.425	131
1484	Trịnh Khánh Huyền	15/07/2008	12D1	Nữ	7.7	7.7		8.8	7.9	T	T	5.75	8.5	8.5	9	7.5	7.748	85
1485	Đặng Trà Hương	19/07/2008	12D1	Nữ	7.3	8.7		8.3	8.3	T	T	5.5	8.25	8.5	9	7.75	7.582	112
1486	Nguyễn Thu Hường	14/05/2008	12D1	Nữ	9.1	9.1		8.3	8.2	T	T	8.5	8.5	8.5	8.75	7.1	8.510	11
1487	Nguyễn Quang Khải	15/02/2008	12D1	Nam	8.2	9.4		8.4	8.9	T	T	6.75	8.75	9.25	8.5	8.75	8.325	25
1488	Lương Bảo Lâm	04/10/2008	12D1	Nữ	9	9.8		8	9.7	T	T	8.5	7.75	9.75	8.75	8.25	8.737	1
1489	Nguyễn Phương Linh	27/05/2008	12D1	Nữ	7.7	9.5		8.3	8.7	T	T	6	8.5	9	9.75	6.75	7.953	60
1490	Trần Khánh Linh	01/01/2008	12D1	Nữ	7.9	9.2		8.1	8.6	T	T	6.5	7.5	9	8.75	8.5	7.827	69
1491	Trần Đức Lương	02/02/2008	12D1	Nam	8.1	8.6		7.7	7.9	T	T	7.75	7.75	9	8.75	6	8.087	50
1492	Vương Khánh Ly	23/11/2008	12D1	Nữ	8.6	9.6		8.4	9	T	T	7	8.5	9	9.25	8	8.317	27
1493	Nguyễn Hoàng Mai	23/04/2008	12D1	Nữ	8.5	8.7		8.6	8.1	T	T	7.25	9	8.5	8.25	8	8.295	31
1494	Nguyễn Ngọc Minh	02/11/2008	12D1	Nam	7.5	7.6		7.9	7.8	K	T	5.25	8	8.5	8.75	8.5	7.395	136
1495	Nguyễn Tiến Minh	25/10/2008	12D1	Nam	8.7	8.9		7.4	7.7	K	T	7.75	6.5	8	6.35	7	7.572	114
1496	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	20/12/2008	12D1	Nữ	7.3	7.9		8.5	8.2	T	T	5	8.5	7.5	8	8.25	7.300	149

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1497	Lâm Ngô Bảo Ngọc	08/12/2008	12D1	Nữ	8.2	9.3		8.3	8.3	T	T	5.75	8	8.75	9.5	8.5	7.730	86
1498	Nguyễn Bảo Ngọc	05/10/2008	12D1	Nữ	7.9	9.2		8.4	8.2	T	T	6.75	8.75	8.5	9.25	9	8.050	54
1499	Nguyễn Bích Ngọc	05/03/2008	12D1	Nữ	8.5	10		8.5	8.9	T	T	6.75	9	9.5	9.25	7.5	8.482	15
1500	Trần Bích Ngọc	25/10/2008	12D1	Nữ	8.1	8.6		8.4	8.4	T	T	7.25	8.5	9.25	8.25	8	8.323	26
1501	Nguyễn Thị Phương Nhung	02/09/2008	12D1	Nữ	9	9.6		8.4	8.9	T	T	8	8.5	9	9	9.25	8.580	7
1502	Đầu Khánh Phương	23/12/2008	12D1	Nữ	9.2	9.8		8.3	8.1	T	T	7.75	8	8	9.75	9.75	8.102	49
1503	Lưu Thị Như Quỳnh	14/01/2008	12D1	Nữ	7.1	8.4		8	8.2	T	T	4.75	8.25	9.25	8.25	7	7.522	122
1504	Nguyễn Thị Quỳnh	05/02/2008	12D1	Nữ	8.7	7.8		8.1	8.6	T	T	7.25	8	9.25	9.25	8	8.257	34
1505	Phạm Như Quỳnh	27/03/2008	12D1	Nữ	9.1	9.7		8.2	8.2	T	T	8.5	8.5	8.25	9.75	7.75	8.442	20
1506	Nguyễn Thị Minh Tâm	26/03/2008	12D1	Nữ	7.4	8.8		8.2	8.3	T	T	4.75	8.5	8.75	9.5	7.6	7.523	121
1507	Lã Thị Phương Thảo	16/03/2008	12D1	Nữ	8.1	8.9		8.5	8.2	T	T	6.35	8.75	8.75	9.75	7	8.045	55
1508	Nguyễn Thị Thu Thủy	11/11/2008	12D1	Nữ	8.5	9.3		9.1	8.7	T	T	7	9	9	9	7	8.463	18
1509	Nguyễn Thanh Thư	25/11/2008	12D1	Nữ	8.5	9.9		8.6	9.2	T	T	7	9	9.5	9.5	8	8.580	4
1510	Lương Thị Thanh Trúc	20/12/2008	12D1	Nữ	8.8	9.5		8.1	8.5	T	T	8.5	7.5	8.5	9.25	8.5	8.257	34
1511	Nguyễn Thanh Trúc	13/01/2008	12D1	Nữ	8.9	8.5		8.2	7	T	T	8.75	8	7	7.5	7.75	7.952	61
1512	Lê Thị Mỹ An	21/02/2008	12D2	Nữ	8.5	9.4		9	8.8	T	T	8.5	9	7.75	8.5	8	8.522	10
1513	Bùi Thị Lan Anh	19/03/2008	12D2	Nữ	6.9	8.4		8	8.3	T	T	4.1	8	7	9.25	6.5	6.777	216
1514	Đào Quỳnh Anh	07/04/2008	12D2	Nữ	7.2	9.1		8.1	9.1	T	T	6.25	8	8	8.5	6.75	7.632	102
1515	Nguyễn Thị Lan Anh	18/08/2008	12D2	Nữ	8.3	9.6		8.4	9.2	T	T	7.5	8	9	9.25	7.75	8.307	28
1516	Phạm Hải Anh	17/09/2008	12D2	Nữ	8.5	8.7		8.4	8.4	T	T	6.5	8.5	7.75	8.75	7.25	7.838	66
1517	Trần Phan Thảo Anh	05/06/2008	12D2	Nữ	7.1	9		8.1	8.3	T	T	5.25	7.5	7.25	8.25	5.1	7.017	190
1518	Trần Tuấn Anh	28/01/2008	12D2	Nam	7.2	9.1		7.8	8.2	K	T	5.75	7.5	8.25	7.5	6.25	7.337	142
1519	Cao Thị Bảo Chi	10/03/2008	12D2	Nữ	7.1	8.4		8.9	8.6	T	T	7	8.5	7.5	9	7.85	7.827	69
1520	Đàm Thị Ngọc Chi	02/02/2008	12D2	Nữ	8.5	9.3		8.2	9.1	T	T	8	8.25	8.5	9.5	8.5	8.355	22
1521	Nguyễn Thùy Dung	27/06/2008	12D2	Nữ	7.8	9.2		8.1	7.7	K	T	6.75	8	6.5	8.6	6	7.318	145
1522	Bùi Thị Ngọc Hà	05/12/2008	12D2	Nữ	7.3	9.1		8.7	9	T	T	5.5	8.25	8	8	8.25	7.575	113
1523	Nguyễn Thị Hằng	02/09/2008	12D2	Nữ	8.5	9.1		8.9	8.2	T	T	7.5	8.5	6.5	9.25	7.75	7.810	75
1524	Bùi Thị Hiền	16/02/2008	12D2	Nữ	6.7	8.8		8.8	8.5	T	T	5.35	8.75	8.5	9.25	8.25	7.673	93
1525	Đỗ Thị Hiền	25/12/2008	12D2	Nữ	8.7	9.8		8.8	8.6	T	T	9	8.5	7.75	9.75	8.75	8.502	12
1526	Vũ Huyền Khanh	07/11/2008	12D2	Nữ	8.7	8.7		8.9	8.8	T	T	7.75	7.75	8.5	8.25	7	8.240	36

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1527	Lê Nam Khánh	15/11/2008	12D2	Nam	7.7	9.3		7.4	8.6	T	T	5.6	6.75	8.5	9.25	7.5	7.235	158
1528	Lương Như Lâm	02/02/2008	12D2	Nam	8.8	8.8		8.5	8.7	T	T	8	7.75	8.25	8.75	7.75	8.200	39
1529	Bùi Thị Tú Linh	24/03/2008	12D2	Nữ	8	9.2		8.2	8.5	T	T	6.25	7.5	7.75	8.6	7.25	7.487	126
1530	Dương Thị Hà Linh	20/04/2008	12D2	Nữ	8.4	8.9		7.9	8.4	T	T	7.5	7	7.5	9	8.5	7.603	108
1531	Đàm Thị Ngọc Linh	08/01/2008	12D2	Nữ	7	8.9		8.4	8.7	T	T	5.75	8.5	9	7.5	6.75	7.835	68
1532	Đặng Diệu Linh	15/06/2008	12D2	Nữ	7.7	9.2		7.6	8.9	T	T	6.5	7.5	8.5	9	6.25	7.670	95
1533	Nguyễn Ngọc Linh	13/11/2008	12D2	Nữ	8.1	8.7		8.4	8.4	T	T	7.75	8	7.75	9.5	7.35	7.973	57
1534	Trịnh Thùy Linh	09/11/2008	12D2	Nữ	7.1	8.8		8.5	9.1	T	T	4.6	8.75	8.5	9.5	8.25	7.568	115
1535	Trần Duy Long	24/09/2008	12D2	Nam	7.5	8.7		8.6	8.3	T	T	5.35	7.75	7.75	7.25	7.5	7.305	148
1536	Bùi Ban Mai	25/09/2008	12D2	Nữ	7.1	9.2		8.1	8.2	T	T	3.75	7.5	5.75	8.75	8	6.307	263
1537	Nguyễn Thị Mơ	23/03/2008	12D2	Nữ	8.5	9.2		8.7	8.7	T	T	7.5	8.5	8	9	7.25	8.190	42
1538	Nguyễn Phương Nam	28/01/2008	12D2	Nam	7.8	8.8		7.9	8.7	K	T	5.75	7.5	8	7	7	7.398	135
1539	Nguyễn Khánh Ngọc	14/06/2008	12D2	Nữ	8	9.1		9.1	8.6	T	T	6.25	8	7.75	8.5	6.25	7.703	89
1540	Phan Thị Nguyên	31/07/2008	12D2	Nữ	8.7	9.2		8.6	8.4	T	T	6.75	8.5	7	8.25	7.25	7.762	84
1541	Đỗ Thị Như Nguyệt	05/11/2008	12D2	Nữ	8.7	8.9		8.6	9.1	T	T	8	8	9	9	7.75	8.473	17
1542	Lê Tuyết Nhung	07/04/2008	12D2	Nữ	6.8	9		7.6	8	T	T	3.45	6.5	6.75	6.85	6.35	6.137	271
1543	Nguyễn Thị Lan Phương	25/10/2008	12D2	Nữ	8.3	9.3		7.9	8.3	T	T	8	7.5	7.5	8.75	6.75	7.817	74
1544	Nguyễn Thị Phương Tâm	13/12/2008	12D2	Nữ	9.3	9		8.4	8.8	T	T	8.25	8	8.5	9	8.25	8.425	21
1545	Nguyễn Việt Tân	13/03/2008	12D2	Nam	8.3	9		7.6	8.7	T	T	7.75	6.75	8.5	9.5	8	7.827	69
1546	Nguyễn Xuân Thái	03/04/2008	12D2	Nam	9.2	9.1		8.8	9.4	T	T	8.5	7.75	8.75	8.6	8.75	8.573	8
1547	Nguyễn Minh Thành	17/06/2008	12D2	Nam	8.3	9		7.8	8.4	T	T	7	7.5	7.75	9.25	8.25	7.642	99
1548	Nguyễn Thanh Thảo	27/02/2008	12D2	Nữ	7.5	8.5		8.8	8	T	T	6	8.5	6	9	7.75	7.213	163
1549	Nguyễn Trần Thanh Thảo	12/02/2008	12D2	Nữ	8.9	9.2		9	9.1	T	T	8.25	8	8.5	8.75	7.75	8.475	16
1550	Trương Thanh Thảo	20/12/2008	12D2	Nữ	9.5	9		8.8	8.3	T	T	9	9	7	8.75	8.75	8.493	13
1551	Hà Thị Thùy	23/01/2008	12D2	Nữ	8	8.7		8.7	7.9	T	T	6.25	8.75	6	9	6.75	7.360	140
1552	Đào Thị Thúy	20/03/2008	12D2	Nữ	8.9	9.3		8.3	8.6	T	T	7.75	8	8	9	9	8.122	46
1553	Dương Thị Trang	19/05/2008	12D2	Nữ	8.3	8.5		8.3	8.6	T	T	7.75	7	7.5	8.75	7	7.712	88
1554	Nguyễn Kiều Trang	22/01/2008	12D2	Nữ	8.1	8.8		8.7	8.3	T	T	7	8	7.25	8.75	7.75	7.702	90
1555	Nguyễn Quỳnh Trang	09/06/2008	12D2	Nữ	8.1	9.4		8.6	8.8	T	T	7	8.5	8.75	9.75	8.75	8.208	38
1556	Bùi Thị Minh Tuyền	31/10/2008	12D2	Nữ	8	9.4		9.1	8.9	T	T	7.5	8	8.5	8.6	7	8.200	39

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1557	Nguyễn Thu Uyên	05/05/2008	12D2	Nữ	8.4	8.9		8.7	9.2	T	T	8	8.5	9	9.25	7	8.580	4
1558	Nguyễn Cường Tiến Vương	20/01/2008	12D2	Nam	8.4	9.1		7.7	8.1	T	T	6.5	7	6.5	8.25	7.5	7.087	180
1559	Lưu Thị Xuân	16/02/2008	12D2	Nữ	7.9	8.7		8.4	8.6	T	T	7	8	7	8.5	7.25	7.623	104
1560	Trần Minh An	27/02/2008	12D3	Nữ	7.1	9.9		7.8	7.3	T	T	6	7.5	5.75	9	6	6.712	229
1561	Vũ Bình An	17/04/2008	12D3	Nữ	8.3	9.5		7.1	8	T	T	7.25	6	7.25	9.25	7	7.123	173
1562	Đoàn Phương Anh	14/03/2008	12D3	Nữ	7.3	9.3		7.7	8.3	T	T	6.75	7.5	8	9.5	7	7.522	122
1563	Hoàng Hải Anh	07/11/2008	12D3	Nữ	8.4	8.8		8.3	8.6	T	T	7.75	8.25	8.75	9	8.25	8.305	29
1564	Nguyễn Bảo Anh	26/10/2008	12D3	Nữ	7.7	8.4		8.9	7.5	T	T	6.5	9	6.5	10	6.85	7.543	119
1565	Trần Bảo Anh	03/09/2008	12D3	Nữ	7.8	8.6		8.9	7.8	T	T	8.25	9	7.25	9.75	9.5	8.167	43
1566	Nguyễn Khánh Chi	14/12/2008	12D3	Nữ	6.5	8.5		8.3	7.6	K	T	6.25	7.75	6.5	9.75	5.2	7.023	189
1567	Đào Kim Cương	22/02/2008	12D3	Nam	5.1	8.4		6.4	4.8	Đ	T	3.5	6.5	4.5	5.25	4.35	5.013	308
1568	Nguyễn Vĩnh Hà	04/08/2008	12D3	Nữ	5	7.7		7.3	7.1	K	T	4.5	7	6.25	7.75	5.25	6.082	276
1569	Dương Trung Hải	30/10/2008	12D3	Nam	6	8.6		5.6	7.6	K	T	4.25	4	8	6.5	6.5	5.712	296
1570	Trần Thị Thu Hiền	03/11/2008	12D3	Nữ	6.2	8.5		8.2	8.5	K	T	4.75	8	8.75	8.75	7.25	7.307	147
1571	Nguyễn Đình Hiệp	27/08/2008	12D3	Nam	6.5	8.3		7.2	6.9	K	T	5.25	6.5	5	8	6.75	5.968	286
1572	Đặng Huy Hoàng	29/11/2008	12D3	Nam	5.4	8.9		6.5	6.8	K	T	4.75	7.5	6	6.5	6.25	6.128	273
1573	Nguyễn Minh Hoàng	27/12/2008	12D3	Nam	5.5	7.9		8.2	7.5	K	T	5	8.5	7.25	7.25	6.25	6.962	197
1574	Đàm Thị Hồng	04/06/2008	12D3	Nữ	5.4	7.9		7.2	6.9	K	T	3.5	7.25	4.75	8.85	6.5	5.567	299
1575	Nguyễn Thị Ánh Hồng	27/01/2008	12D3	Nữ	6.6	8.4		7.2	7.1	K	T	5.75	7	5.25	8.25	5.5	6.290	264
1576	Đinh Xuân Huy	01/05/2008	12D3	Nam	6.8	8.8		7.1	6.9	K	T	5.75	7.5	5.25	8.75	8.75	6.397	257
1577	Khổng Thị Thu Huyền	13/08/2008	12D3	Nữ	7.9	8.7		8.3	8.5	T	T	7.5	8.5	8.25	8.75	6.5	8.128	45
1578	Nguyễn Lê Khánh Huyền	02/10/2008	12D3	Nữ	7.3	8.9		8.4	7.8	T	T	6.75	8	7	9.25	8.75	7.425	131
1579	Nguyễn Thị Huyền	22/11/2008	12D3	Nữ	8.9	9.1		8.7	8.1	T	T	8.25	8.75	7.5	8.75	7	8.287	32
1580	Phạm Thanh Huyền	06/02/2008	12D3	Nữ	6.8	8.5		8.5	8.4	T	T	4.85	8.5	8	9.5	8.25	7.352	141
1581	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/10/2008	12D3	Nữ	6.9	8.3		8.3	8	T	T	6	8	7	8	5.35	7.220	162
1582	Hoàng Trung Kiên	09/05/2008	12D3	Nam	6.3	8.7		7.5	7.6	K	T	5.5	7.5	6.75	9	7.75	6.748	222
1583	Lê Minh Lâm	02/05/2008	12D3	Nam	7.2	8.7		6.6	6.3	K	T	6.5	6.5	6	9.25	7.25	6.443	251
1584	Đặng Nguyễn Hà Linh	23/05/2008	12D3	Nữ	6.1	8.2		7.9	7.7	K	T	6.75	8	7	6.25	5.5	7.245	155
1585	Hàn Thùy Linh	27/06/2008	12D3	Nữ	7.2	8.9		8	8.3	T	T	6.5	8.75	8	9.5	7.75	7.775	82
1586	Hoàng Khánh Linh	20/01/2008	12D3	Nữ	7	8.8		7.9	8	K	T	6.5	8.25	7.75	7.5	6	7.540	120

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1587	Nguyễn Mai Linh	02/09/2008	12D3	Nữ	7.8	8.7		8.5	7.7	T	T	7.25	8.5	6.75	9.5	8.25	7.650	97
1588	Phạm Khánh Linh	05/10/2008	12D3	Nữ	7.2	9.1		7.8	8	T	T	5.85	7.5	7.75	10	7	7.223	160
1589	Nguyễn Hoàng Minh	26/04/2008	12D3	Nam	7.4	9.2		7.7	8.2	T	T	5.6	7.5	7.5	8.75	5.2	7.137	171
1590	Nguyễn Huyền My	02/11/2008	12D3	Nữ	6.4	9.8		8.2	6.9	K	T	3.25	8	5.25	7.75	7.75	6.000	282
1591	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	28/10/2008	12D3	Nữ	7.2	9		7.5	7.3	K	T	5.75	7.5	6.25	8.75	9	6.750	221
1592	Trần Hồng Nhung	06/10/2008	12D3	Nữ	7.1	8.8		8.2	8.3	T	T	5.5	8.75	8	8.75	8.25	7.552	118
1593	Lương Thị Phương Oanh	08/12/2008	12D3	Nữ	7.4	8.8		7.7	8.5	T	T	6.5	8.25	8.5	9.25	8.5	7.785	80
1594	Đỗ Phạm Minh Sơn	24/05/2008	12D3	Nam	7.8	9		8.2	7.4	T	T	7.25	7.5	6	9.25	9	7.182	169
1595	Đàm Thị Mai Thảo	18/08/2008	12D3	Nữ	8.3	8.9		8.6	7.4	T	T	7.75	8.5	7	9	8.5	7.855	65
1596	Nguyễn Quang Thắng	30/09/2008	12D3	Nam	6.9	8.4		8.1	6.9	T	T	4.5	8.5	5	8.25	6	6.390	258
1597	Tạ Quang Thịnh	06/02/2008	12D3	Nam	5.2	8.1		6.3	6.9	Đ	Đ	2.2	6	5.75	5	5.5	5.095	307
1598	Đặng Thị Anh Thơ	14/06/2008	12D3	Nữ	5.8	7.7		7.7	7.5	K	T	3.35	7	6.25	7.1	6.25	5.973	285
1599	Đào Minh Thu	18/10/2008	12D3	Nữ	6.2	8.6		7.8	7.2	K	T	5.25	8.25	6.25	9	8	6.728	226
1600	Đào Mai Trang	18/10/2008	12D3	Nữ	6.5	8.7		7.8	6.5	K	T	5.5	8	5.25	8.75	8.25	6.455	250
1601	Phạm Thị Thu Trang	18/08/2008	12D3	Nữ	6.4	8.3		7.7	7.4	K	T	5.5	7.5	6.5	8.25	8	6.700	231
1602	Trần Thị Thu Trang	01/09/2008	12D3	Nữ	6.7	8.5		8.1	8.4	T	T	4.75	7.5	8.25	6.75	5	7.103	178
1603	Lê Đức Trí	05/04/2008	12D3	Nam	6.2	7.9		8	8.9	K	T	4.5	7	8.75	7.25	6.6	7.035	187
1604	Đào Mạnh Triết	23/02/2008	12D3	Nam	6.4	8.4		7.3	7.8	K	T	4.5	7.25	7.5	7.75	6	6.642	235
1605	Nguyễn Thị Hồng Yến	05/01/2008	12D3	Nữ	7.3	8.5		8.1	8.3	T	T	6.75	8.5	8	9.25	7.25	7.795	78
1606	Đàm Quang Anh	10/02/2008	12D4	Nam	7.3	6.4		7.4	8.1	K	T	7.5	6.5	6	3.85	5	6.947	202
1607	Đàm Tuấn Anh	21/04/2008	12D4	Nam	7.2	7.8		8.2	8.2	T	T	6	7.5	6.75	8.75	5.5	7.085	181
1608	Nguyễn Đức Anh	15/09/2008	12D4	Nam	8	9.2		7.8	8.6	T	T	6.75	7	8.5	8.5	9	7.632	102
1609	Nguyễn Thị Hà Anh	01/06/2008	12D4	Nữ	7.6	6.6		8.9	8.6	T	T	5	8.5	8.25	9.75	7.25	7.585	111
1610	Nguyễn Thị Kiều Anh	23/09/2008	12D4	Nữ	8.1	8.9		8.5	9.1	T	T	6.5	7.5	8.75	9	8.75	7.878	63
1611	Đỗ Ngọc Ánh	24/03/2008	12D4	Nữ	6.6	7.3		8.3	7.7	K	T	4.6	7	7.25	8.25	5.75	6.658	233
1612	Trương Ngọc Ánh	02/01/2008	12D4	Nữ	7.4	8.1		8	8	T	T	5.5	6.75	6.75	7.75	7.5	6.773	217
1613	Lê Đắc Duy	09/12/2008	12D4	Nam	7.8	7.6		7.7	8	K	T	6.5	7	7	8.75	7	7.133	172
1614	Đỗ Tiến Đạt	08/12/2008	12D4	Nam	7.7	5.3		7.7	6	K	T	7.75	6.5	2.75	5.1	6	6.107	274
1615	Mai Thành Đạt	15/05/2008	12D4	Nam	6.6	7.9		6.5	7	K	T	6.25	5.5	4	6.75	6.75	5.685	297
1616	Nguyễn Tiến Đạt	21/04/2008	12D4	Nam	7.4	8.1		8.3	7.9	T	T	6.5	6.75	6.5	8.5	7.75	6.968	195

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1617	Đào Duy Đăng	01/07/2008	12D4	Nam	7.3	7.7		8	8.8	T	T	6	6.75	8	9.5	8	7.252	154
1618	Trần Duy Đông	02/07/2008	12D4	Nam	7.9	9		7.8	8.3	T	T	7	6.5	7	9.25	6.75	7.183	168
1619	Nguyễn Thu Giang	06/04/2008	12D4	Nữ	7.5	7.8		8.6	8.2	T	T	5.75	7.75	7	8.25	7	7.213	163
1620	Nguyễn Văn Giáp	01/03/2008	12D4	Nam	6.7	8.2		7.7	7.5	K	T	5	5.75	7.75	8.5	7.75	6.507	247
1621	Đào Mạnh Hà	01/10/2008	12D4	Nam	6.4	5.9		7.6	7.3	K	T	6	6	4.25	6.75	6.5	5.922	289
1622	Phùng Đức Hải	07/05/2008	12D4	Nam	7.2	7.7		8.8	8.2	T	T	6.75	8	8	9	6.25	7.728	87
1623	Vương Thị Hạnh	18/02/2008	12D4	Nữ	7.1	7.3		8.7	8.3	T	T	5.25	8	6	8.85	6	6.902	204
1624	Dương Thanh Hằng	18/09/2008	12D4	Nữ	7.6	8		9.3	7.3	T	T	6.25	8.75	5.75	9	6.75	7.262	153
1625	Lê Thị Ngọc Hân	12/02/2008	12D4	Nữ	7.8	7.5		8.9	9	T	T	6.5	8.75	8.5	8.25	6	8.112	48
1626	Nguyễn Hoàng Hiệp	31/07/2008	12D4	Nam	9.3	8.2		7.9	8.1	T	T	8.5	7	8	8.75	8.5	8.013	56
1627	Nguyễn Mạnh Hùng	08/11/2008	12D4	Nam	6.5	7.8		8.8	8.6	T	T	4.25	8	8	8	6.25	7.115	175
1628	Nguyễn Thị Thanh Hương	16/06/2008	12D4	Nữ	7.5	8.3		8.6	7.9	K	T	6.25	7.75	6.75	9.25	5.5	7.242	156
1629	Dương Trần Hoàng Linh	31/10/2008	12D4	Nữ	5.8	7.2		8.1	8.1	K	T	4.6	7	7	5.85	6.25	6.540	243
1630	Đào Ngọc Linh	04/09/2008	12D4	Nữ	7.2	8.6		8.4	9.2	T	T	5	7.75	9	8.75	7	7.555	117
1631	Đỗ Hải Linh	01/07/2008	12D4	Nữ	7	8.1		8.8	8.4	T	T	5.25	8	7.25	9.5	7.5	7.203	166
1632	Nguyễn Hà Linh	12/11/2008	12D4	Nữ	7.3	8.1		8.6	8.6	T	T	7.25	7.75	7.5	9	6.5	7.700	91
1633	Nguyễn Hồng Hà Linh	07/07/2008	12D4	Nữ	7	8.8		8.1	8.5	T	T	6	7	8.5	8.75	7.5	7.377	137
1634	Nguyễn Thảo Linh	07/01/2008	12D4	Nữ	7.9	7.4		8.2	8.3	T	T	7	6.75	8	8.25	6.5	7.515	124
1635	Nguyễn Thị Thùy Linh	09/02/2008	12D4	Nữ	7.7	7.8		8.2	6.8	K	T	6.75	7.25	5.75	7.6	6.75	6.878	208
1636	Phạm Khánh Linh	26/09/2008	12D4	Nữ	6.4	7.2		8.4	9.2	K	T	4.25	6.75	8.5	9.25	7.25	6.950	201
1637	Nguyễn Thị Xuân Mai	21/10/2008	12D4	Nữ	7.4	8.8		8.4	9.1	T	T	5.5	7.5	8.25	9	6.75	7.448	130
1638	Lê Trà My	01/02/2008	12D4	Nữ	5.4	7.4		8.1	6.1	K	T	2.85	7	6	9	5.35	5.658	298
1639	Đàm Thị Nguyệt	15/11/2008	12D4	Nữ	7	7		8.5	8.6	T	T	5.25	7.5	6.75	7.5	5.75	6.960	198
1640	Nguyễn Mai Phương	03/05/2008	12D4	Nữ	7.9	7.4		8.2	8.5	T	T	7.75	7	8.25	7.25	4.5	7.827	69
1641	Ngô Đức Quang	24/01/2008	12D4	Nam	6.4	8.2		8.6	7.6	K	T	3.5	7.5	6	8.5	7.1	6.227	269
1642	Trần Mạnh Quân	18/02/2008	12D4	Nam	4.5	5.3		6.2	6.7	Đ	Đ	0	5	3.75	8.75	4.25	3.782	310
1643	Nguyễn Ngọc Quyên	13/08/2008	12D4	Nữ	7.4	8.4		8.4	7.7	T	T	5.5	7.25	6	8.75	5.5	6.725	227
1644	Nguyễn Thị Thảo	01/04/2008	12D4	Nữ	7.8	7.2		7.9	8.1	K	T	8	6.5	7.25	8.5	7.75	7.455	129
1645	Nguyễn Cẩm Tú	08/06/2008	12D4	Nữ	8.3	7.9		8.8	8.7	T	T	8	8.5	8	9.75	8	8.297	30
1646	Nguyễn Quang Vinh	09/03/2008	12D4	Nam	8.7	8.4		7.7	9.7	T	T	8	7.5	9.5	8.75	8	8.443	19

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1647	Hoàng Thị Hạ Vy	25/06/2008	12D4	Nữ	6.9	7.3		8.4	7.7	K	T	5.25	7.5	6.25	6.35	3.75	6.733	224
1648	Nguyễn Khánh Vy	26/02/2008	12D4	Nữ	7.2	6.9		8.6	8.3	T	T	7	8	7.25	9.25	5.75	7.602	109
1649	Nguyễn Thị Hải Yến	30/07/2008	12D4	Nữ	8	7.6		9.1	8.9	T	T	7.75	8	9.5	9.25	5.85	8.492	14
1650	Lê Việt Anh	17/01/2008	12D5	Nam	7	9.1		7.9	8.4	T	T	7.1	8.25	8	7.75	8.75	7.778	81
1651	Nguyễn Tuấn Anh	24/05/2008	12D5	Nam	7	8.7		7.3	7.3	K	T	5	7.25	4.25	8	5.35	6.010	281
1652	Thái Bảo Anh	09/12/2008	12D5	Nữ	6.2	9		7.8	7.7	K	T	5	7.75	5.25	8.5	4.35	6.370	260
1653	Vũ Thị Ngọc Anh	12/07/2008	12D5	Nữ	5.4	8.4		7.3	7.7	K	T	2.25	6.5	7.25	7	4.85	5.773	294
1654	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	01/02/2008	12D5	Nữ	7.5	9.4		8.4	7.9	K	T	6	8.25	7.75	9	5.5	7.513	125
1655	Nguyễn Thị Ánh	06/02/2008	12D5	Nữ	7.6	9.3		8	7.8	T	T	6.5	8	6.5	8.25	7.25	7.240	157
1656	Tạ Thị Ngọc Ánh	23/03/2008	12D5	Nữ	5.9	8.2		7.7	7.3	K	T	4.85	8	5.75	5.25	5.85	6.430	252
1657	Trần Thị Ngọc Ánh	07/01/2008	12D5	Nữ	8.4	8.9		7.7	8.7	T	T	7.25	7.5	8.75	6.1	6.5	7.963	58
1658	Lê Thị Ngọc Châm	16/07/2008	12D5	Nữ	8.2	8.9		7.8	8.2	T	T	7.75	8.5	8	9.5	8	8.078	52
1659	Nguyễn Lâm Chi	27/07/2008	12D5	Nữ	5.2	8.4		7.5	7.8	K	T	3.25	6.5	7.25	8.1	6.25	6.017	279
1660	Nguyễn Thảo Chi	27/08/2008	12D5	Nữ	8.2	9.3		8.7	9.1	T	T	6.5	8.75	8.5	9.75	9	8.142	44
1661	Ngô Đình Chiến	29/08/2008	12D5	Nam	6.9	9		7.9	7.9	K	T	5.5	8.75	6	8	5.25	6.995	192
1662	Nguyễn Thị Phương Chinh	11/04/2008	12D5	Nữ	7.4	9.4		8.3	7.6	T	T	5.25	8	6.75	7.75	6.5	6.997	191
1663	Hoàng Minh Cường	27/03/2008	12D5	Nam	7.4	9.3		6.5	7.2	K	T	5.5	6.5	5.25	6.25	6.75	6.135	272
1664	Nguyễn Hoàng Đạt	24/11/2008	12D5	Nam	5.5	8.8		6.7	7.9	K	Đ	2.1	6	6.75	6.6	5.25	5.475	302
1665	Nguyễn Mạnh Thành Đạt	26/11/2008	12D5	Nam	7.2	9		6.1	7.3	K	T	5.5	5.25	6	4.75	6.75	5.968	286
1666	Đỗ Quang Đức	22/01/2008	12D5	Nam	7.8	9.2		7.8	7.6	T	T	6.5	7	6.75	8.75	7.6	7.045	185
1667	Nguyễn Thị Hương Giang	21/03/2008	12D5	Nữ	7.9	9.2		8.1	8.2	T	T	6.5	7	7.5	7.75	6	7.320	144
1668	Hoàng Thu Hà	28/10/2008	12D5	Nữ	8.2	9.4		8.3	8.6	T	T	7.25	8	7.5	9	6.75	7.818	73
1669	Nguyễn Minh Hải	26/07/2008	12D5	Nam	8	8.9		6.4	8.2	K	T	7.25	7	8.5	8	6	7.568	115
1670	Lê Ngọc Hân	24/11/2008	12D5	Nữ	6.3	8.7		6.6	8	K	T	5.25	6	7.25	8.5	6.5	6.407	255
1671	MÃN THỊ THU HIỀN	14/12/2007	12D5	Nữ	7.5	9.4		8.3	7.9	T	T	6.25	8	6.5	8	5.25	7.212	165
1672	Nguyễn Ngọc Thu Hiền	27/01/2008	12D5	Nữ	6.6	8.9		7.9	6.9	K	T	3	8.25	5.5	8.75	4	6.048	277
1673	Nguyễn Minh Hiếu	17/06/2008	12D5	Nam	7.9	8.5		7.1	7	K	T	7.5	6.5	5	9	6.5	6.633	236
1674	Nguyễn Thu Hoài	05/07/2008	12D5	Nữ	7.9	8.2		7.6	7.8	T	T	7	7	7	9	7	7.230	159
1675	Nguyễn Duy Khánh	09/04/2008	12D5	Nam	6.7	8.5		7.3	7.4	K	T	5.75	6.5	6	7.75	6	6.398	256
1676	Dương Thị Hồng Linh	29/10/2008	12D5	Nữ	7.3	9.5		7.9	8.1	T	T	6.5	7.5	7.25	8	5.35	7.288	150

STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1						Tham chiếu	
					Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1677	Nguyễn Vương Linh	26/11/2008	12D5	Nam	8.1	8.5		7.2	7.1	K	Đ	7.5	8.25	6	4.6	5.35	7.315	146
1678	Trần Bảo Long	28/02/2008	12D5	Nam	6.2	7		6.4	8.3	K	CD	7.5	6.5	9	9.25	6.25	7.457	127
1679	Đàm Yến Nhi	01/07/2008	12D5	Nữ	7.1	9.4		8.2	8.2	T	T	7.75	8	6.75	8.5	5.75	7.600	110
1680	Trần Gia Như	20/10/2008	12D5	Nữ	6.5	9.2		7.8	7.9	K	T	4.5	7.5	7.5	9.5	4.45	6.770	219
1681	Đoàn Minh Phương	31/10/2008	12D5	Nữ	6.5	9.2		7.4	6.8	K	T	3.5	7.5	5.75	7	6.5	5.978	284
1682	Đỗ Hồng Quyên	08/12/2008	12D5	Nữ	5.6	8.8		7.4	6.3	K	T	5	8	4	5.85	4.25	5.897	291
1683	Vũ Ánh Quyên	09/09/2008	12D5	Nữ	7.6	9		6.7	7.4	K	T	7.5	6.25	6.75	6.25	5.25	6.953	200
1684	Phạm Như Quỳnh	05/09/2008	12D5	Nữ	8.2	8.9		7.7	7.6	T	T	7	7.25	6	8.85	6	7.075	183
1685	Nguyễn Thị Thanh Thảo	01/08/2008	12D5	Nữ	7.7	9		8.6	7.7	T	T	6	9	7.5	8.75	6.75	7.650	97
1686	Vương Xuân Tiến	20/07/2008	12D5	Nam	7.8	9.2		7.4	7.5	K	T	6.75	7	6.5	8.5	5	6.995	192
1687	Đặng Thị Cẩm Tú	25/07/2008	12D5	Nữ	8	9.1		8.3	8.9	T	T	6	8	8.5	9	7.25	7.770	83
1688	Nguyễn Anh Tú	02/12/2008	12D5	Nam	8.7	9.7		8.1	9	T	T	7.25	7.5	9	8.75	7.25	8.122	47
1689	Nguyễn Thị Tuyết	29/02/2008	12D5	Nữ	6.9	8.5		8.1	7.6	T	T	6.5	7.5	6.75	9.25	8.5	7.102	179
1690	Nguyễn Khánh Vân	11/02/2008	12D5	Nữ	6.9	9.3		8.1	7.7	K	T	4.5	8	6	9	6.75	6.587	241
1691	Đỗ Hoàng Việt	17/07/2008	12D5	Nam	5.5	7.6		6.6	6.9	Đ	T	5	7	5.5	6.5	5.5	5.983	283
1692	La Quốc Việt	29/02/2008	12D5	Nam	7.6	8.6		7.8	8.2	T	T	5.85	7.5	7.75	9	6.35	7.283	151
1693	Nguyễn Anh Vũ	05/06/2008	12D5	Nam	7.9	8.8		7.1	7.3	K	T	7.5	6.5	6	8.75	6	6.897	206
1694	Trịnh Hà Vy	11/10/2008	12D5	Nữ	6.7	8.9		7.9	9.1	T	T	6.25	7.5	9	8.5	5	7.678	92
1695	Trần Thiện An	26/08/2008	12D6	Nữ	8.1		7.4	8.9	6.9	K	T	6.5	8.5	4.25	6.25	3.1	6.882	207
1696	Phạm Huy Anh	08/11/2008	12D6	Nam	6.6		7.1	8.5	7	K	T	4.85	8.75	6	9.25	7.75	6.783	215
1697	Trần Xuân Bắc	30/03/2008	12D6	Nam	7.9		5.8	7.9	6.5	K	T	6.75	6	5.25	8.5	6.5	6.430	252
1698	Trần Khánh Bằng	09/01/2008	12D6	Nữ	7.4		5.8	8.1	7.6	K	T	6	7.5	5.75	8.85	8.75	6.802	212
1699	Ngô Thùy Dịu	20/09/2008	12D6	Nữ	8		8	8.5	7.4	T	T	6.25	8.5	5.75	8	5.75	7.173	170
1700	Đặng Anh Duy	16/04/2008	12D6	Nam	6.7		6.7	7.8	6.8	K	T	3.75	6.5	6.5	8.35	7.75	6.038	278
1701	Nguyễn Trọng Dương	25/03/2008	12D6	Nam	6.9		6.1	8.7	6.4	K	T	3.85	8	5.5	7.35	5	6.248	268
1702	Lưu Tiến Đạt	13/11/2008	12D6	Nam	7.6		6.4	7.4	7.1	K	T	7	5.5	6.5	8.75	7	6.643	234
1703	Hứa Thị Hương Giang	08/03/2008	12D6	Nữ	7.7		5.7	8	7.6	K	T	6.5	7	6.75	8.75	8	7.055	184
1704	Nguyễn Ngọc Trường Giang	04/05/2008	12D6	Nam	5.4		2.1	6.4	6.6	CD	CD	2.6	0	0	7	6.25	2.447	311
1705	Trần Hương Giang	02/10/2008	12D6	Nữ	7.5		8.1	8.3	7.5	T	T	5.25	8	7.25	8.75	5.75	7.113	176
1706	Trương Văn Giang	03/01/2008	12D6	Nam	6.2		5	7.4	6.6	K	T	4.75	6	5.75	7.25	7.5	5.870	293

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1707	Nguyễn Ngọc Hân	22/11/2008	12D6	Nữ	7.1		8	7.6	8.6	T	T	4.85	6.5	9	9	5.5	7.078	182
1708	Chu Minh Hiếu	04/09/2008	12D6	Nam	6.4		7.7	8.2	6.2	K	T	3.6	7.5	5.25	8	8	5.895	292
1709	Nguyễn Duy Hiếu	19/10/2008	12D6	Nam	6.6		7.9	8.4	7.2	K	T	3.75	7	5.5	8.5	5	6.012	280
1710	Nguyễn Khắc Hiếu	14/12/2008	12D6	Nam	7.4		4.9	7.8	6.9	Đ	T	6.25	7.5	6	6	7.5	6.818	210
1711	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	06/07/2008	12D6	Nữ	7.1		8	7.9	6.5	K	T	5.5	7.5	4.25	7.75	5.75	6.175	270
1712	Dương Thị Minh Huyền	02/02/2008	12D6	Nữ	7.8		6.6	8.9	7.8	K	T	5.75	8.5	7	6.1	6.25	7.408	134
1713	Đôi Lê Sĩ Khang	19/12/2008	12D6	Nam	6.3		7.4	8.1	7.2	K	T	5.5	6	7.25	8	6.5	6.535	244
1714	Hoàng Gia Linh	30/12/2008	12D6	Nữ	7.9		7.9	7.9	7.2	K	T	8	7	6.75	8.25	5	7.375	138
1715	Nguyễn Thị Phương Ly	23/11/2008	12D6	Nữ	6.3		5.3	8.2	7.8	K	T	3.6	7.5	7.75	8.35	6.6	6.628	237
1716	Ngô Thị Tuyết Mai	12/12/2008	12D6	Nữ	6.9		6.3	8.4	6.6	K	T	5.75	8	3.75	8	4.85	6.273	266
1717	Nguyễn Thị Kiều Mây	11/05/2008	12D6	Nữ	8.3		7.2	8.2	8.4	T	T	8	7	7.75	8.75	8.25	7.798	76
1718	Bùi Hà Minh	25/06/2008	12D6	Nữ	7.3		7.6	8	6.4	K	T	6	7	5	4.6	6.5	6.370	260
1719	Nguyễn Trà My	02/01/2008	12D6	Nữ	7.2		8.1	8.4	8.5	K	T	4.25	7.25	7.75	8.75	3.45	6.902	204
1720	Đỗ Thị Kim Ngân	24/12/2008	12D6	Nữ	7.6		5.7	8.4	7.7	K	T	4.75	7.5	6.5	9.1	5.25	6.745	223
1721	Nguyễn Thị Phi Nhung	07/02/2008	12D6	Nữ	7.2		6.4	8.1	7.7	K	T	4.45	7.5	6.75	8.75	5	6.663	232
1722	Đỗ Văn Phong	04/01/2008	12D6	Nam	5.4		5	7.3	5.5	Đ	Đ	2.25	7	2.5	4	4.35	4.562	309
1723	Phạm Hồng Phong	20/06/2008	12D6	Nam	8.6		6.9	8.1	8.2	T	T	7.75	7.5	7.5	8.85	7.75	7.798	76
1724	Trần Hồng Phúc	19/11/2008	12D6	Nam	6.4		7.2	7.9	6.6	K	T	4.25	7	4.5	7.5	4.6	5.765	295
1725	Trần Thị Tâm	19/08/2008	12D6	Nữ	8.5		8.5	8.2	8.2	T	T	7.75	7.5	6.75	8.5	6	7.623	104
1726	Lưu Thị Thanh Thảo	18/11/2008	12D6	Nữ	7.6		7.6	7.5	7.9	K	T	6	7.25	6.75	8.5	7.25	6.967	196
1727	Lưu Thị Anh Thư	23/11/2008	12D6	Nữ	7.7		7.5	8.4	8.3	T	T	5.75	8	7.75	8.75	7.75	7.457	127
1728	Đinh Thị Thùy Trang	24/12/2008	12D6	Nữ	7.1		5.9	8.3	7.6	K	T	5.35	7.5	6.5	6.7	5.5	6.815	211
1729	Ngô Phương Trang	15/05/2008	12D6	Nữ	7.6		5.8	8.2	8.7	K	T	6.75	7	8.5	8.25	8.5	7.642	99
1730	Ngô Quỳnh Trang	19/01/2008	12D6	Nữ	8		5.4	7.7	7.2	K	T	7	6.5	6.5	8.75	6.5	6.957	199
1731	Nguyễn Thùy Trang	26/02/2008	12D6	Nữ	8.8		7.7	8.4	8.3	T	T	8	8	8.5	9	8.25	8.267	33
1732	Nguyễn Thanh Trúc	30/11/2008	12D6	Nữ	8.1		6.9	7.8	6.9	K	T	8	7.5	6.5	9	8.5	7.413	133
1733	Nguyễn Thị Thanh Trúc	11/10/2008	12D6	Nữ	7.2		6.5	8.4	7.4	K	T	5.25	7.5	6.25	7.85	6.5	6.733	224
1734	Nguyễn Anh Tuấn	31/03/2008	12D6	Nam	6.6		8.2	8.7	7.2	T	K	5.35	7.5	6.75	8.85	7	6.823	209
1735	Mai Phong Vũ	25/09/2008	12D6	Nam	7.7		8.6	8.8	8	K	T	7	8	7.25	7	3.75	7.642	99
1736	Lê Thị Mai Anh	27/11/2008	12D7	Nữ	6.3		8.1	6.4	7.4	K	T	3.6	5.25	6	8.5	8.25	5.475	302

					Điểm trung bình môn học kỳ 1						Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu		
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1737	Lương Hà Anh	05/12/2008	12D7	Nữ	6.1		8.4	7.4	6.6	K	K	4.5	8.5	4.5	8	4.1	6.093	275
1738	Nguyễn Thái Anh	16/11/2008	12D7	Nam	6.4		7.2	6.2	6.3	K	K	3.25	6	5.5	9	6.25	5.332	304
1739	Đặng Ngọc Ánh	30/08/2008	12D7	Nữ	6.2		7.7	7.3	7.9	K	T	4.5	7	6.5	8.75	6.25	6.340	262
1740	Nguyễn Thị Giang	13/01/2008	12D7	Nữ	6.4		8.2	7.6	7.8	K	T	4.75	7.5	7.5	8.75	6.6	6.788	214
1741	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/07/2008	12D7	Nữ	7.5		8.8	8.5	7.4	T	T	4.5	8.5	6	9.5	8.5	6.773	217
1742	Đỗ Trung Hiếu	06/01/2008	12D7	Nam	7.3		8.6	7.6	7.8	K	T	5	7	7	8.85	6.75	6.703	230
1743	Nguyễn Thị Thu Hoài	15/09/2008	12D7	Nữ	8.7		8.8	8.4	8.6	T	T	7.75	8.5	8.5	8.75	7.75	8.345	23
1744	Nguyễn Thu Hoài	15/09/2008	12D7	Nữ	6.9		8	7.4	7.1	K	T	4	8	7	6.6	4.5	6.573	242
1745	Nguyễn Đức Hoàng	21/07/2008	12D7	Nam	6.8		7.4	6.6	7.3	K	T	4.6	7	7	8	4.1	6.410	254
1746	Nguyễn Đức Huy	16/09/2008	12D7	Nam	7.8		5.7	6.6	7.3	K	CD	6	7	6.5	6.5	4	6.720	228
1747	Nguyễn Quang Huy	22/09/2008	12D7	Nam	8.3		8.1	7.4	6.8	T	T	7.25	7	4.5	6.75	6.1	6.625	238
1748	Nguyễn Thanh Huyền	14/03/2008	12D7	Nữ	7.2		8.3	7.6	7.4	K	K	4.25	8.5	6.75	8.1	5.75	6.770	219
1749	Nguyễn Thị Thúy Liễu	22/10/2008	12D7	Nữ	9.1		8.8	8.5	7.8	T	T	8.5	7.75	7.5	9.25	7.75	8.082	51
1750	Đàm Thảo Linh	14/08/2008	12D7	Nữ	8.4		8.6	8.4	7.6	T	T	6.5	8	6	9.75	8.5	7.223	161
1751	Đàm Thị Hà Linh	02/05/2008	12D7	Nữ	7.7		8.4	7.9	7.6	K	T	6.25	7.5	6	8.5	7	6.928	203
1752	Đào Thị Ngọc Linh	13/06/2008	12D7	Nữ	6.1		8.7	7.8	7	K	T	4.25	7.75	7	8.25	7	6.523	245
1753	Trần Ngô Gia Long	19/10/2008	12D7	Nam	8.7		8.4	7.3	8.7	T	T	7.5	6.75	8.75	9	7.5	7.837	67
1754	Nguyễn Hương Ly	24/05/2008	12D7	Nữ	6.6		7.7	7.8	8.5	K	T	2.85	6.5	7.75	7.5	5.75	6.280	265
1755	Phạm Quang Minh	02/10/2008	12D7	Nam	5.8		7.7	6.9	6.7	K	K	4.1	7	6	8	7	5.930	288
1756	Nguyễn Ngọc Nam	16/02/2008	12D7	Nam	7.2		8.7	6.7	8	T	T	5.75	7	7	8.75	5	6.798	213
1757	Dương Thu Nga	09/10/2008	12D7	Nữ	6.8		8.3	7	8.2	T	K	3.6	7	7.75	8	7.75	6.482	249
1758	Ngô Minh Ngọc	08/12/2008	12D7	Nam	7.5		8.4	7.5	7.2	K	T	6.75	7.5	4.5	7.25	4.5	6.595	240
1759	Đặng Thái Nguyên	06/12/2008	12D7	Nam	6.9		6.3	6.5	6.1	K	K	4.85	6.5	3	6.75	5.5	5.298	305
1760	Đào Đoàn Thị Bảo Nhi	30/09/2008	12D7	Nữ	7.8		8.4	7.9	7.6	T	T	6.5	7.5	6.5	8.1	8	7.113	176
1761	La Thị Huyền Nhung	30/03/2008	12D7	Nữ	6.6		8.1	7.8	7.4	K	T	5	7	6.5	8.5	6.85	6.497	248
1762	Nguyễn Hà Phương	22/12/2008	12D7	Nữ	7.7		8.5	8.1	8.3	T	T	5.25	7.5	7.75	8.75	5.35	7.193	167
1763	Nguyễn Anh Quân	16/02/2008	12D7	Nam	6		6.9	6.4	5.2	K	K	6.25	5	5	9.25	4.1	5.552	301
1764	Đàm Khắc Quý	09/01/2008	12D7	Nam	7		7.9	6.3	6.9	K	T	6.25	6.5	6.5	8.75	6.75	6.512	246
1765	Nguyễn Văn Quyền	19/07/2008	12D7	Nam	6.1		7.6	6.4	7	K	CD	6.5	7.25	6.25	9	5.75	6.617	239
1766	Đỗ Minh Tâm	18/01/2008	12D7	Nam	6.7		7.9	6.8	6.5	K	K	4.5	7	5.25	8	8.75	5.908	290

					Điểm trung bình môn học kỳ 1							Điểm thi môn học cuối kỳ 1					Tham chiếu	
STT	Họ tên	Ngày sinh	Tên lớp	GT	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	KQH T	KQR L	Toán	Văn	Anh	Lý/Sử	Hóa/Địa	Điểm xét	Xếp thứ trong Khối Ban
1767	Nguyễn Quốc Thái	24/07/2008	12D7	Nam	8		7.9	6.9	7.5	K	CĐ	8.25	7.75	7.25	8.6	5.75	7.665	96
1768	Đàm Mai Thanh	14/07/2008	12D7	Nữ	8.2		8.4	8	7.3	T	T	7.25	7.75	6.5	8.35	8.25	7.367	139
1769	Vũ Văn Thịnh	01/04/2008	12D7	Nam	8		8.3	7.8	7.3	K	T	6.5	8	5.5	6.75	5	6.977	194
1770	Dương Ánh Thùy	16/05/2008	12D7	Nữ	6.5		8	7.5	6.9	K	T	4.1	7.5	6.75	9.5	7	6.372	259
1771	Trần Thu Trà	22/08/2008	12D7	Nữ	6.6		7.9	6.9	6.1	K	T	3.5	6.5	3.5	5.85	4	5.110	306
1772	La Thị Huyền Trang	30/03/2008	12D7	Nữ	5.9		7.6	7.4	6.7	K	T	3.25	7	5	8.25	4.75	5.558	300
1773	Nguyễn Huyền Trang	06/12/2008	12D7	Nữ	6.7		8.9	7.8	7.2	K	T	4.75	7.5	5.25	8.75	5	6.253	267
1774	Nguyễn Thị Trang	24/08/2008	12D7	Nữ	7.9		8.7	8.8	7.2	T	T	5.75	8.5	6	9.25	8.25	7.115	174
1775	Nguyễn Mạnh Trung	05/09/2008	12D7	Nam	8.2		8.6	7.5	7.3	T	T	6.5	7.5	6.25	7.85	6.25	7.025	188
1776	Đồng Thị Thanh Tuyền	26/11/2008	12D7	Nữ	8.2		8.6	8.3	7.8	T	T	5.5	8	6.25	9.5	5.75	7.038	186